

NGÀY SONG THẤT

ông đã kể

mà trong GẤY 7 tháng 7 năm 1954 !

không ai là Một ngày vẻ vang, đã tô đậm nét vàng son trên quá trình cứu quốc và
chưa hề ớc của dân tộc, ngày mà Tổng Thống NGÔ-ĐÌNH-DIỆM chính-thức
hân vào lịch sử...

sách hoặ ời năm, toàn dân Việt Nam hân hoan kỷ niệm ngày Song Thất một
nào. Công trọng.

thiệu Riêng năm 1959, ngày Song Thất còn là ngày mở đầu cuộc vận động bầu cử
câu ớc hội lập pháp mới, thay thế quốc hội lập pháp 1956 đã mãn nhiệm kỳ. Ý
hĩa trọng-đại của ngày Song Thất năm nay chính là việc nhắc nhở toàn dân
sau ham gia bầu cử quốc hội lập pháp khóa II, một thắng lợi lớn của dân tộc ta
ch trên đường xây dựng kỷ nguyên Dân chủ và kiện toàn Chánh thể Cộng Hòa.

nl Trong 5 năm qua, chính phủ và toàn dân đã thực hiện được một phần quan
trọng cuộc cách mạng cứu quốc mà Ngô Tổng Thống từng chủ trương.

Về phương diện chính trị, chính phủ đã xây dựng một cơ sở dân chủ vững
chắc với việc thiết lập chính thể Cộng Hòa, bầu Quốc Hội, ban hành hiến pháp,
thực hiện các quyền tự do dân chủ...

Về phương diện kinh tế và xã hội, chính phủ đã chuyển nền kinh tế thời
chiến sang nền kinh tế thời bình, củng cố nền tài chính và phát triển nền kinh tế
quốc gia, nâng cao mức sinh hoạt của các tầng lớp kinh tế thấp kém. Chủ trương
« thăng tiến cần lao », « đồng tiến xã hội », của chính phủ đã thi hành nhiều
biện pháp đề tư hữu hóa nông dân như cải cách điền địa, thiết lập dinh điền,
cho vay tiền nông tín lập hợp tác xã và hiệp hội nông dân.

Đối với đồng bào lao động, đề đối phó với sự thu hẹp hoạt động
của ngoại kiều và thực dân, chính phủ đã tạo thêm công ăn việc làm bằng
những công trình khuếch trương kỹ nghệ, lập các dinh điền, mở các xưởng
máy sợi, công ty bóng vải, máy làm đường, xưởng gỗ... Chính phủ lại đảm bảo
sự thi hành thành thực bộ Luật Lao Động...

Về phương diện ngoại giao, ta đã thu lượm những thắng lợi vẻ vang trên
trường quốc tế. Sự đón tiếp nồng hậu Ngô Tổng Thống tại Mỹ quốc, Đại Hàn,
Thái Lan, Ấn Độ, Úc Đại Lợi, Phi luật Tân, những cuộc viếng thăm của các
lãnh tụ quốc tế tại Việt Nam, việc bồi thường chiến tranh của Nhật, ba hiệp
ước Việt Phi, Việt Lào, Việt Nhật vừa ký kết là bằng chứng cụ thể cho những
thắng lợi vẻ vang trên địa hạt ngoại giao.

Tóm lại, đề kỷ niệm ngày Song Thất, chúng ta hãy quyết tâm học tập đề
tận bộ và đặt một niềm tin tưởng vô biên vào sự lãnh đạo anh minh của Ngô
Thống.

PHỔ-THÔNG

TẠP-CHÍ

GÓP PHẦN XÂY-DUNG VĂN-HÓA VIỆT NAM
PHỔ-BIẾN VĂN-HÓA ĐÔNG-TÂY KIM CÔ

Giám-Đốc, Chủ-Bút : NGUYỄN-VỸ

Quản-lý : TRẦN-VĂN-LANG

Tòa soạn : 283 Đường Gia-Long — Sài Gòn — Đ. T. Sài Gòn 307



BỘ MỜI SỐ 15 ★ 15.7.1959

trang Số

- 1.— Lương tâm văn nghệ Nguyễn-Vỹ 7—9
- 2.— 11.460 dân Saigon đào kinh Tàu-Hủ
trong 3 tháng Lê-ngọc-Trụ 10—13
- 3.— Văn chương Thái-Lan Bà J. Kasem 14—18
- 4.— Ngày lịch-sử Nguyễn Triệu 19—22
- 5.— Chiều buồn (thơ) Hoài-Trang —23
- 6.— Gặp thi-sĩ Tân-Đà tại nhà Khái-Hưng : Dương-dinh-Tỷ 24—28
- 7.— Người về trong đêm tối (chuyện ngắn
quốc-tế) Nguyễn-tôn-Bi 29—32
- 8.— Một đời người Thiệu-Sơn 33—38
- 9.— Một người Pháp làm Vua tại miền núi V. N. Nguyễn-Vỹ 39—45
- 10.— Đồng-Vọng (thơ) Nguyễn-thu-Minh —46
- 11.— Bửu-Đình, văn sĩ chiến sĩ Cách Mạng : Động-vân-Nhâm 47—52

12.— Một bài thơ của Đô-Độc Đông Hương Bình	Minh-Kha	53 — 54
13.— Minh ơi ! chưa hết chuyện làm báo	Cô Diệu-Huyền	55 — 61
14.— Tôi làm phim	Thái-thúc-Diễn	62 — 66
15.— Cái đầu kẻ thù (truyện ngắn)	Nguyễn-Vỹ	67 — 73
16.— Bài thơ Hoà Bình (thơ)	Từ-trăm-Lệ	74 — 75
17.— Nàng Quĩ Chúa	Huyền-Giang	76 — 81
18.— Xã giao : mang găng tay	Cô Bình-Minh	82 — 84
19.— Gia Chánh	Bà Thường-Lạc	— 85
20.— Thi sĩ tiền chiến : Anh-Thơ	Nguyễn-Vỹ	86 — 89
21.— Giang-sơn Việt-Nam : An-Giang	Thái-vân-Kiểm	90 — 96
22.— Tiếng sáo đêm khuya (Thơ)	Nguyễn-Vỹ	97 — 97
23.— Cô gái điên (truyện dài)	Vi-huyền-Đắc	99 — 102
24.— Trai không vợ (kịch vui)	Phùng-mạnh-Phan	103 — 111
25.— Những người đôi mươi	Nguyễn-Thu-Minh	112 — 115
26.— Giới thiệu sách báo mới		116
27.— Kiên trinh (truyện dài)	Cô Vân Nga	117 — 123
28.— 4000 năm ca dao	Ba Tèo	124 — 125
29.— Tại sao tôi dịch quyển Bonjour Tristesse . . .	Diệu Huyền	126
30.— Đáp bạn bốn phương	Cô Bạch-Yến	127 — 130

- ★ Sắp xếp bài, trình-bày bìa và nội-dung, cho màu **Cô Diệu-Huyền**
- ★ Bản kẽm **Nguyễn-Diêu**
- ★ Bìa Offset **Vạn-Quốc**

- Các Sách Báo Việt-ngữ ở trong nước được tự-tiện trích đăng những bài trong tạp-chi **PHỒ-THÔNG**, nhưng yêu-cầu đề-rõ xuất-xứ: « Trích Tạp-chi **PHỒ-THÔNG** » và đừng viết tắt.

- Cấm trích, dịch, phỏng, đăng vào sách báo Ngoại-quốc mà không xin phép.
- Tous droits de traduction, d'adaptation, et de reproduction même partielle, réservés pour tous pays.
- Copyright by PHO-THONG, printed in Việt-Nam.

Điều kiện PHÁT-TRIỂN VĂN-HÓA VIỆT-NAM

VI.— Lương tâm văn nghệ



TÔI TƯỜNG CẦN PHẢI THẮNG THẮN đặt ra đây vấn đề « lương tâm văn nghệ ». Bởi vì nó cũng là một điều kiện thiết thực đề phát triển văn hóa, Một Văn nghệ sĩ cần phải trước hết là liêm chính. Đó không phải là một đức tính, cũng không phải là một bản phận. Nó chính là cái tính chất thiên nhiên của con người

Văn nghệ chân chính.

Kinh nghiệm của nửa thế kỷ vừa qua đã cho chúng ta thấy vài sự kiện không làm vinh dự cho văn hóa Việt-Nam chút nào. Chúng ta đã thấy một vài kịch sĩ và thi sĩ hồi tiền-chiến ăn cắp những kịch và thơ của ngoại quốc làm thành của mình. Cũng may là chỉ có một vài người có mách lới như thế thôi, nhưng họ cũng đã gây được tên tuổi với những « tác » — phẩm đạo-văn mà ít người biết nguồn gốc xuất-xứ của nó. Chúng ta phải nhìn nhận rằng Văn-hóa Việt-Nam không mấy hãnh diện với những loại sản-phẩm bất chính ấy. Tôi sẽ có dịp nói rõ hơn về vấn đề này.

Chúng ta lại thấy một số người làm thơ thường ưa bắt chước một vài loại thơ nào đó mà họ lặp đi lặp lại mãi một vài câu điển hình. Thí dụ như :

Tôi viết bài thơ năm chữ.

Gửi cho em gái mắt xanh

Tôi viết bài thơ áo tím

Gửi cho cô gái bên thôn

Tôi viết bài thơ mắt xanh

Gửi cho cô gái kính kỳ

v. v.

HÀNH RA CÁI « MỐT » TRẦN LAN TRÊN CÁC BÁO.

Lại còn có một số người làm thơ cố ý đặt những chữ vô nghĩa mà họ tự cho là những danh từ mới mẻ, « tân kỳ ». Hoặc họ xáo-lộn một cách vô-ý-thức nhiều chữ-kép của tiếng Việt, làm thành ra mất nghĩa. Thí dụ như :

Đồn-dau, nhưng-nhớ, v.v

Họ bắt chước nhau mà xáo-trộn các từ-ngữ, không còn giữ kỷ-luật nào cho văn-tự của ta. Trong lúc tiếng Việt cần phải thống-nhất, và sắp-đặt lại cho có quy-chế rõ ràng, — điều-kiện của sự tiến-triển tuần-tự và điều-hòa của bất-cứ ngôn-ngữ nào, — thì có một số người đã hòa theo một man-hứng xáo-trộn ngôn-ngữ ấy để thành ra mất cả trật-tự và thống-nhất.

Họ tưởng rằng những danh-từ ĐỒNG NGHĨA GHÉP LẠI, như tranh-dấu, đảo-diên, v.v.. có thể đảo lộn được, thì bất cứ chữ-kép nào cũng đảo-lộn được cả.

Các bạn thử tưởng-tượng một ngày kia, những chữ kép gốc Hán tự bị đảo-lộn, như :

Văn-hóa thành ra hóa-văn, Chánh-phủ thành ra phủ-chánh v.v.
Và những chữ kép Việt-nam đảo-lộn như :

Vui-vẻ thành ra vẻ-vui,

Sung-sướng thành ra sướng-sung, trắng-nồn thành ra nồn-trắng v.v
thì TƯƠNG-LAI CỦA TIẾNG VIỆT SẼ NHƯ THẾ NÀO ?

Sự đảo-lộn VÔ-Ý-THỨC cả đến tiếng nói của ta là một trong những sự-kiện bất ngờ của Hậu-chiến. Trong cuộc xáo-trộn của chiến-tranh, cùng một lúc với một số danh-từ mới xuất-hiện, như « *kiên-quyết*, *tác-phong*, *kiềm-thảo* v. v... hầu hết à chữ Tàu, lại còn có một ít danh-từ kép cũng bị đảo lại như « *dấu-tranh* », v.v.. cũng là chữ Tàu. Nhưng các chữ mới được thâu nạp ấy đều có ý nghĩa: hai danh-từ đơn : « *dấu* » và « *tranh* » đều cùng một nghĩa, nên có thể đề trước đề sau, thay hình-thức mới đề ngụ-ý đoạn tuyệt với hình - thức cũ, nhưng vẫn KHÔNG MẤT NGHĨA NGUYÊN THỦY CỦA NÓ : *dấu-tranh* hay *tranh-dấu*, đều vẫn là một ý như nhau.

Nhận-thức không rõ-rệt sự thay đổi ấy, một số « Văn-sĩ » không có góc Hán-học và thiếu quan-niệm đại-cương về khoa từ-ngữ-học

Việt-nam, cũng bắt chước đảo-lộn bừa-bãi các tiếng kép của ta thành ra những chữ vô nghĩa, như :

Đồn-dau, nhưng nhớ, v.v..

Vài ba « Thi-sĩ » nào đó, muốn dùng chữ « *tân-kỳ* » (!) đã đem các chữ ấy vào văn thơ của họ để che đậy những ý-tư nghèo-nàn. Rồi một số người khác hòa theo cái mốt dùng « chữ mới » ấy. Cũng như một vài Thi-sĩ ưa sửa đổi lối dàn-xếp các câu thơ lục-bát theo kiểu riêng của họ, thí dụ :

Hoàng-hôn nhuộm nắng

Lững-lờ

Trên bờ,

buông trôi !

Thuyền ai thương nhớ,

v.v..

Họ cho rằng hai câu thơ lục bát như thế là có « *lối sắp-xếp tân-kỳ* » !

RÊN lãnh-vực phê-bình văn-chương, chúng ta cũng rất buồn nhận thấy hiện nay chúng ta thiếu những nhà phê bình chân-chánh, những nhà PHÊ-BÌNH CÓ LƯƠNG-TÂM VĂN-NGHỆ.

Một quyển sách hoặc một tập thơ vừa xuất-bản, nếu tác-giả quen thân với một ký giả nào đó, thì tha-hồ họ khen lẫn nhau. Nếu trái lại, tác giả bị một người nào đó không ưa vì chuyện cá-nhân, thì chắc chắn là quyển thơ hay quyển tiểu thuyết kia dù có giá-trị chẳng nữa cũng sẽ bị một vài bài công-kích quàng-xiên, đề bêu xấu chơi, cho thỏa-mãn ác-ý của họ.

Hơn nữa, một vài người thiếu hẳn căn-bản học-thức, không thấu triệt được chân giá-trị của văn chương, cùng võ-ngực « *phê-bình* » văn-học, cũng lên mặt làm thầy dạy đời, khen chê bừa-bãi, theo quan-niệm riêng hoặc tình cảm riêng của họ mà không tôn trọng các nguyên tắc nghệ-thuật.

ÌNH-TRẠNG tổng-quát của các bộ môn văn thơ và phê-bình đã vô trật-tự như thế, xin hỏi các bạn làm sao văn-hóa

nước ta tiến-triển mạnh-mẽ được ? Những kẻ phá-hoại vô trách-nhiệm đã gây ra sự xáo-loạn trên lĩnh vực Văn-hóa Việt-Nam, đều vô-tình hay cố-ý, làm cản-trở sự xúc-tiến của Văn-hóa Việt-Nam hiện đại.

Chúng tôi sẽ trở lại vấn-đề này trong các số sau.



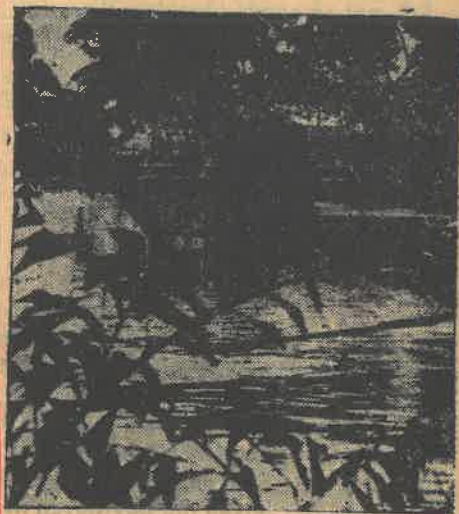
đã chung
sức đào
KINH
TÀU-HỦ
trong 3 tháng

★ LÊ-NGỌC-TRỤ



ỪNG chợ - lớn
buôn - bán được
thanh-vượng, khi
xưa cũng như
ngày nay, một

phần lớn nhờ vào con kinh Tàu-
Hủ (trên bản đồ ghi Arroyo
Chinois), là đường thủy-vận nối
liền Thủ-dô Saigon với các sông-
ngòi miệt Hậu - Giang. Nó là
đường giao-thông tiện-lợi nhứt,
đã gần mà ít nguy-hiểm, vì khỏi
đi vòng đường biển vào cửa Cần-

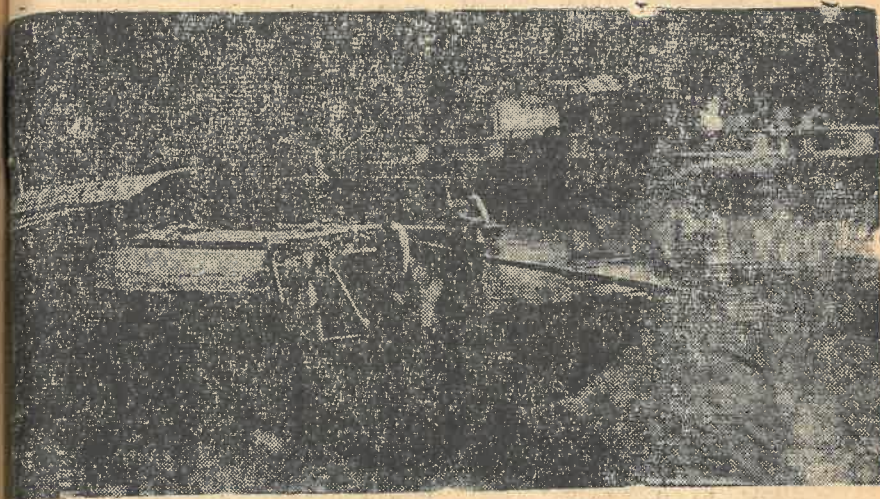


Giờ. Các tàu nhỏ, ghe thương-hồ,
các chài lúa từ vùng Bạc-Liêu.
Cà-Mau kéo lên, từ Biền-Hồ Nam-
Vang đổ xuống, cũng đều noi
con kinh này mà cất hàng hoặc
« ăn » gạo nhà máy Chợ-Lớn,
hoặc giao-dịch với Thương-cảng
Sài-Gòn để gửi hàng-hóa đi ngoại
quốc.

Dọc bờ kinh này, từ Rạch-Cát
trở ra, phố-xá, nhà máy, kho lẫm
kế liền.

Dưới sông ghe tàu qua lại
không ngớt, chài lúa đậu tiếp nối
« ăn gạo » hoặc đợi « cất lúa ».
Trên bờ, dân phu tập - nập
vác gạo lúa, tốp thuyền

11.460 DÂN SAIGON



xuống chài, tốp cất lên - kho
cảnh buôn bán náo nhiệt hòa
nhịp với tiếng động nhà máy
chạy ngày đêm.

Con kinh này, ngoài việc lợi
ích giao-thông về kinh tế, cũng
là con đường chiến lược, khi
xưa tàu Pháp mượn nó chặn
vây đồn Cây - Mai, và thuận
đường « chụp » Mỹ-Tho. Nó
đã từng chứng kiến những biến
cố lịch sử đau thương, và tiêu
sử nó còn được trong sách sử.

Nhắc lại, năm Kỷ mùi (1679)
mấy quan nhà Minh ở Quảng
Tây, Quảng-Đông là Dương
ngạn - Địch, Trần - Thương-

Xuyên, Hoàng-Tiến, Trần-An-
Bình... vì chống nhà Thanh,
đem 3000 quân và 50 chiếc
thuyền đến Thuận-Hóa xin thần
phục Chúa Nguyễn. Hiền Vương
cho họ vào lập nghiệp ở Thủy
chân-Lạp. Họ phân nhau đến
định cư và chuyên nghề thương
mãi tại Đông - Phố, Đồng - Nai
và Định-Tường.

Về sau, năm Mậu Thìn (1638)
Hoàng-Tiến là phó tướng của
Dương-Ngạn-Địch nổi lên đánh
chủ đề cướp quyền. Vua Miên
bấy giờ ở tại Gia-Định sợ có
loạn, cầu cứu với Chúa Nguyễn.
Nguyễn-vương sai quân vào giết
Hoàng-Tiến, rồi nhân tiện bắt

vua Miên Chay Chetta IV phải triều-cống.

Năm mậu-dần (1698) Nguyễn Hữu-Cảnh làm kinh lược đất Chân-lạp chia đất Đông-Phổ và Đồng-Nai làm dinh huyện. Những người Tàu ở Trấn-Biên (Biên-Hòa) thì lấy làm xã Thanh-Hà, những người ở đất Phiên-trần thì lập làm xã Minh-Hương.

Họ buôn bán thanh-vượng trong xứ và giao thương với các xứ lân-bang như Mã-Lai, Nhật. Con rạch (An-Thông) vẫn là đường vận-tải thiên-nhiên tiện-lợi. Vì vậy họ cần đá dọc bờ Rạch và gọi là Đê-Ngạn mà họ phát-âm là «Thầy-Ngòn». Có lẽ người bôn xứ đã nói trại hạp tiếng «Thầy-Ngòn» ra «Sàigòn» chăng? Có điều chắc là con rạch An-Thông khi xưa cũng không gọi là Rạch Sài-gòn (xin nhớ Sài-gòn) đây là Chợ-Lớn ngày nay còn Sài-gòn ngày nay xưa gọi là Bến-Nghé hoặc Bến-Thành) và trên bản đồ Trần-văn-Học vẽ hồi 1815 ghi vùng Chợ lớn ngày nay là Sài-gòn.

Ngoài việc làm ăn thương-mại mấy danh nho Minh-Hương còn mở trường dạy học. Thời Nguyễn Cư-Trình trấn thủ Gia-Định (1755-1765) ông thường giao-du với nhóm Chiêu-Anh-Các của Mạc-thiên-Tích ở Hà-Tiên. Và về sau, mấy văn thần võ tướng có công giúp Chúa Nguyễn-Ảnh phần lớn là nhóm người Minh-Hương này.

Khi Tây-Sơn nổi lên đánh vào

Đồng-Nai, thì họ bỏ Cù-lao Phố (Biên-Hòa) theo sông Tân-Bình đến vùng Chợ-lớn, hiệp với nhóm người xã Minh-Hương (năm 1778).

Tháng hai năm Nhâm-dân (1782), Tây-Sơn lại tấn công Gia-Định lần thứ ba, đánh tan quân chúa Nguyễn tại Ngã-Bảy, Cần-Giờ, và theo sông Lôi-Lạp tiến vào Bến-Nghé. Chúa Nguyễn phải bỏ Gia-Định lánh nạn. Quân Tây-Sơn thuận tay tàn sát người Tàu.

Theo tài liệu của Francis Garnier dẫn ra trong bài *Chợ-lớn* (đăng trong *Niên-giám Nam Kỳ năm 1866*, *Annuaire de la Cochinchine française pour l'année 1866*, trang 83), nói rằng vịn theo tác giả *Gia định Thông chí*, thì :

«... (1782) người Tàu bị giết hơn một vạn. Thầy nằm chặt đất từ Bến-Ngê đến Sài-gòn (tức là Chợ-Lớn); thầy liệng xuống rạch An-Thông) chặt ních đến đối lập cả dòng nước; không ai dám ăn cá trong khoảng thời gian ba tháng.

«Hàng-hóa của tiệm buôn Tàu đủ loại như : trà, hàng vải, thuốc men, hương liệu, giấy má, bỏ vải đầy đường sá, một thời gian khá lâu, không ai dám lượm. Năm sau (1783), giá trà Tàu vọt lên cao đến tám ngàn tiền một cân và một cây kim may giá một lượng; tất cả hàng hóa đều cao vọt lên.»

Nhưng năm sau (1783), Chúa

Nguyễn-Ảnh khắc phục được Gia-Định và lần hồi thắng Tây-Sơn thống nhất giang-san. Người Trung-Hoa, năm Kỷ-dậu 1789 thượng sớ tâu xin cho lập lại xã Minh-Hương đã thần thuế.

Rạch Sài-gòn, thời Gia-Long gọi là Rạch An-Thông. Lòng sông khi đó cong queo, hẹp và cạn, có nhiều cồn nên cuộc giao-thông khó khăn. Từ năm 1819, đoạn rạch từ cầu Bà Thuồng (cầu Đê Thông, tức là lối cầu Chà-Và ngày nay) đến Rạch Cát được đào rộng. Công trình đào con kinh này, hoàn thành trong ba tháng, trong *Gia-Định thông chí*, ông Trịnh-Hoài-Đức có ghi rành; xin lược dịch theo bản Pháp-văn của Aubaret, như sau :

Năm kỷ-mão, Gia-Long thứ 18 (1819), ông Khâm-Sái Huỳnh Công-Lý, với ông tổng Thanh-tra Gia-Định, trấn dùng 11.460 dân-công, (tất nhiên có người Minh-Hương) chia làm

ba toán — dân công được lãnh tiền và khẩu phần — đào con kinh, theo lòng rạch cũ, từ cầu Đê Thông đến Kinh Ruột-ngựa. Kinh dài được 2129 tầm và 1 bộ, bằng 9 dặm rưỡi, (mỗi dặm 576m X 9.5 : 5472m.). Bề ngang rộng 15 tầm (mỗi tầm 8 xích : 0m32 X 8 X 15 : 36m90). Bề sâu được 9 bộ (mỗi bộ 6 xích : 0m32 X 6 X 9 : 17m28). Mỗi bên kinh có chứa một bờ kinh rộng 8 tầm, bờ kinh ấy thông liền với đường sừ rộng 6 tầm. Công-tác khởi ngày 23 tháng giêng và hoàn thành ngày 23 tháng tư năm Kỷ-mão 1819, đúng 3 tháng. Vua Gia Long cho đặt tên khúc kinh ấy là An-Thông-Hạ ».

Sau này, người Pháp có cho vét kinh hai lần, hồi năm 1887 và 1895.

Nay ráp với đoạn Chợ-quán và Cầu Ông Lãnh gọi là kinh Tàu-Hủ.



★ NỢ

— Người ta lấy vợ thì còn mong nhờ-vợ, chớ tôi lấy vợ thật đúng là cái nợ.

— Ủa sao vậy ?

— Anh tính xem, mỗi tháng vợ tôi lại xin tiền tôi một lần tháng giêng nó xin 2000đ tháng 3 nó xin 3000đ tháng tư nó đòi 4000đ tới tháng mới rồi nó đòi 5000đ.

— Trời ơi ! quá xá rồi đa ! Thế chị ấy tiêu xài khoảng gì anh có biết không ?

— Nào tôi có biết ! vì vợ tôi xin, nhưng tôi có cho bao giờ đâu

VĂN-CHƯƠNG THÁI-LAN

★ Bà J. KASEM SIBUNRUANG

Bà J. Kasem Sibunruang, Tiến Sĩ Văn-Chương, Giáo-Sư Văn-chương và Pháp-ngữ tại Đại-Học đường Chulalongkorn, Thái-lan, vừa rồi được tổ-chức Văn-hóa Quốc-tế phái đi điều-tra về tình-hình văn-hóa Á-Đông, có ghé lại Sài-gòn mấy hôm, và diễn-thuyết tại Đại-học-đường. Bà có nhũ-y gửi riêng cho Tạp chí PHỒ-THÔNG bài diễn-văn của bà về Đại-cương Văn-học-sử Thái.

Sang Singapore, bà J. Kasem lại có hảo-y gửi chúng tôi một bức thư đầy thiện-cảm văn-hóa. Trích-dịch bài diễn-văn của bà, PHỒ-THÔNG tạp-chỉ xin thành thật cảm ơn bà Giáo-sư và thân mến gửi lời chúc bà thành-công trong nhiệm-vụ thắt-chặt tình liên-lạc văn-hóa giữa Thái-Lan và Việt-Nam cùng các dân-tộc bạn ở Đông-Nam-Á.

N. V.

.

Tôi rất vui-sướng và vinh-dự được trình-bày cùng các ngài về một vài trạng-thái của văn-chương Thái-lan.

Tôi xin cảm-ơn Sở Văn-Hóa Pháp ở đây đã cho tôi cơ-hội tốt đẹp được nói về các bạn láng-giềng của chúng tôi, — mà chúng tôi coi như anh em — biết và có lẽ yêu-mến văn-chương Thái-lan.

Trước hết, xin phép các bạn cho tôi nói sơ qua về hai danh-từ « Thái » và « Xiêm » mà tôi sẽ dùng trong bài thuyết-trình này.

Hiện nay nước chúng tôi được gọi là THÁI-LAN và dân-tộc là THÁI. Vì thế giờ ngán-ngủ nên tôi không nói rõ được về những người Thái ở Thượng-du miền Bắc, và người Thái ở

Lào, mà chỉ nói riêng về người Thái ở Thái-lan. Tôi đành phải dùng đến danh-từ « người Xiêm » mà các nhà từ-ngữ học thường dùng.

GỐC-TÍCH VĂN TỰ THÁI : Năm 1257, trong cuộc xâm lược của Rupliakhan, người Thái ở phía Nam nước Tàu di cư lần vào các vùng đất hiện nay, gọi là Kim-bán-đảo, tức là SUVARNA BHUMI. Nơi đây họ gặp các giống dân Môn của Đuaravati. Lịch sử không nói rõ vì sao giống dân Môn bị tiêu-diệt. Chúng ta chỉ biết rằng dần dần các VƯƠNG TỘC THÁI định cư và chiếm hết lãnh thổ Môn, nhưng lại phục tùng uy-quyền của Đế-quốc Khmer đang cường thịnh.

Năm 1277, người Thái ở Sukhathai, dưới quyền của vua KUN RAMA KAM-HENG, tuyên bố độc lập, và từ đây khởi đầu lịch sử chính-thức của quốc gia Thái. Cũng lúc này mới bắt đầu xuất hiện chữ QUỐC NGỮ THÁI, dựa theo chữ DEVANAGARI.

VĂN-HÓA THÁI

Do sự tiếp-xúc với giống dân Môn, người Thái tiếp-nhận theo đạo Phật tiểu thừa, Hinaya-

na, tức là đạo Phật nguyên-thủy. Théravada, và một kiệt tác về pháp-lý : bộ DHARMA SAS-TRA... Còn người Khmers (Cao Miên) thì để lại cho dân tộc Xiêm đạo Brahmanisme (Bà-la-môn).

Nhưng trước khi tiếp xúc với giống dân Môn và giống Khmer, dân tộc Thái đã có một văn hóa riêng biệt, và mặc dầu chịu ảnh hưởng của Phật-giáo Tiểu thừa và cái chủ trương triết đề chống mê-tin của giáo lý này, người Thái ở Xiêm cũng như người Thái ở Lào vẫn còn giữ gìn một đôi tín ngưỡng cổ cựu của mình, như là : KHWAN, tức là lòng tin tưởng có một thần lực trong mỗi người, che chở mình và dắt dẫn mình trên đường đời, tức là thần hồn mạng của mỗi người vậy.

Tôn-giáo chiếm một địa vị ưu tiên trong văn hóa Thái. Tuy là theo Phật-giáo Tiểu-thừa (Hinayana) — chủ trương hoàn toàn về triết lý — nhưng người Xiêm vẫn tin theo các đạo giáo khác : tất cả các vị Thần Thánh, đều đáng cho ta cúng thờ, và chúng ta nên theo hết thầy các lễ nghi tín ngưỡng. Khắp các tầng lớp trung lưu cũng như bình dân, các ngài

thấy hầu hết trong các nhà của người Xiêm đều có tượng Phật đặt nơi bàn thờ giữa, nhưng ở cuối gian phòng lại còn có những bàn thờ khác để thờ ông bà cha mẹ, và dưới mái hiên thì treo các bức hình hay là các lá bùa để giữ gìn cho nhà cửa được yên vui và gia đình khỏe mạnh. Nơi góc sân, có trang thờ các ông Táo, ông Thổ Thần, Thổ Địa, v.v... đặt trên một cây trụ cao độ 1m60, vừa tầm con mắt của người chủ nhà. Hầu hết người Xiêm, kể cả các tầng lớp trí thức, đều cho rằng cũng nên giữ gìn tất cả các tục lệ tín ngưỡng ấy để cho thân mình và cho gia đình mình được bình an vô sự, mặc dầu Phật giáo Tiểu thừa. (Hinayana hay là Theravada) được chính thức công nhận là Quốc-Giáo.

★ ẢNH-HƯỞNG CỦA TÀU VÀ ẤN-ĐỘ

Nhận lãnh chế-độ Quân-chủ thần quyền của Khmers, người Xiêm chịu ảnh hưởng của đạo Bà-La-Môn. Giữa vua và dân chúng có một hạng thầy tu gọi là « phram » chuyên lo việc cúng-dường, lễ bái : lễ Nước, lễ Đu, lễ Cạo đầu trẻ con

(con trai 13 tuổi, con gái 14 tuổi) lễ Chúc-Thọ, lễ ông Táo v.v. Đạo Phật đem qua Xiêm, chữ PALI (chữ Phạn) với quyển kinh PANYAS - JATAKA. Đạo Bà-La-môn nhập-tịch chữ SANSKRIT với cuốn thơ « Hùng tráng ca » RAMAYANA và những chuyện thần-thoại. Tuy người xiêm ở chung chạ lâu đời với người Tàu, nhưng văn-hóa Tàu không có ảnh-hưởng gì trong đời sống của người Xiêm cả. Chúng tôi coi người Tàu như người cùng giống giống, nhưng chúng tôi chỉ theo một vài nghi lễ về hôn-nhân như là việc tang chế, việc thờ phụng ông bà, thế thôi...

Dân tộc Xiêm cũng có chịu ảnh hưởng Âu Tây từ thế kỷ XVI và XVII bởi sự tiếp xúc với các người Bồ-Đào-Nha, Hòa-Lan, Anh, và nhất là Pháp dưới thời vua Louis XIV.

Đạo Phật rất khoan hồng cho nên trong nước chúng tôi không có những cuộc tàn sát khủng bố các đạo khác như Thiên-Chúa giáo và đạo Tin-Lành. Tuy vậy, các Tôn-Giáo ấy không có ảnh hưởng gì bao nhiêu cũng như văn hóa Âu-Châu không thay đổi mấy đời sống tinh thần của người Xiêm.

★ VĂN-HỌC XIÊM

Văn-học Xiêm có thể chia ra làm bốn thời kỳ :

1. — Thời kỳ Sukhothai :
1277 — 1378.

2. — Thời kỳ d'Ayudhya :
1350 — 1767

3. — Thời kỳ Dhonburi :
1767 — 1782

4. — Thời kỳ Bangkok :
1782 đến nay.

★ 1. — THỜI KỲ SUKHO-THAI : Áng Văn-chương Xiêm đầu tiên xuất hiện năm 1296 là một cuốn thơ theo cách sắp văn riêng biệt của thơ Xiêm và thơ Lào :

« Nai nam mi PLA nai NA mi
khao

« Phuan chung wua pai KHA
chung MA pai khai »

(trong hai câu thơ này chữ « PLA » vần với chữ « NA » và chữ « KHA » vần với chữ « MA »

DỊCH NGHĨA :

« Trong nước có cá, trong
rừng có lúa... »

« Người ta dắt bò đi buôn,
dắt ngựa đi bán »

« Khrai khrai kha ma kha »
« Khrai khrai kha chang kha »

Dịch nghĩa :

« Ai muốn bán ngựa, bán »

« Ai muốn bán voi, bán »

Nhưng sáu mươi năm sau, người Xiêm lại thích làm thơ bằng tiếng Khmer và tiếng Phạn. Một bài văn xuôi nhan đề là « TRAI BHUMI » (Ba thế giới) nói về Trần gian, Địa ngục và Thiên đường. Xin trích dịch một đoạn sau đây :

« Địa ngục hình vuông vức
« mỗi bề hai triệu thước »

« Bức tường dày mười tám
« ngàn thước »

« Khi một người chết, đi
« xuống địa ngục đến chào vua
« PHRA-YOM (Diêm-Vương)
« và báo cáo về những việc làm
« của nó trên trần gian, những
« việc tốt được ghi trên bảng
« vàng, những việc xấu bị ghi
« trên da con chó. Những người
« ngoại tình bị bắt leo lên cây
« NGI » đầy gai góc và cao
« hai ngàn thước... »

★ THỜI KỲ AYUDHIA.

Thời kỳ này văn chương Xiêm bị ảnh hưởng rõ rệt của Khmer và Bà-La-Môn. Dân chúng gọi vua là « SOMDECH » giống như người Khmer và nói với vua cũng dùng tiếng Khmer. Thông lệ ấy hiện nay vẫn còn. Có những tập thơ giá trị như :

— « KHLONG CHÈNG
NAM » dùng để ngâm trong
các cuộc lễ.

« WÉSANDORN CHA-DOK » (Vesantara Jataka) nói về Phật nhập niết bàn. Tập thơ này được ca tụng khắp trong dân gian cho đến các làng hẻo lánh nhất, đàn bà con nít cũng thuộc lòng.

Dưới đời vua Narai (1656-1688) tức là đời vua Louis XIV của Pháp có cuộc trao đổi sứ thần giữa Pháp và Xiêm. Đây là THỜI ĐẠI HOÀNG KIM

của văn-học sử Xiêm, nhà vua cũng là một thi sĩ, thầy học của vua và nhất là người con trai của ông thầy học ấy tên là SI PRAJ là một thi sĩ danh tiếng lẫy lừng nhất. Ông thầy học là tác giả cuốn « CHINDA MANI », một quyển truyện ngắn lấy đề tài trong kinh JATAKA hiện nay cũng còn được các giới trí thức và học sinh hoan nghênh.

(Kỳ sau đăng tiếp)

★ SAY VÀ HẾT SAY.

11 giờ đêm. Một ông say rượu lái xe hơi đâm qua đâm lại. Gần đến bót cảnh sát, ông rán đầu xe sát lề đường, rồi vô bót:

— Thưa ông Cò, tôi say rượu. Tôi sợ lái xe thế nào cũng gây ra tai nạn. Như thế là tôi sẽ phạm tội giết người. Vậy tôi xin ông Cò cho tôi ngủ nhờ ở bót đây một đêm. Sáng tôi hết say tôi về.

Ông Cò cười, bảo cảnh sát đưa ông say rượu xuống xà lim. Ngủ một giấc, đến 7 giờ sáng ông tỉnh dậy chào mọi người ra về. Cảnh sát vỗ vai ông, khen ông biết trọng Pháp luật đi đường và đưa ông ra tận xe ông.

Nhưng anh Cảnh sát lấy sổ ra biên phạt. Chủ xe hỏi tại sao Cảnh sát bảo:

— Hôm nay là ngày lẻ, ông phải đậu mé bên kia, mà ông lạ, đậu mé bên này.

— Thưa ông, vâng, tôi biết nay là ngày lẻ, phải đậu mé bên kia. Nhưng 11 giờ đêm-hôm qua là ngày chẵn thì tôi đậu xe bên này là đúng luật chứ ợ.

Cảnh sát đành chịu thua ông say rượu.

★ TẠI SAO TUI CÓ HAI VỢ ?

Luật nước Ý cấm ly dị và cấm hai vợ. Một hôm một anh chàng bị đưa ra tòa vì có hai vợ. Quan Tòa hỏi:

— Tại sao anh có hai vợ ?

— Thưa quan tòa tại vì luật gia đình cấm ly dị nên tui cưới hai vợ chớ sao ! Nếu cho tui ly dị với V1 thì tui chỉ còn có một mình V2 thôi.

BA TÈO

Ngày lịch SỬ

NGUYỄN TRIỆU Sưu-tầm

Tài-liệu đặc-biệt « Những ngày Lịch-sử » đăng trong « Tạp-chí Phô-Thông » đều hoàn toàn chưa in trong sách báo nào cả, từ xưa đến nay, vậy cấm các nhà viết sách, báo, hoặc là lịch, trích đăng-tải những tài-liệu này mà không có giấy phép riêng của Giám-đốc Tạp-chí Phô-Thông. Bản quyền của Tạp-chí Phô-Thông.

1 Tháng sáu, KỶ-HỢI 6 Juillet 1959	1 THÁNG SÁU, KỶ-HỢI (8 Juillet 1789) Chúa Trịnh Sâm cùng Hoàng ngũ-Phúc bí một thương-nghị mưu-kế để dẹp yên đất Trấn-Ninh. 1 THÁNG SÁU, NHÂM-TUẤT (30 Juin 1802) Vua Gia-long hạ thành Nghệ-An.
2 Tháng sáu, KỶ-HỢI 7 Juillet 1959	2 THÁNG SÁU, ẤT-DẬU (13 Juillet 1885) Lê Trung-Định đem 3.000 quân, chia làm 3 đạo đánh lấy lại được thành Quảng-Ngãi.
3 Tháng sáu, KỶ-HỢI 8 Juillet 1959	3 THÁNG SÁU, QUÝ-SỬU (3 Juillet 1813) Tổ nhà Nguyễn là chúa Nguyễn Hoàng (Tiên-Chủ) từ trần.

4

Tháng sáu, KỶ-HỢI

9 Juillet 1959

4 THÁNG SÁU, GIÁP THÂN

25 (Juillet 1884)

Vua Kiến-Phúc tháng hà, truy tôn miếu-hiệu là Giản-tôn-Nghị Hoàng-đế.

5

Tháng sáu, KỶ-HỢI

10 Juillet 1959

5 THÁNG SÁU, NHÂM TUẤT

(1 Juillet 1862)

Vua Tự Đức sai sứ cùng quan Pháp nghị hòa, cắt nhường 3 tỉnh Biên-hòa, Gia-định, Định-tường và mở hai cảng cho thông-thương.

5 THÁNG SÁU, ẤT-DẬU

16 Juillet (1885)

Nguyễn Thân đem quân đánh lấy lại thành Quảng-Ngãi và giết chết được Lê-Trung-Định.

6

Tháng sáu, KỶ-HỢI

11 Juillet 1959

6 THÁNG SÁU, CANH THÂN

(24 Juin 1460)

Cương-quốc-Cống Nguyễn Xí khởi nghĩa, giết bọn Phạm-Đôn rồi tôn thái-tử Tư-Thành lên ngôi vua tức Lê-thánh-Tôn.

6 THÁNG SÁU, BÌNH-NGO

(31 Mai 1786)

Tướng Tây Sơn là Nguyễn-hữu-Chỉnh tức Cống Chỉnh thắng trận ở đất Vị-Hoàng (Nam-định).

7

Tháng sáu, KỶ-HỢI

12 Juillet 1959

7 THÁNG SÁU, TÂN-MÃO

(24 Juin 1471)

Vua Lê-thánh-Tôn đem hơn vạn quân đi đánh nước Chiêm-Thành và đồng thời xuống chiếu chinh-phục Bồn-Man (tức Nam-chiếu).

8

Tháng sáu, KỶ-HỢI

13 Juillet 1959

8 THÁNG SÁU, ẤT-DẬU

(20 Juin 1105)

Cụ Lý thường-Kiệt tạ-thế tại Kinh-thành Thăng-long, thọ 86 tuổi.

8 THÁNG SÁU, NHÂM-TUẤT

(4 Juillet 1862)

Cải vàng (tức Nguyễn-Thịnh, quê huyện Phượng-nhơn, tỉnh Bắc-giang) đem quân đánh phá tỉnh thành Bắc-giang (Bắc-phần).

9

Tháng sáu, KỶ-HỢI

14 Juillet 1959

9 THÁNG SÁU, NHÂM-TÝ

(27 Juillet 1792)

Cụ Võ Trường-Toàn xử-sĩ thành Gia-Định tạ thế.

9 THÁNG SÁU, QUÝ-MÙI

(12 Juillet 1883)

Đạo ngự Vua Hàm-Nghị dừng trú tại xã Thủy-Bà, thuộc tỉnh Quảng-Trị.

10

Tháng sáu, KỶ-HỢI

15 Juillet 1959

10 THÁNG SÁU, KỶ-DẬU

(18 Juillet 1369)

Dương-nhật-Lễ lên tiếm ngôi vua lấy kỷ-nguyên là Đại-Định.

11

Tháng sáu, KỶ-HỢI

16 Juillet 1959

11 THÁNG SÁU, ĐINH-TY

(16 Juillet 1377)

Quân Chiêm-Thành tiến tới xâm lăng kinh thành Thăng-long.

12

Tháng sáu, KỶ-HỢI

17 Juillet 1959

12 THÁNG SÁU, ĐINH-TỊ
(17 Juillet 1377)

Quân Chiêm-Thành sang xâm-lăng nước ta, dẫn binh ra cửa bể Đại-hải gặp gió bão chết hại gần hết.

12 THÁNG SÁU, ẤT-MÃO
(7 Juillet 1435)

Lê Sát, công-thần nhà Lê, phụ-chánh vua Lê thái-Tôn, vì dèm pha, bị tử hình (tam ban triều đình).

13

Tháng sáu, KỶ-HỢI

18 Juillet 1959

13 THÁNG SÁU, NHÂM-TUẤT
(12 Juillet 1802)

Vua Gia-long đem quân ra Bắc-Hà đánh lấy trấn Sơn-Nam (tức Nam-Định bây giờ).

13 THÁNG SÁU, GIÁP-THÂN
(3 AOÛT 1884)

Vua Hàm-Nghị lên ngôi.

14

Tháng sáu, KỶ-HỢI

19 Juillet 1959

14 THÁNG SÁU, ẤT-DẬU
(27 Juillet 1885)

Đại-binh Pháp chiếm giữ Động-Hải (nay là Đồng-Hới) để đón cản đường vua Hàm-Nghị.

15

Tháng sáu, KỶ-HỢI

20 Juillet 1959

15 THÁNG SÁU, ĐINH-HỢI
(15 Juillet 1527)

Mạc Đăng Dung áp bức vua Lê-cung-Hoàng truyền ngôi cho mình, đặt niên-hiệu là Minh-Đức.

CHIỀU BUỒN

Chiều u ám, mây buồn bay lững-lẽ
Cây ngàn cây bao phủ một màu tang,
Chim vui chỉ xin chờ hót rộn ràng !
Cả gió nữa, xin ngừng hơi thổi lại ...
Ai đã chết ? điệu buồn, ôi tẻ tái !
Lời run run trong tiếng khóc thương đau
Cả không gian như có sự nhiệm mầu
Cả lòng nữa, buồn lên không dè dặt
Suối lệ đâu ? hãy tuôn trào mi mắt
Nhạc u buồn, rên rỉ tiễn người đi
Người theo sau trong nét mặt sầu bi
Tóc rũ rượi với đôi hàng lệ nhỏ ;
Và người ơi, đưa linh hồn tới chỗ
Kẻo hồn buồn nơi an giấc nghìn thu
Tiếng người khóc trong gió thổi vì vu
Kèn đưa đám hòa điệu buồn da-diết...
Và tôi nữa, tuy không quen, không biết
Chiều mùa đông đang ngự trị lòng tôi
Người chết đi vào giữa chốn đông người
Khi thiên hạ đang vui cười chạy nhảy
Sao lia bỏ cuộc đời chi sớm vậy ?

HOÀI-TRANG

Gặp Thi-sĩ TÂN-ĐÀ

tại nhà Khái-Hưng

★ DUONG-ĐÌNH-TÂY

TÔI đã biết thi-sĩ Tân Đà qua các văn thơ văn mà tôi đã say sưa ngâm đọc từ năm 1918 là hồi tôi mới bắt đầu theo học bậc Cao-tiêu tại trường Bưởi Hanoi. Nhưng mãi say 1930, tôi mới có dịp gặp tác giả «Khối tình con». Do cuộc gặp gỡ ngẫu nhiên đó, tôi đã ghi được vài mẩu chuyện kể ra không kém hào hứng như mấy dật-sử của các bạn làng văn đã viết từ trước về thi-sĩ Tân Đà :

Năm 193... (tôi không nhớ rõ, nhưng trước 1933), Đại Hội-Nghị Kinh-Tế và Lý-Tài-Đông - Dương — họp tại Hanoi — vừa bế mạc. Vấn đề « Độc quyền rượu », sau khi đã được thảo luận sôi-nổi trong suốt thời-kỳ Hội-Nghị nhóm họp, đã kể như chấm dứt rồi. Nhưng câu chuyện « say sưa » vẫn còn thấy bàn đi nhắc lại trên cửa miệng nhiều người, nhất là trong giới trí-thức. Dân chúng đã tỏ ra hài lòng về tinh-thần tranh-dấu của hai

ông Nghị N.V.V. và L.Th. và bất mãn về thái độ mập mờ thiếu đoàn kết của ông Nghị N.L. Vì cả 3 ông Nghị đều là đại diện chính thức do Viện Dân-biêu Bắc-Kỳ cử ra, nên báo chí đương thời đã đăng những bài tường thuật rất gắt gao về vụ này.

Câu chuyện kể trên đã khơi nguồn cảm-hứng cho thi-sĩ Tân-Đà, một đồ-đệ Lưu-Linh và cho cả tôi : chúng tôi đều có thi ca bày tỏ cảm-tưởng về rượu. Âu cũng là một sự tình cờ không hẹn mà nên, chúng tôi cùng đem thơ đến nhà văn Khái Hưng chuyển dùm tới tòa soạn báo *Phong Hóa* và do đó, chúng tôi mới có dịp gặp nhau (chỉ một lần đó thôi) tại nhà ông bạn chung là ông Khái Hưng. Sau khi ông Khái Hưng đã giới thiệu 2 chúng tôi với nhau, thi-sĩ Tân-Đà liền bắt đầu nói trước.

— Ông Tây a ! Ông cũng không xa lạ gì với tôi đâu, và văn thơ của ông, tôi cũng có đọc nhiều lần trên các báo. Kể ra thì

văn lục bát của ông cũng lưu loát đấy, còn thơ Đường luật của ông thì cần phải cố gắng nhiều mới hay được. Tôi nói thẳng, ông đừng giận, tôi rất không ưa lối văn du-dương eo lá như văn của ông, dù có hay mấy cũng là thừa còn nếu dở thì lại đáng phạt nữa. Nếu ông xét cuộc đời là đáng chán, thân mình là đáng buồn, sao ông lại còn muốn chuyên lay cái chán cái buồn cho người khác. Tôi xin hiến ông một phương thuốc thần hiệu để dẹp hết nỗi buồn. Đó là :

*Trăm năm thơ tút rượu vờ,
Nghìn năm thi sĩ tửu-đồ là ai ?*

Rồi ông ngâm váng, rồi ông cười ồm, tấy trong buổi sơ kiến mà coi nhau như bạn thân giao từ lâu. Thấy ông vui tính, tôi cũng dịu lòng, không để ý gì đến những lời phê bình « bộp chất » của ông. Vì lời phê bình của ông chỉ đúng một phần nào, nên tôi vẫn ngỡ là hồi đó, ông đã làm tôi với một nhà văn khác mặc dầu lúc bấy giờ ông nói năng đàng hoàng thông thạo đường như người đã theo rồi từng bước trên con đường văn-nghệ của tôi. Đợi ông cười no nói chán rồi, tôi mới dần dần lên tiếng đề thổ lộ tâm tình : Nào sự hân hoan của

tôi trong buổi gặp gỡ ông lần đầu, nào tấm lòng tôi hâm mộ văn thơ của ông đã có từ mười mấy năm về trước.

Chiếc đầu gật gù nhẹ nhẹ, đôi mắt lim dim, hai tay bó lấy đầu gối bên trái, ngồi trên bộ tràng-kỷ mà hình như tâm hồn ông bay bổng phượng nào. Bỗng chốc, ông ngồi thẳng lên, mở choàng đôi mắt rồi nhìn tôi mà hỏi :

— Thế ông có thuộc bài thơ nào hoặc nhớ đoạn văn nào của tôi không ?

Thay vì câu trả lời, tôi liền đọc một mạch bài « Cô tây đen », ngâm hết trọn bài « Tiền thu, cảm thu », rồi lại đọc luôn cả một đoạn văn xuôi, hiện nay tôi còn nhớ, và xin trích đăng dưới đây để cống hiến độc giả :

... Da vàng cát sạm, vận đồ khôn tìm ; ngày xanh tên đi, lòng son dễ nhạt. Tuổi vô-dụng dục người tóc bạc, trận phong-sương ròn rã cuộc trăm năm. Bút hữu-tình nhúng nước mực đen, kiếp văn tự hện hồ duyên bốn bề...

Sau khi tôi vừa đọc xong đoạn văn trên đây, ông liền đứng ngay dậy, rồi vừa cười ha hả, vừa vỗ vai tôi, ông khen tôi không tiếc lời :

— Tôi xin bái-phục cái trí nhớ của ông đấy, ông Tầy ạ ! Tôi là tác giả mà không thuộc trọn một bài nào, nhất là đoạn văn xuôi ông vừa đọc, tôi thật không nhớ được một giòng, thật đáng xấu hổ quá ! Như thế càng chứng tỏ tấm cảm tình của ông đối với tôi sâu xa là nhường nào. Tôi thực tiếc lúc này đã phê bình văn ông với lời lẽ hơi sỗ sàng và khiếm nhã.

Tôi xua tay đề ngắt ngang câu chuyện :

— Không sao đâu ! Chúng ta tuy mới gặp nhau lần đầu, nhưng kẻ ra đã quen biết nhau từ lâu. Vậy thân mật có đi đôi với tự nhiên mới nảy ra thành-thực, hà tất phải thắc mắc vì những điều không đáng kể. Huống hồ phê bình đã do lương tâm và lý trí thúc đẩy, nếu nay lại đề cho tình cảm xen vào thì nhận xét chắc không thể nào công bằng và sáng suốt được.

Thi-sĩ Tản-Đà gật đầu, tỏ ra rất đồng ý với tôi.

Rồi để xua đuổi những ám ảnh về cuộc phê bình vừa rồi, tôi tìm cách lái câu chuyện sang vấn đề rượu. Tôi rút trong túi cái phong bì có bài thơ lục bát rồi giao ông Khái Hưng và nói :

— Tôi xưa nay không hề

dùng cây bút đề chỉ trích ai bao giờ, nhưng lần này về « vụ rượu » tôi không thể là khách bàng quan. Vậy nhờ ông chuyển ngay bài thơ của tôi đề có thể đăng sớm vào báo Phong-Hóa.

Nghe nói tôi có bài về vụ rượu, thi-sĩ Tản-Đà như người đương say chợt tỉnh, vội vàng lên tiếng :

— Khoan đã, khoan đã ! Tôi cũng có bài về việc rượu đấy. Mãi nói chuyện với các ông, bây giờ mới sực nhớ ra, nhưng quá lạ ! Lúc này tôi còn sờ thấy trong túi áo sao bây giờ biến đâu mất rồi.

Ông mãi miết kiếm trong hai túi áo mà vẫn chưa thấy. Chán nản, ông thở dài rồi nhìn chúng tôi ra vẻ ngờ vực. Một lát sau, ông bỗng reo lên như một em bé mới nhận được món quà thích : Ừ, thế chứ ! Mình rất bên cạnh quần mà cứ tìm mãi đâu ! Ông Khái Hưng và tôi trông nhau tủm tỉm cười.

Phút súc động đã qua, thi-sĩ Tản-Đà lại trở về với nét mặt khắc khổ. Ông phân trần với ông Khái Hưng :

— Tôi tới đây trước ông Tầy. Bài của tôi đáng lẽ đưa trước rồi mà lại hóa đưa sau. Mà ông Tầy rõ là tới sau lại đưa được

bài trước. Ông Tầy tuy đưa trước nhưng bài của ông Tầy nên đề lại sau, Tôi dù đưa sau mà bài của tôi thật đáng đăng trước.

Rồi cứ luận điệu giây cà giây múng, ông lấp đi lấp lại một lúc lâu, không biết chán. Ông Khái Hưng và tôi được một bữa cười bẽ bụng. Cuối cùng tôi lại phải một phen nữa đứng ra đóng vai hòa-giải :

— Tôi xin thành thực vui lòng nhường cho bài của ông Tản-Đà được đăng trước. Còn bài của tôi, hoặc đăng sau, hoặc sẽ đăng vào một tờ báo khác cũng được. Điều cốt yếu là mong sao bài của chúng tôi được nhiều người đọc để chứng tỏ bọn thi-sĩ chúng tôi đã lưu ý đến vấn đề rượu thì cái tầm quan trọng của nó cũng không phải là nhỏ.

Được hài lòng, mặt ông Tản-Đà tươi hẳn lên. Ông cố yêu cầu ông Khái Hưng đọc cho nghe một vài đoạn bài thơ lục bát của tôi mà thực tình tôi không muốn phô-trương ra vì bài đó cũng bình thường, viết theo lối tường thuật, lời lẽ chỉ cần giản dị gọn gàng, không có gì là văn vẻ.

Tuy cũng muốn chiều thi-sĩ Tản-Đà, nhưng lại còn nề tôi, ông Khái Hưng đưa mắt như đề hỏi ý kiến tôi. Tôi đành gật đầu cho xuôi chuyện. Ông Khái Hưng liền đeo kính rồi bắt đầu đọc :

*Muốn dân nấu rượu tự do,
Viện Dân biểu bị cát khờ rất
đau.*

*Nhân tài nào thiếu chỉ đâu,
L.Th., L., V., Viện bầu ba
ông.*

*Tưởng rằng ba mặt một lòng,
Tài hùng-biện giữa Hội-Đồng
trở ra.*

*Yêu cầu cho khắp nước nhà,
Rượu ty bán hết, rượu ta cất
chân.*

*Tránh cho dân nổi lửa than,
Bã chôn-men dẫu nhà « Đoàn »
phạt bừa.*

*Tha hồ rượu sớm trà trưa,
Nghiêng chai rốc chén say sưa
tối ngày.*

Năm trên trăng kỷ, nghe đến câu : « Nghiêng chai...tối ngày » ông Tản-Đà ngồi nhòm dậy và nói với ông Khái Hưng hãy ngừng đọc. Ông giải thích :

— Tôi chỉ nghe một đoạn 12 câu vừa rồi cũng có thể hiểu rõ

được thâm-ý của tác giả và nhận được giá trị của cả bài. Tôi thành thực khen ông Tây đã viết được một bài khá như bài này : lời văn mộc mạc thật thà nhưng giọng văn thực rắn rỏi đáng thếp, 4 câu dưới (từ 9 đến 12) lời ít ý nhiều, khéo tả hai cảnh trái ngược nhau mà vẫn ăn khớp với nhau...



Cùng trong một buổi gặp gỡ chuyện trò, tôi vừa bị Tân-Đà tiên sinh chê, vừa được tiên sinh khen, nhưng bị chê tôi cũng không buồn mà được khen tôi cũng chẳng vui. Tôi đã vui vì

đã được gặp tiên sinh và tôi còn buồn vì còn tiếc thương tiên sinh vô hạn. Sau đây xin có mấy hàng kính viếng Tiên-sinh :

*Bầy nổi ba chìm đã mấy cơn,
Khốt tình xoay mãi với giang*

*sơn.
Bồn chồn chín khúc mười câu*

*hát,
Khắc khoải năm canh mấy*

*giọng đồn.
Hồn lỉnh còn ham tình với*

*nghĩa.
Mộng tan thôi hết ái cùng ơn,
Sự đời trông đã hoa đôi mắt.
Đen bạc thấy ai chẳng oán hờn.*

★ KHI TRUNG TÁ UỐNG RƯỢU...

Chiều hôm lãnh lương, một viên Trung tá chỉ huy một trại lính, hơi say rượu ở đầu rồi, bước vào một tiệm rượu thứ hai tại đây có đồng binh sĩ của trại ông. Ông đến gần chủ quán, đập mạnh tay trên bàn, và nói to :

— Khi Trung-tá uống rượu, mọi người đều uống rượu !

Binh sĩ tưởng đầu hôm nay được Trung-Tá có lòng tốt bao cho anh em một tiệc rượu. Ai nấy đều đứng dậy reo mừng :

— Hoan hô Trung-Tá.

Và ai nấy cũng gọi chủ quán rót rượu đầy li.

Trung-Tá uống ba li liên tiếp Binh sĩ cũng bắt chước uống mỗi người liên tiếp ba li. Vừa uống họ vừa reo mừng :

— Khi Trung-tá uống rượu mọi người đều uống rượu !

Uống xong, Trung-Tá móc trong túi lấy ra năm chục đồng bạc bỏ trên bàn, và nói to :

— Khi Trung-tá trả tiền, mọi người đều trả tiền !

Nhưng lần này mọi người đều im lặng hết. Trung-Tá chào mọi người rồi đi thẳng ra về. Mọi người trở mắt nhìn theo...

BA TÈO

TRUYỆN NGÂN

QUỐC

TẾ

Người về trong đêm tối

★ Tchy-GIAO NGUYỄN-TÂN-BI

N

GUỒI thiếu phụ trẻ đẹp tiến lại gần cửa sổ, chăm chú lắng tai nghe. Chỉ còn có một mình nàng trong nhà. Nàng lặng nhìn ra cảnh đồng cỏ hoang vu mà tuyết đầu mùa đông đã bắt đầu phủ lên trắng xóa.

Thật ra trước khi nghe tiếng động này, nàng không có gì phải sợ hãi cả. Nàng đã quen cảnh sống cô độc như thế này rồi khi chồng nàng có việc phải vắng nhà ít hôm. Nhưng, từ khi nàng biết chắc mình sắp làm mẹ, trong mình bắt đầu có nhiều triệu-chứng lạ... Tại sao nàng không chịu nói cho chồng nàng hay

tin này trước khi chàng ra đi ? Nàng cảm thấy khô tâm quá : nếu chàng biết nàng đã có mang, chắc chắn không bao giờ bỏ nàng ra đi cả, như thế là chỉ càng làm phiền cho chàng thôi.

Nàng vẫn còn hình dung thấy lại chàng cách đây mấy hôm, cũng tại chiếc cửa sổ này, chàng đã ôm hai vai nàng để nói cho nàng hay về vụ tiền bạc kia.

Chàng là 1 nhơn viên

coi về thuế vụ trong một quận lý nhỏ bé, cô lập, nằm sát bên ven rừng. Cách đây ít hôm chàng có mang về một số bạc ketchup, số tiền thuế vừa thu được, chàng đã cất tất cả vào trong một hộp bánh và đem chôn dưới miếng ván trong nhà bếp.

Tại sao chàng lại chôn tiền thuế ?

— Vì chàng vừa được nhiều mật tin không hay, dĩ nhiên là số bạc của chàng đang bị hăm dọa.

Chàng đang bán - khoản thi trong khi đó, ngân hàng của chàng gửi tiền ở một làng xa, cũng sắp vỡ nợ. Thế cho nên chàng phải hồi hải đến đây để lấy lại số tiền mà chàng dành

dùng gói từ bấy lâu nay. Nếu mang cả tiền thuê theo, lại càng bất tiện, nên chàng mới cho chôn tất cả vào chỗ nói trên. Chàng đã định khi nào thanh toán xong công việc, chàng sẽ đến ngân hàng quốc - gia ở tỉnh để giao lại số tiền thuê kia.

Trước khi đi, chàng đã căn dặn nàng :

— Em hãy hứa với anh là trong thời gian anh vắng nhà, em không đi đâu cả, và em cũng nhớ là không cho bất kỳ một ai vào nhà này dù họ có viện lý lẽ gì đi nữa, em nhé !

Và nàng đã ưng thuận, nghe theo lời chàng :

— Vâng ! em xin hứa với anh ! Thế rồi chàng đã ra đi.

Đêm đến, chỉ có bóng tối và tuyết trùm phủ lấy ngôi nhà đơn độc. Bất ngờ nàng lắng nghe, bên ngoài có tiếng động mạnh đáng sợ.

Không phải tiếng gió, Nàng biết rõ tiếng gió lắm. Tiếng động ấy hình như là của một bàn tay vô hình nào đó, chạm vào cửa.

Lại một tiếng động mạnh, tiếng gõ cửa... rồi nhiều tiếng liên tiếp yếu dần nhưng có vẻ hồi hã, thúc dục.

Thiếu phụ dán mũi vào cửa kính nhìn ra ngoài, nàng thấy một vật, không, một người, phải rồi, người ấy đang chống tay ngoài cổng.

Nàng vội rời cửa sổ, chạy lại lò sưởi, với lấy cây súng lục...

cây súng trường chồng nàng đã mang đi rồi luôn tất cả đạn. Cây súng còn lại không còn một viên đạn nào cả. Tuy nhiên, trong lúc gấp rút, nàng cũng cầm lấy cây súng vô dụng kia, tiến lại cửa lớn đã gài kín đáo.

Nàng cố lấy can đảm quát lớn :

— Ai đó ?

Bên ngoài, có tiếng trả lời yếu ớt :

— Một chiến sĩ bị thương. Tôi đã kiệt sức rồi không nào lê đi được nữa. Với tình thương của Chúa, xin cho tôi được vào nhà !

Nàng quả quyết trả lời :

— Không thể được, vì tôi đã hứa với chồng tôi không cho bất cứ một ai được vào nhà này trong khi chàng vắng mặt.

— Vậy thì tôi đành phải chết tại ngưỡng cửa này.

Rồi ngừng được vài giây, tiếng cầu khẩn lại vang lên.

— Hãy mở ra và nhìn tôi thôi. Bà có thể tin chắc rằng con người tôi đã hoàn toàn bất lực. Tôi không hại bà gì đâu...

— Chồng tôi sẽ không bao giờ tha thứ cho tôi.

Nàng vừa nói, vừa ngấp-ngừng rút chốt cửa.

Quả thật, người khách lạ gần như kiệt sức. Gã vẫn cố gồng hết tàn lực, tiến tới.

Con người gã thật to lớn, gương mặt gã đã nhợt nhạt, và tuyết đã vương nhiều lên những nét phong trần. Cánh tay phải

của gã đã bó kín lại, nhuộm đầy máu.

Nàng diu người khách vào trong và để ngồi vào chiếc ghế dựa của chồng nàng thường ngồi gần bên lò sưởi. Nàng bắt đầu săn sóc, thay băng cho gã. Rồi nàng mang cháo đến, giúp gã ăn. Trong khi gã cố nuốt từng muỗng một, thì nàng lại sang phòng bên cạnh để sửa soạn một chiếc giường cho gã nghỉ.

Sau khi gã đã ăn uống xong gã vào phòng nằm dài ra, và như quá mệt, gã thiếp đi...

Lúc ấy, đầu óc nàng rối loạn lên nỗi hoang mang lo sợ. Nàng cứ đi tới, đi lui trong gian phòng hẹp, như chờ đợi một sự bất thường xảy đến. Đêm tối thật nặng nề. Chỉ thỉnh thoảng một vài tiếng củi nổ tí tách trong lò sưởi. Còn thì hoàn toàn im lặng.

Đột nhiên lại một tiếng động, một tiếng động yếu ớt gần như không nghe, nhưng cứ kéo dài ra làm cho người ta có cảm tưởng như tiếng chuột rúc. Tiếng động ấy ở đâu phát ra? — Có phải là của gã thương binh ban nãy đang nằm ở trong phòng bên cạnh không?

Thiếu phụ vội cầm lấy chiếc đèn dầu lên tay, nhón gót đi nhẹ nhẹ tới dãy hành lang chật chội. Đến trước cửa phòng gã, nàng lắng tai nghe.

Không phải !

Tiếng gã « ngáy » to quá mà !

Gã đã ngủ mất rồi.

Nàng mở cửa phòng gã đi vào và nghiêng mình nàng xuống gần gã, lắng tai nghe.

Giấc ngủ gã hồn nhiên quá.

Nhưng lúc nàng vừa ra khỏi phòng gã, nàng lại nghe tiếng động ban nãy nổi lên.

Lần này, nàng đã hiểu ra : có một kẻ vừa buột cương ngựa vào trước cổng nhà.

Nàng vội mở hộp khi giới lấy ra con dao cán lớn và dài của chồng nàng. Rồi nàng quay trở lại phòng của gã thương binh.

Nàng lay hấn dậy. Gã thương binh từ từ mở mắt ra rên rỉ.

— Này ông, nghe đây, nàng cố nói thật nhỏ để vừa đủ gã nghe thôi, có một kẻ đang mở cổng, ông cần giúp tôi một tay.

Gã hỏi lại nàng giọng ngái ngủ :

— Tại sao người ta lại thích mò vào đây ? Ở đây có gì cần phải cướp giật đâu.

Nàng nói không suy nghĩ :

— Có ! một số bạc lớn lắm, giấu kỹ dưới miếng ván trong nhà bếp...

Nàng nói thật nhanh, nhưng nàng bỗng thấy lo sợ tại sao nàng lại tiết lộ chuyện bí mật của gia đình nàng ra cho một kẻ xa lạ biết.

Gã thương binh bảo nàng :

— Bà cầm lấy cây súng lục của tôi đây. Tôi chỉ có thể bắn bằng tay phải, nhưng nó bị thương rồi làm sao. Bà đưa con dao kia cho tôi.

Người thiếu phụ trẻ đẹp ấy dự giầy lầu, nhưng vì tiếng động lầu này lại nổi lên: hình như kẻ lạ sắp mở then cửa, nàng vội cầm lấy cây súng lục của gã thương binh đã lên đạn sẵn và đặt con dao rìng vào trong cánh tay tàn tật của gã.

Gã thương binh căn dặn nàng:

— Bà sẽ nhắm bắn tên vào trước. Bây giờ Bà hãy lại núp sau cánh cửa kia. Khi nào nó mở ra Bà bắn ngay. Đây tất cả chỉ có sáu viên đạn. Bà cứ bắn cho đến khi nào tên đi đầu ngã xuống và không còn cử động gì nữa. Phần tôi, tôi sẽ xuống sau bà, tôi sẽ dùng con dao này để thanh toán với mấy tên vào sau. Bây giờ chúng ta tắt hết đèn và lại chỗ núp đi.

Gian nhà đã hoàn toàn tối mịt. Tiếng động ngừng lại và thay đó là tiếng khua của một thanh sắt. Rồi lẩn lẩn tiếng động của thanh sắt ngừng lại.

Cánh cửa mở ra.

Một người tiến vào nhà. Chỉ trong vài giây bóng đen ấy hiện rõ ra là một người bị tuyết phủ đầy mình.

Tức thì, đã nhắm sẵn từ trước, thiếu phụ bóp cò.

Kẻ vô danh kia ngã gục ngay, nhưng gã lại còn cố lảo đảo, đứng lên, nàng lại bắn nữa. Kẻ ấy lại ngã sấp xuống, nhưng gã cũng cố lách tới bằng đầu gối.

Một phát súng thứ ba, con người xa lạ ấy từ từ gục xuống, gương mặt quay úp vào tường và không cử động nữa.

Chờ lâu lắm, không thấy gì, gã thương binh tiến lại xác chết, khom mình xuống, buông ra tiếng nguyên rủa.

— Khá lắm! chỉ có mình hăn thôi. Bà nhắm thật đúng, hay quá.

Lúc lật ngửa hăn lại, gã thương binh nhận thấy kẻ chết có choàng khăn trên mặt. Có lẽ vì tuyết xuống nhiều quá, gã phải làm thế để tránh lạnh.

Gã thương binh lột trần cái khăn choàng ra. Thiếu phụ cũng tiến lại gần.

Gã thương binh hỏi nàng:

— Bà biết hăn chứ?

Nàng lắc đầu.

— Không! tôi chẳng thấy hăn bao giờ.

Giọng nàng nói có vẻ nặng nề quá.

Bỗng nhiên, cái nhìn khe khắc của nàng như dán chặt thật lâu vào gương mặt của kẻ xấu số, trong đêm tối, kẻ ấy lại quay trở về đây để tự lột trần ra, trời ơi gương mặt kẻ chết, không, chính là gương mặt của chồng nàng.

Cần Giuộc, mưa sang mùa.

(Phỏng Theo « La main sur le Loquet » của Anthony Abbot)

HỒI KÝ

MỘT ĐỜI NGƯỜI

★ THIẾU SƠN

CHƯƠNG VII

VỀ THĂM LÀNG VĂN ĐẤT BẮC

(Tiếp theo P. T. số 14)



A M công - tôi nhà ga hàng Cỏ và đề chun chức mỗi năm lên trên đất nghìn năm văn-vật có quyền xin Chuyển đi thứ nhứt tôi nghỉ phép chỉ cốt về thăm nhà. Chuyển một tháng đi thứ hai thăm nhà cũng có lãnh lương đủ mà thăm bạn nhiều hơn.

Không năm Tôi diễn-thuyết ở Hội Trí Trí nào tôi quên xử-dụng cái quyền đó của tôi. Có tiền ít thì đi chơi gần. Có tiền nhiều thì đi chơi xa. Không tiền thì ở nhà chơi với vợ con cũng thú.

Tôi đã hai lần về Bắc thăm nhà. Lần thứ nhứt hồi chưa có xe lửa suốt, phải đi xe đồ xen kẽ, lần thứ hai, vào khoảng 1937-38 sau khi đã có xe lửa xuyên Đông-Đương, đi một mạch hai ngày hai đêm là về

Tôi diễn-thuyết ở Hội Trí Trí Hà Nội, chính ông thầy cũ của tôi giới-thiệu tôi. Ông thầy đó là cụ Nguyễn văn Tố như đã nói ở trên.

Tôi còn xuống Nam-Định diễn thuyết làm khách của các ông Phạm xuân Độ, Ngô ngọc Kha và anh Nguyễn công Hoan hồi đó còn làm giáo học.

Tôi đã dự một bữa tiệc với đủ mặt anh em làng văn do ông Vũ đình Long tổ chức. Tôi đã

cùng với ông chủ nhà xuất-bản Nam ký đi nghe hát ả đào với Thi sĩ Á-Nam, ngồi uống rượu với thi sĩ Tản Đà,

Tôi đã tới thăm tòa-soạn báo Phong-Hóa và gặp nhà văn Khái-Hưng.



Mới xa cách lối 10 năm mà làng báo, làng văn ở Hà - Thành đã khác hẳn, đông hơn, trẻ hơn, phong-phú hơn và tiến bộ hơn.

Ông Phạm-Quỳnh đã đội mũ cánh chuồn nghênh-ngang ở Huế, giao quyền chủ bút cho rề ông là Nguyễn-tiến-Lãng. Nhưng rồi chẳng bao lâu ông rề qui cũng nói bước theo ông, cáo chung sự mạng của Nam-Phong tạp-chí.

Ông Nguyễn-văn-Vĩnh đã tạ thế năm 1936, nên 2 tờ Trung Bắc Tân Văn và Ansam nouveau tuy vẫn tiếp tục xuất-bản nhưng đã mất hết sinh-lực và bắt đầu xuống dốc. Sau khi ông Vĩnh nhắm mắt rồi, người ta mới thấy rằng cái dư luận về ông hồi năm trước không có căn cứ xác đáng. Đời ông có thể không hoàn toàn liêm khiết, đối với chánh quyền thực dân, ông có chỗ thiếu phân minh và có thái độ không dứt khoát, nhưng ông đã lo phục vụ quốc dân nhiều hơn là lo làm vừa lòng

nhà đương cuộc. Ông Phan-Khoi đã phán đoán về ông rất đúng : ông không phải là người quân tử, nhưng ông là người hào kiệt. Có người đã tặng ông ba chữ « đại văn-hào ». Ông Phan Khoi công kích cái danh từ ghép đó vì văn hào đã có nghĩa là grand écrivain, hơn văn sĩ một bậc, vậy thì còn gia thêm chữ « đại » làm gì ! Hơn nữa văn hào thường là chỉ những nhà văn sáng tác. Ông Vĩnh kể như không có sáng tác. Ông chỉ là một dịch giả có tài, thêm vào với tài viết báo và làm báo của ông. Nhưng bởi ông đã có công với quốc ngữ ngay từ lúc phôi thai, và chấn chỉnh ông đã vạch đường, chỉ lối cho những kẻ tới sau để tiếp tục theo chỉ hướng của ông, ông không bao giờ mất được cái địa vị tiền phong và tiền bối đó.

Tờ Patrie Annamite của ông Tôn Thất-Bình, cơ quan tranh-đấu cho thuyết Lập-Hiến của ông Phạm Quỳnh, nay cụ Phạm đã công thành, danh toại, cũng sanh ra uế-oải, còn cần tranh đấu cho ai, và tranh đấu làm gì nữa ? Chỉ có cụ Nguyễn-văn-Tổ là còn hăng-hái lo cho hội Trí-Tri và hội Truyền-bá quốc-ngữ. Lúc đó báo Tri-Tân chưa ra đời

để cụ đăng danh sách của các ông nghề Triều Lê.

Báo Phong-Hóa đương thời kỳ phồn thịnh, cùng với nhóm Tự-Lực Văn-Đoàn muốn dành ngôi bá chủ trong làng văn, nhưng vẫn phải đương đầu với sự cạnh tranh quyết liệt của các nhóm khác, như là nhóm Tân-Dân với những tờ tiểu-thuyết thứ bảy, Phổ-Thông Bán Nguyệt San, Ích Hữu, v.v... Chợ văn chương trăm hoa đua nở và khách văn chương cũng tấp nập khoe tài. Nhưng trong thời kỳ đó người cầm bút vẫn túng thiếu, nghèo nàn phần vì không biết bảo vệ quyền tác-giả phần vì sa-ngã trong truy-lạc, rượu trà, cờ-đầu và hút xách.

Trong bữa tiệc văn-chương của nhà sách Tân-Dân, tôi có than-phận về hiện tượng nói trên giữa anh em trong làng thì, anh Lan - Khai đã trả lời tôi bằng một câu rất thấm-thía :

« Hiện nay chúng ta không còn một « chút tự - do nào cả. Ta chỉ còn có « tự - do truy - lạc mà ta không hưởng thì , ta đòi hưởng cái gì ? »

Câu nói trắng-trợn đó làm tôi bừng mắt ngó tới hoàn-cảnh lúc bấy giờ của thanh-niên nói chung, và của hạng thanh-niên cầm bút nói riêng.

Nhà cầm quyền thuộc địa đã hạn-chế tất cả tự-do của thanh-niên và có tất cả quyền hành và biện-pháp để hạn-chế. Có mã-tà, có lính kìn, có lính khổ xanh, khổ đỏ, có nhà tù, có trại tập trung, có côn-lôn, Lao-Bảo và có cái kéo của bà kiểm- duyệt khắc-nghiệt vô cùng. Vậy mà thanh-niên lại nhiều sanh-lực, đầy nhựa sống đã ủng-hộ cụ Phan-bội-Châu, hoan-nghênh cụ Phan-chu-Trinh, khóc Nguyễn-thái-Học và những đồng-chí của ông bị thực dân hành-quyết ở Yên-Báy. Thanh niên có chí lớn mà không được thỏa thích vẫy vùng nên sinh ra tự bạo tự khi. Họ tập làm thơ, làm văn để nói ra những uất hận ở thâm tâm thì cũng lại bị bà kiểm duyệt và có thể bị báo-cáo với sở Liêm-Phong để ngồi tù.

Những cái họ viết ra mà xuất bản được chỉ là một phần nhỏ những cái họ muốn nói, muốn thét, muốn gào.

Bởi thế nên họ cần xài bớt sinh lực của họ vào những cuộc vui suốt sáng, trện cười thâu đêm, vào rượu trà, ả-đào và thuốc phiện, những thứ không bị cấm đoán mà còn được hưởng thụ một cách thông thả tự do.

Những bạn thanh niên lớp

sau nên hiểu rõ hoàn cảnh của thế hệ thanh niên lớp trước và khi đọc tác-phẩm của họ cũng hiểu tại sao họ lại hay viết truyện đường rừng, truyện lịch sử, truyện lãng-mạn, tình-ái, hay nói ra một cách trắng trợn những cảnh đồi trụy trong xã-hội mà chính họ cũng là thủ-phạm, tông phạm hay nạn nhân thì đúng hơn. Họ không dám tấn công kẻ thù chánh của dân-tộc nên họ phải chế diễu những phong tục hủ bại của đồng-bào để dọn đường cho những cuộc cải-cách rất ôn hòa. Nhưng nhiều khi họ lại chế diễu cả đến những cái không đáng chế diễu, như những ngò nghếch, dốt nát của Lý Toét Xã Xệ những điển hình của dân quê bị thực dân giam hãm vào cảnh mù tối, nghèo nàn, thiếu cơm gạo, thiếu vệ sinh, thiếu ánh sáng của văn minh khoa học.

Tóm lại thi tất cả đều là nạn nhân, từ kẻ chợ tới thôn quê, ai ai cũng khổ cả. Và muốn cười chút chơi thì chỉ có cười đùa với nhau, chế diễu lẫn nhau, gả quê ăn quần cối xay trong một hoàn cảnh chật hẹp, tù túng, đầy cam bẫy và đầy nguy-hiểm.

Nhưng đầu sao ta cũng phải nhìn-nhận rằng làng văn, làng báo lúc bấy giờ đã khởi-sắc hơn 10 năm về trước, và biểu-

lộ một sinh-lực dồi-dào vì không phát-triển được ở những địa-hạt khác nên càng tập-trung ở địa-hạt văn-chương.

Hồi đó những tay «văn-phiệt» hay «học-phiệt» đã lui bước hoặc phải chung lộn trong sự nầy-nở bừa-bãi ở-ạt, nhưng không thiếu vẽ phong phú dồi dào của một phong trào toàn-thịnh của văn-học hồi tiền-chiến.

Tôi đã gặp Khải - Hưng, Lan-Khai, Lê - văn - Trương, Nguyễn-Triệu - Luật, Trương - Tửu, Thái Phỉ, Ngọc - Giao, Vũ - Bằng, Lưu Trọng - Lư, Nguyễn - Tuân và vô số nhà văn có tên tuổi lúc bấy giờ. Anh em trong làng văn đối với một bạn đồng-nghiep ở Nam ra đã biểu-lộ một mối tình thương yêu đậm-thấm mà nay nhắc tới tôi còn bồi-ngùi cảm-động, Cầm-động nhưt là những lời trọng-hậu mà các bạn đã dùng để nói tới mấy buổi diễn-thuyết của tôi ở Nam-định và ở Hà-nội. Nay đọc lại những lời đó và nhớ lại mối tình xưa, những hình bóng rõ rệt hay lu mờ hiện ra trong ký ức còn làm cho lòng tôi xúc-cảm.

Tôi giành riêng thi giờ để gặp hai bậc đàn anh là hai nhà thi sĩ Tân-Đà và Á-Nam mà tôi đã phê bình trong « Phê-Bình và Cảo-Luận. »

Tôi gặp ông Á-Nam trong một đêm hát cô đầu do ông chủ nhà sách Nam-ký đài-thọ. Người ông lúc đó còn phượng phi, cười dòn, nói lớn, đánh trống chầu hay và còn đầy nhuệ-khí khi nói qua chuyện văn-chương. Nhưng ngọn « bút quan hoài » dường như đã có phần khô mực, và những tác-phẩm mới của ông đã bớt vẻ hào hứng nếu đem so sánh với những bài đã xuất-bản.

Tôi gặp ông một lần nữa ở Saigon vào lối đầu năm 1955. Ông ở trong số những người di cư vào Nam. Lúc này ông đã thành một ông cụ già trên 60 tuổi, thân hình ốm yếu, tóc bạc, da mồi và tay cầm bút đã bắt đầu run run dưới sức nặng của tuổi tác.

Thật là : « Duyên nợ phù sinh » chưa hết kiếp, mà « Ngọn bút quan hoài » đã muốn buông. Tôi may mắn được gặp ông hỏi cường tráng nên qua những nét nhăn nheo tàn tạ của một ông già, tôi còn hình dung được cái vẻ mặt ngang-tàng khi-phách của một anh khóa đã say đắm

lòng tôi khi còn cấp sách tới trường.

Tôi gặp thi-sĩ Tân-Đà hồi ông đã đăng bằng làm ông thầy trường số. Ông thuê nhà ở Thái-Hà-Áp và nhận coi sổ Hà Lạc cho những đồng bào, muốn biết thời vận của mình để nhận 5.3 đồng mỗi quẻ. Nhưng nhà thơ làm việc gì cũng tùy theo hứng. Lúc làm quên nghỉ, lúc nghỉ quên làm. Nhưng phần nhiều là nghỉ quên làm để cho khách hàng cũng lần lần thừa bước và chán nản hết muốn làm rộn nhà thơ.

Thi sĩ tiếp chúng tôi trong một căn nhà xiêu vẹo, trống trải, biểu lộ một sự nghèo nàn rõ rệt.

Ông Nam-Ký đặt món ăn ở một tiệm cao lầu gần nhà thi-sĩ bảo bụng tôi tận nhà để khoản-dãi chúng tôi. Nhớ lại lời nhà thơ nói : « Giờ ăn ngon, đồ ăn không ngon, chỗ ngồi ăn không ngon, không được người cùng ăn cho ngon, không ngon. » Tôi có nhận xét ông bữa đó và thấy ông ăn cũng khá ngon nhưng sắc mặt không mấy vui.

Đồ ăn đã lựa toàn những món quen miệng, ông lại có hỏa lò than để ông... xào nấu lại, chỗ ngồi ở ngay tại nhà ông mà người ngồi hầu bữa ông cũng một niềm cung-kính ân-cần.

Nhưng ông không vui có lẽ tại giờ ăn không vui. Mà vui sao được? Nhà thì trống trước, trống sau, vợ con nheo-nhóc công nợ từ giảng, bảo làm sao mà vui cho được? Một nhà thi-sĩ được cả nước thương-yêu, đã từng tự toại trong những giấc mộng con, mộng lớn, đã lên cung quảng để chọc ghẹo chị Hằng, gáng sách lên chợ Trời để bán, đã từng tự phong cho mình là một văn-hào kiêm triết-học, đã từng lên án chém đầu ông Phan - Khôi vì ông này đã dám công-kích đạo Nho đã để lại bao giai-thoại ở Nam và ở Bắc, người ông là cả một bài thơ và đời ông cũng tràn ngập thi-tình, thi-cảm. Vậy mà chưa tới 50, ông đã cảm thấy ở cảnh trời chiều bóng xế, nẻo - nẻo trước một thực - tế thiếu thi - vị và thiếu cả tri - âm. Mà thật thế. Khi tôi hỏi ông: « Bài thơ nào cụ đặc ý nhất? » thì ông không cần suy nghĩ và trả lời liền: « Bài « Nói chuyện với bóng » » Ông có đọc cho tôi nghe cả bài thơ và tôi còn nhớ được 2 câu chót:

« Còn ta bóng nữ nào đi,
Ta đi, bóng có ở chi cõi đời.

Sau khi cáo biệt ra về, ông Nam-Kỷ có đưa cho tôi một

bức thơ viết đầy sáu trương giấy khổ-lớn của thi-sĩ viết cho ông đề mướn... ba chục bạc,

Qua năm sau (năm 1939), nhà thi-sĩ thân yêu của dân tộc vĩnh biệt với đồng bào. Bóng ông cũng theo ông lui bước. Nhưng địa vị của ông sẽ còn mãi trong văn Học Sĩ V.N.

Trước khi từ biệt Hà thành, tôi có đề ra 3 ngày lên Lào-Kay thăm anh tôi. Hai anh em rủ nhau đi Chapa. Trong cuộc dã-lãm trên sườn núi chúng tôi có ghé thăm một nhà đồng-bào người. Ông tự giới-thiệu là giáo-viên. Anh tôi giới-thiệu tôi là nhà văn Thiếu-Son. Ông vui mừng như gặp một cố-nhân. Ông bảo ông đã đọc văn tôi và còn giữ sách tôi ở ngăn tủ, lấy làm hân-hạnh được gặp tác giả ở nơi cô-lữ và nhứt định mời chúng tôi phải ăn một bữa cháo gà với ông chiều hôm đó. Tôi ăn hận rằng không còn nhớ tên ông, nhưng cách nhau ngàn dặm mà giao-cảm với nhau một cách rất dễ dàng, âu cũng là tình thanh-khi, một an-ủi và một phần thưởng tinh-thần của nhà văn.

(Còn nữa)

Bên lề lịch-sử

một người Pháp

làm Vua

tại miền núi

VIỆT-NAM

(1888-1890)

★ Nguyễn Vỹ

((Xem P. T. từ số 13))

★ MARIE 1er ĐƯỢC ĐÓN TIẾP LONG TRỌNG Ở HỒNG-KÔNG



ẢNH-SỰ Pháp tại Hồng-Kông, tên là H. Verleye, có viết thư đề ngày 26-11-1888 gởi cho Toàn-quyền Pháp ở Hà-nội

báo tin cho ông này biết về việc Marie 1er, Quốc-Vương Sédang, được viên THỐNG-ĐỐC ANH ở Hồng-Kông đón tiếp theo nghi-lễ một vị vua ngoại-quốc. Viên Lãnh-sự lại mật tin cho Toàn-quyền Pháp biết rằng nếu Pháp không giúp đỡ và nhin-nhận Marie 1er thì người Anh sẽ bỏ vốn giúp Vua xứ Sédang mở mang biên-giới và khai-thác các mỏ vàng và các rừng cao-su ở xứ « Sédang độc-lập ».

Tất cả các báo Hồng-Kông đều viết bài dài nơi trang nhất để khen tặng « Vua Marie 1er, lãnh tụ Dân tộc Mọi Sédang ». Khen nhiều nhất là tờ báo TIMES, cơ quan chính thức của thuộc địa Anh ở Hương-Cảng. Theo bức thư của Mayréna gởi cho ông Cố-đạo GUERLACH thì Hoàng-Hậu nước Anh muốn gặp y và sẽ đón tiếp y với tư cách một vị Quốc-vương. Lý do sự niềm nở ấy có lẽ là nước Anh hồi đó muốn củng cố địa vị của Marie de Mayréna để bỏ vốn khai-thác các mỏ vàng và rừng

cao su mà ai cũng đồn rằng có rất nhiều ở miền Núi Việt-Nam, và để cạnh tranh với Pháp, muốn hất cẳng Pháp chẳng? Chính phủ Hòa-Lan hình như cũng có thâm ý như chính phủ Anh vậy. Viên lãnh sự Pháp ở Hồng-kong thấy vậy, lo sợ Marie de Mayréna phản lại quyền lợi của Pháp, và bán cả xứ Mọi ở miền Núi Việt-nam cho Anh, nên vội vàng đánh điện tin bí mật về cho Toàn-quyền Đông-Dương biết rõ, và yêu cầu đừng bỏ rơi « Vua nước Sédang độc lập ».



Huy hiệu của Marie 1er. Vua xứ Mọi Sédang

Cũng theo bức thư của Mayréna nói trên, hôm chủ nhật Thống-Đốc Anh mở tiệc tiếp tân long trọng để đón mừng « Hoàng Thượng ». Tất cả các nhân vật cao cấp đều có đến dự và được Marie de Mayréna trao tặng mẽ dày đủ thú. « Hoàng Thượng » hôm ấy mặc triều phục rất đẹp và rất oai. Quân

trắng tinh có hai sọc lụa vàng hai bên ống quần từ trên xuống dưới lại, áo đồ chồi có đeo xéo qua ngực tấm băng màu cờ của « Quốc gia Sédang » và gắn trên ngực chiếc Bội tinh Ste Marguerite do tự ý chế ra. Thấy vậy, Lãnh sự Pháp ngày hôm sau cũng lật đặt mời y dự đại tiệc tại tòa Lãnh sự và năn nỉ y đừng để cho chính phủ Anh mua chuộc. Y trả lời ngay : « Nếu chính phủ Pháp không nhìn nhận tôi là Vua xứ Mọi Sédang, Vua một nước độc-lập, thì tôi quyết tuyên-chiến với nước Pháp. Tôi sẽ về nước Sédang và kéo 10.000 quân lính. Sédangs xuống đánh phá tỉnh Bình-Định và thành-phố Qui-nhơn tan tành hết. Tôi quyết liều chết để bảo-vệ biên-giới của Quốc-gia Mọi, và tất cả nhân-dân Mọi của tôi sẽ tuân lệnh tôi mà chiến đấu quyết-liệt để bảo-vệ nền độc-lập của Quốc-gia Mọi Sédang ».

Nhưng Toàn - quyền Đông-Dương là Constans, đã biết rõ thủ-đoạn lừa-bịp của chàng đại gian-hùng, liền đánh điện cho Lãnh sự Pháp ở Hồng-Kông và Thống-Đốc Anh biết rõ lai-lịch của chàng. Toàn-quyền Pháp lại nói : « Xứ mọi Sédang chỉ là miền thượng-du của nước Việt-Nam dưới quyền thống-trị của Vua Việt-Nam do nước Pháp bảo-hộ chứ không có một quốc-gia nào tên là Quốc-gia Sédang cả. Cùng một lúc, Toàn-quyền đánh điện về Paris cho chính-phủ Pháp

biết rõ vụ Marie 1er vua xứ Sédang.

Thống-đốc Anh ở Hồng-Kông bắt đầu không tin Marie de Mayréna nữa. Chàng tức mình đi tiếp-xúc với Lãnh-sự Đức ở Quảng-Đông, ngày 14 tháng 12 năm 1888. Lãnh-sự Đức, tên là Budler, tin cho Tổng Lãnh-sự Đức ở Bắc-kinh, nhưng ông này không tiếp de Mayréna.

Lần lần ở HồngKong không còn ai tin « Vua Marie 1er » nữa, nhất là từ khi tờ báo Pháp « LE COURRIER HAIPHONNAIS » xuất bản ở Hải-Phòng liên tiếp trong những số ra ngày 27-12-1888 và 3-1-1889, đăng những bức thư của Cố-Đạo Guerlach tố cáo với dư luận về các hành động gian hùng bịp-bợm của Marie de Mayréna.

★ **Hoa-Kiều A-Kong, ở Chợ lớn, Bộ trưởng Bộ Tài-Chánh của Vua Marie 1er.**

Trong số những người bị Marie de Mayréna lợi dụng và lừa đảo, có một người Hoa-Kiều ở Chợ lớn là nạn nhân lớn nhất. Tên y là A-Kong. Y là người đã bỏ rất nhiều tiền bạc ủng hộ Marie 1er để hy vọng dự phần khai thác mỏ vàng và rừng cao su của « Quốc gia » Sê-Đăng. Hồi gặp Mayréna ở Sài Gòn, y đã cho chàng mượn 200đ (200đ hồi đó.) Y đã may các đồ Triều-phục của Vua và Hoàng-hậu Lê-thị-Bến (bán hột vịt lộn ở Chợ cũ Sài Gòn), tất cả cộng số

tiền là 148đ,65. Y trả tiền tàu đi Hồng Kông, và thuê khách-sạn cho Vua ở Hồng-Kông, cộng là 180đ. Y may 10.000 bộ quần áo lính cho « Quân-đội » của Vua và các tiền vật, v.v.. Tổng cộng là 2163\$65. Marie 1er phong cho y làm Bộ-Trưởng Tài chánh. Nhưng tiền, thì nhà Vua không trả cho y một đồng xu. Ở Hongkong, vua xài hết tiền, hỏi mượn thêm tiền của y, nhưng y không cho mượn nữa rồi y bỏ về Hải phòng, mở sòng tài xỉu. Y làm đơn kiện Vua Marie 1er tại tòa sứ Qui-nhơn. Sau đó, Tòa sứ Qui-nhơn tịch biên con ngựa A-rạp của « Vua » và bán đấu giá được 5\$, trả cho A-kong !

★ **Vua Marie 1er sang Pháp, với một viên cựu Phò Đò trưởng của Hoàng đế Napoléon III.**

Bộ trưởng Bộ Tài chánh, A-kong, bỏ về Hải Phòng rồi, Vua Marie 1er ở Hongkong chỉ còn lại 3 người bộ hạ Việt-Nam : một người làm thư ký một người làm « Đồng lý văn phòng » một người làm « Bí-thư », và một người Pháp tên là Liébard. Anh này còn 1000\$, cũng bị « Hoàng-Thượng » hỏi mượn, vì « Hoàng-Thượng » xài hết tiền rồi. Ở Hồng-kong không còn biết vay mượn ai được nữa. Bỗng một hôm, Vua Marie 1er gặp một người Pháp tên là HENRI DE LA ROUSSELIERE,



Marie de Mayréna mặc nhung phục đứng trong «vườn Thượng-uyên» giữa các «cung điện» của ý.

nguyên là phó Đô trưởng của Hoàng đế Napoléon III. Marie liền ký sắc lệnh số 45, ngày 1 tháng 1 năm 1889, phong Henri làm Thủ tướng, và cũng hôm ấy y ký sắc lệnh số 46 tặng Huy chương Sédang và mẽ đay danh dự cho vài ba người Tàu, người Ang-lê, người Pháp, ở Hồng Kông...

Nhưng Vua không còn một xu trong túi. Nhà vua phải đến xin tiền ông chủ nhà ngân-hàng CHARTERED BANK. Ông này quyền giúp cho Vua được một số tiền, nhờ đó Vua Marie Ier mua được vé tàu, — một tàu của Đức, tên là BAYERN, ngự - du sang Pháp. Hoàng-Thượng xuống tàu ngày 20-1-1889. Để biết ơn ông Giám-đốc Ngân-hàng, «Ngài» tặng cho ông một tấm mẽ-đay... Trước khi xuống tàu sang Pháp, Vua Marie Ier còn tuyên bố với các báo ở Hồng-Kông rằng đến Paris «Ngài» sẽ vận-động với Đảng Bonaparte (Đảng của những người còn trung thành với Hoàng đế Napoléon III) để đánh - đổ chính-phủ Pháp... Hoặc ngài sẽ bán «Quốc-gia Mọi» ở Việt-nam cho chính-phủ Đức, hoặc chính-phủ Anh !...



Tờ báo LE PETIT VAR, xuất bản ở Hải cảng Toulon (Pháp) trong số ra ngày 24-2-1889 có đăng một tin-tức «dự-gán» như sau đây :

«Hôm qua, người ta thấy trong tiệm Café-Riche một ông vua coi vẻ rất oai, to lớn, vạm-vỡ, và

có một bộ râu trường-giang... (Une barbe fluviale). Đó là một ông vua ở Á-Đông. Ngài ngự trên một ghế gỗ và vui lòng dùng rượu thắm giọng của người Âu chúng ta. Tên ngài là «Marie Ier, Quốc Vương xứ Sédang». Ngài đến đất Pháp với tấm lòng hoan-hỉ, vì ngài yêu dân Pháp, nhất là bọn dân thích đi lang-thang trên vỉa đường v.v... »

*** Marie Ier gọi thư Tổng Thống Pháp, và đặt vận-phòng Quốc Vương tại Paris.**

Marie de Mayréna đến Paris, với hai mục - đích :

1) Yêu cầu chính phủ Pháp nhìn nhận y là Vua xứ Mọi ở Việt - Nam.

2) Kiểm tiền, trong khi chờ đợi kết quả cuộc vận động. Y vẫn điềm nhiên sống cuộc đời đế Vương. Trước hết Y ký sắc lệnh ly dị người vợ Đàm tên là MARIA FRANCISCA AVRON. Y ký sắc lệnh khác phong đưa con trai của y là Albert làm HOÀNG TỬ, phong con gái là Marie - Louise làm CÔNG CHÚA, nhưng chỉ ở Pháp chứ không được phép sang xứ Sê-đăng. «Hoàng-Hậu» Lệ-thị-Bến đã bị chết ở Kountum vì bệnh sốt rét rừng, y ký một sắc lệnh số 47, ngày 5-4-1889, phong một thiếu phụ người Pháp lên làm HOÀNG - HẬU mới, tên là MARIE JULIE ROSE LYEUTÉ.

Một người Pháp khác, tên là Angenard cho ngài mượn tiền, được

ngài phong chức Bá-Tước Droua. (Sắc lệnh số 48 ngày 10-4-89). Hai người Pháp nữa cũng đem tiền dâng lên « Hoàng-Thượng », một người tên là Fernand de Jupilles được Ngài tặng mẽ-day và phong chức « Bi-thư-trưởng Văn-phòng Quốc-Vương », một người tên là Georges Mazergues được Ngài phong là « Quan Thị-Vệ ».

Trong lúc đó, « Ngài » gửi thư lên Tổng-Trưởng bộ Ngoại-giao Pháp, và Tổng-Thống Pháp, đề yêu-cầu chính-phủ Pháp nhìn nhận y là Vua xứ Mọi. Y viện tất cả những lý-lẽ để chứng-minh uy-quyền của y do « Hiến Pháp » ngày 3-6-1888 của toàn-dân Mọi Sé-dang suy-tôn y lên làm Vua xứ Mọi, một quốc-gia độc-lập không dính-liu gì đến nước Việt-Nam, v.v...

Nhưng Tổng-Thống Pháp không trả-lời. Y xin yết-kiến Tổng-Thống Pháp không tiếp. Tổng-trưởng Bộ Ngoại-giao cũng không tiếp. Y xin phép diễn thuyết tại Hàn-Lâm-Viện Thuộc-địa về vấn-đề Sé-dang, chính-phủ không cho. Y lại xin yết-kiến Tổng-Trưởng

Bộ Thuộc-địa. Ông này tiếp y với một ly nước lạnh...

Sau cùng, thất vọng và tức-giận, « Vua » Marie 1er đem « Hoàng-Hậu » Marie Rose mới cưới, và cả « Triều đình » đi qua nước Bỉ, ngày 20-7-1889.

Marie 1er lập Triều đình tại kinh-đô Bỉ và bỏ rơi Hoàng-Hậu vì hãi Hồn.

Tại nước Bỉ, ở thành phố Ostendes ông vua xứ mọi đi thăm Hội-chợ

Triển - Lãm đang mở tại đó và tặng mẽ-day, huy-chương cho nhiều khách du-lịch. Y tuyên bố với các báo là y sắp sang nước Anh, y đặt riêng một văn-phòng cho Hoàng - Hậu Marie Rose và ký sắc - lệnh ban cho nàng nhiều uy-quyền ngang với các

Hoàng-Hậu Âu-châu. Y đặt ra các thứ tem dán thư, và phong cho ông Camille Berleur (sắc lệnh số 62, ngày 5-9-1889) làm Tổng giám Đốc Bưu Chính Quốc gia Mọi Sé-dang. Những con tem này được in kiểu mẫu trong tờ báo *Echo de la Timbrologie* chuyên về nghề chơi tem, cả



Một ông Bộ Trưởng của Chánh-phủ vua Marie 1er



4 thứ : vàng 0\$50, đỏ 1đ, xanh lá cây 2\$, xanh dương 1\$.

Trụ sở của Tổng giám Đốc Bưu chính ở số 43 Đại lộ Ans-pach, Bruxelles (Kinh đô Bỉ).

Vua Marie 1er lập Triều đình ngay tại đây. Hằng ngày, Đồng lý văn phòng, là Fernand de Jupilles, soạn thảo các sắc lệnh trình lên y ký. Có đặt một Lãnh sự của « Quốc gia mọi » ngay ở Kinh đô Bỉ, tên là Edouard Daveluy, vừa là thợ nhà in của « Hoàng Thượng », vì y có sắm cả một máy in litho.

Nhưng toàn là tiền vay mượn, hoặc là mua chịu. Quốc-Vương Sé-dang không có một xu nhỏ. Rút cuộc, ngài phải bỏ rơi Hoàng Hậu Marie Rose. Trước khi đuổi Hoàng-Hậu ra khỏi « Cung điện », ngài tặng cho Hoàng Hậu « một hộp kim cương và vàng ngọc châu báu », nhưng khi Hoàng-Hậu mở hộp ra xem thì... hỡi ôi, chẳng có một tí gì cả. Hoàng-Hậu quăng cái hộp rỗng-không cho « Vua », và ôm mặt khóc sụt-mướt, chạy đi có bót !...

(Kỳ sau hết)



★ AN DỒ BỒ

Thấy con gái (4 tuổi) có sán lãi, mẹ mua một thứ kẹo màu hồng cho con ăn để trừ sán. Con gái sợ thuốc, không ăn. Mẹ bảo :

— Con bị sán lãi, mặt mày con xanh xao. Con ăn kẹo hồng này vô thì da thịt của con cũng hồng hào như màu kẹo này đẹp lắm ! Hôm sau, mẹ bảo con ăn rau dền :

— Con càng ăn nhiều rau dền chừng nào, càng khỏe mạnh chừng này.

Con gái lắc đầu không ăn :

— Con ăn nhiều rau dền, mặt mày con xanh lè như rau dền chó bộ !

BA TÈO

ĐỒNG VỌNG

Đêm nay chờ hồn ra Huế
Nghe ngàn thông reo mùa trọng thề.
Lời Xuân gọi gió phát mệnh-mông.
Đỉnh Ngự-trăng treo mảnh lụa hồng.

Đàn ai thoảng nửa chừng sông.
Mong manh sóng nước mệnh-mông núi đồi.
Trăm đêm mưa gió sụt sùi,
Một mùa trăng sáng ngậm ngùi lòng ta.

— Ai qua Trùng-Tiền
Ai vô Thành-Nội
Ai về Gia-Hội
Ai ghé Đông-Ba
Xa hỡi muôn xa

Này đây một khúc cầm ca,
Vút lên vọng khắp giang hà cùng nghe.

Hồ Khoan khoan hỡi.
Ôi mái tóc thề
Ra về tạnh nắng chiều quê,
Áo em thơm lúa bên tẻ ruộng đồng...

Mưa lên hò hẹn nhé
Dù lửa hạ mưa đông.
Thuyền ơi xuôi theo nước
Cho nước mãi xuôi dòng
Mai kia mùa cưới non sông,
Ngày thơ em gởi má hồng tặng ai ?

NGUYỄN-THU-MINH

BỬU ĐÌNH

Mặc dù thuộc giòng «cánh vàng, lá ngọc», tăng tôn nam của hoàng-thân **Tĩnh-Gia**, con giòng thứ 41 của vua **Minh-Mạng**, và vai Bác của **Bảo-Đại**, ông vẫn mang nặng trong tâm-tư một ý chí cách-mạng. Ông lên tiếng gây phong-trào chống phong-kiến, thực-dân. Vì thế, ông đã bị khai-trừ ra khỏi hoàng-tộc, tên **Bửu-Đình** bị bắt buộc phải đổi thành ra **Tạ-Đình**, và bị lưu-đày đi Côn-Đảo, đến chết mất tích luôn!



CUỘC ĐỜI TRANH ĐẤU

Vua **Minh-Mạng** lên ngôi năm 1.820 và trị vì đến năm 1.840, có 150 Hoàng-tử và Công-chúa.

Trước khi băng-hà, muốn phân biệt số con cháu quá đông-đảo, nhà vua quyết-định chia ra từng ngành, đặt cho mỗi ngành một tôn-hiệu khác nhau, cho dễ phân-biệt về sau. Tất cả có 20 tôn-hiệu được viết bằng chữ Hán, trên kim-sách chung quanh có trang trí rồng

★ ĐẶNG-VĂN-NHÂM

NHỚ ĐẾN MỘT TÂM HỒN...



ỬU-ĐÌNH ! Anh-linh, khi-phách của ông, ta tưởng chừng như còn phảng-phất đâu đây!

Ba mươi năm xưa. Người đã can-đảm đưa cánh tay gầy yếu, cô-đơn, lên chống-đối với chính-sách cai-trị hà khắc của thực-dân, và lẽ lối phong-kiến cô-hủ của chánh-phủ bù-nhìn Nam Triều. Trong lịch-sử tranh đấu, ông **Bửu-Đình** thật đáng được dân-tộc yêu mến, nhớ thương.

Văn-sĩ, chiến sĩ cách-mạng

uốn khúc, coi như bản «thần-phận chứng thư» của Triều-đình. Những tôn-hiệu đó là một bài thơ tứ cú, mà câu khởi đầu là:

«Minh, Hương, Ung, Bửu, Vĩnh»...

Như vậy, Bửu - Đình thuộc dòng hậu Duệ thứ tư, vì tôn hiệu là «Bửu»

Thân sinh ra người là một viên quan của triều đình từng - sự tại một tỉnh nhỏ ở Nam-Việt. Ngay từ ngày còn thơ ấu, người đã rời hoàng - thành Huế, mắt không quen nhìn cảnh vàng son lộng - lẫy nơi lâu đài, cung điện. Người không chịu mặc áo vàng - màu của hoàng gia - và cũng không chịu khuất mình trong khuôn khổ chật hẹp của hoàng tộc. Lúc đầu, người được gửi học nơi trường tiểu học Phan thiết. Mười năm sau, tức năm 14 tuổi, người trở về Huế, được gửi vào trường Quốc - học cho học chữ Nho, để nơi đây người ta sẽ uốn nắn người vào cái khuôn khổ hoàng gia. Nhưng cậu học trò nhỏ thông minh, hiếu học ấy đã tỏ ra có khuynh-hướng rõ ràng, thường họp vài người bạn tâm giao tổ chức làm một tờ tuần báo xuất bản mỗi ngày thứ năm trong trường.

Năm 1919 một tai biến đau thương bất ngờ xảy đến: thân phụ người bị ngưng chức, vì triều đình không vừa ý về một việc gì đó. Gia cảnh đã thanh bần, nay càng thêm quẩn bách với bốn đứa con còn đang tuổi bút nghiên.

Không thể khoan tay nhìn mãi sự túng thiếu, khổ sở của cha mẹ già, em đại, người thôi học đi kiếm kế sinh nhai. Người

đến trọ nhờ nhà một người anh em làm trưởng ga Ba Ngòi. Nơi đây, trong tiếng nhạc biển triền miên của bờ bể Cam - Ranh, người tổ chức một trường sơ học với độ 40 đứa học trò nhỏ cả trai lẫn gái lúc nào cũng ngoan ngoãn, chăm chỉ học hành.

Như vậy, đã giúp gia đình đỡ túng khổ phần nào. Nhưng người trai nuôi chí lớn ấy không muốn chôn chặt cuộc đời mình trong hoàn cảnh. Thế cho nên dù nghèo túng, và chật vật với số thù lao nhỏ bé của 40 học trò người vẫn cố gắng chắt bóp, dành dụm ít vốn để mong cánh bằng tung vạn dặm.

Người vào Sài Gòn, thi đỗ vào làm công chức sở Bưu - Điện.

Người vừa đi làm cho sở để kiếm tiền, vừa viết báo để nuôi chí hướng.

Trước tiên, người cộng sự với tờ «Cộng luận báo» dưới biệt hiệu là «Hà - Tri». Về sau, người đứng ra tự tổ chức một tờ báo khác lấy tên là «Nam-kỳ kinh-tế báo».

Ban ngày, người lo làm tròn bổn phận của mình với sở. Đến đêm, trong một căn phòng nghèo-nàn chật hẹp dùng làm toà soạn, người cầm-cui, hi-hục viết bài dưới ánh-sáng yếu-ớt của một ngọn đèn dầu lạc.

Vì báo nghèo, không có tiền mua bài của người khác, nên người phải tự một mình gánh vác lấy tất cả, viết từ mục lập

trường, xã luận cho đến tiểu-thuyết và những bài «trăm lỗ trống» bên trong.

Tuy vậy, báo vẫn lên như điều gặp gió. Và chính-quyền bắt đầu để ý đến người, kẻ đã dám thẳng thắn kêu gọi sự đoàn-kết để chống những thói-nát của Nam-Triều và chính sách cai-trị của thực-dân. Người hết lời thóa-mạ bọn quan chức, mũ cao áo rộng của triều đình Huế mà đa-số là hàng chú-bác ruột thịt. Người đặt tên cho bọn ấy là những «thằng Hề» và cương-quyết phản-đối tội khi quân do nhà vua đã gán cho.

Người chỉ-trích Bảo-Đại (lúc ấy còn đang du học tại Pháp để sau về nước làm vua) bằng một giọng văn khinh-khi chế riếu. Người đã dám dùng chữ «thằng vua» thay chữ «thiên-tử». Quả là ngạo mạn và can đảm ít có ở thời ấy!

Triều đình Huế thấy càng ngày người càng công kích dữ-dội định khóa miệng người lại bằng cách đề nghị phong tặng người một huân-chương.

Một hôm, viên giám-đốc Bưu-Điện mời người vào, trang trọng trao cho người tờ «lục chỉ» của vua Khải-Định đề ngày 16-6-1925 phong cho Bửu-Đình một chức trong hàng quan lại.

Nhận mảnh bằng sắc còn gần si, viết bằng chữ Hán, và có trang trí hình rồng mây lộng-lẫy, người bật cười lên không thành tiếng. Đối với những kẻ

tâm thường khác thì đây là một cơ hội tốt đẹp để leo bậc thang danh vọng. Mảnh bằng sắc kia là một lá bùa hộ mệnh linh nghiệm mà biết bao kẻ suốt đời thèm khát.

Nhưng đối với người, một tâm hồn cứng rắn, trong sạch, người cho đó là một hành động «ve - vãn» đề tiện. Người phát hoàn mảnh bằng sắc ấy lại, kèm theo những câu ghi chú đầy kiêu hãnh lên trên như sau: «Ta đã tìm được một nơi thanh tịnh để ẩn-thân. Ta hài lòng lắm! Ta không còn muốn liên lạc gì với triều đình Huế, không nhận huân chương, chức tước. Ta đã cố quên thời thơ ấu của ta đi. Ta không ao ước gì hơn được sống mãi như thế này, chẳng cần đất đai, chức tước.»

Trong tập hồ sơ cá nhân của Bửu - Đình còn biết bao nhiêu câu khiếm nhã hơn thế nữa.

Bị bức mình về hành động và thái độ cường ngạnh của người nhiều quá, viên giám - đốc Bưu-Điện Nam kỳ Malpuech đã tức giận mà ghi vào hồ sơ làm việc của người như sau: «... Kiêu-ngạo, ghét đời, nhân viên này gây ảnh hưởng chán nản tệ liệt cho các bạn đồng chức. Quan hệ đến vấn đề tranh vị của vương triều. Bửu - Đình cho ngành hiện có quyền thống trị như là đã soạn nghịch, tiến vị...»

Nguyễn Văn như sau:

«... Arrogant, aigri, cet agent

exerce une influence démoralisante de ses collègues. Il s'agit d'une querelle dynastique. Bửu-Đình Considère la branche régnante comme usurpatrice).

Ít lâu sau, người được lệnh song thân gọi về Huế để lo việc trăm năm. Nàng tên là Nguyễn-thị Hiếu, con gái một vị hương cả ở Gò-Công, mà trước kia khi còn tại chức thân phụ người đã có dịp kết thân. Nàng ấy vừa có nhan sắc mặn mà, tính tình lại đảm thắm nết na. Người cũng ưng thuận theo cha mẹ không một lời phản kháng.

Đã thành gia thất, người sống có vẻ hơi an phận không hoạt động chính trị nữa mà chỉ chuyên chú viết tiểu thuyết.

Tuy nhiên, cũng chẳng được bao lâu. Ngày 1-1-1926 cuộc đình công của nhân viên Bưu-Điện bùng nổ, mà người là tổng thư ký hội ái hữu nhân viên Bưu-Điện Việt-Nam đứng đầu lãnh đạo. Nhà cầm quyền Pháp tức tốc đòi người lên ở vùng núi Chứa Chan, xa xôi, heo lánh. Nơi đây, mắc sơn lam chướng khí, người bị bệnh phải về điều trị mất hai tháng tại nhà thương Chợ Lớn. Vừa ra nhà thương, người ta lại muốn đem giết lần giết mòn người ở một nơi rừng thiêng nước độc hơn nữa. Nhưng người cương quyết phản đối và từ chối.

Từ đó, ý chí tranh đấu bộc phát mạnh mẽ, Bửu-Đình lần lần vào nghiệp báo, dùng ngòi

bút làm khí giới chống thực dân Pháp và bọn bù nhìn Nam Triều.

Cái tên « Hà Trị » lại thấy xuất hiện thường trực trên hai tờ báo lớn ở Nam - kỳ là : « *L'Essor indochinois* » và « *Tân thế kỷ* ». Người được đọc giả khắp nơi hâm mộ vô cùng. Cho rằng dùng ngòi bút chiến đấu chưa đủ. Người chiến đấu bằng miệng nữa, và thường tổ chức những buổi diễn thuyết tại các nơi đông đảo ở Nam Kỳ và Trung-kỳ (1).

Lúc ấy, tờ « *Tân thế-kỷ* » bán rất mạnh ở khắp nơi, phổ biến sâu rộng trong mọi tầng lớp dân-chúng. Bộ Lại ở Huế (tức là bộ Nội-Vụ bây giờ) ký 1 nghị-định cấm « *Tân-thế-kỷ* » không được lưu hành trong địa-hạt Trung-kỳ bảo-hộ.

Trên đường tranh đấu của người bồng xuất hiện một nhân vật mới. Đó là BỬU - TRÁC, vốn là một hộ-vệ quan của vua KHAI-ĐÌNH, đang làm-le ngôi hoàng-đế. BỬU-TRÁC định dùng mưu để tranh-đoạt ngôi của BẢO-ĐẠI khi ấy hãy còn là sinh-viên bên Pháp. Bửu - Trác ve - vãn Bửu-Đình để dựa hơi vào những buổi diễn-thuyết này lửa ở Kim-Luông, Huế và Quảng-Trị. Trong những buổi diễn-thuyết ấy, bọn quan lại bị thỏa-ma hết lời và chính-sách cai-trị của thực-dân cũng bị công-kích kịch-liệt.

Ngày 20-2-1927, một ngày Tết, BỬU-ĐÌNH dùng đầu một đám

đồng dân sĩ ở Huế, hô-hào chúc mừng năm mới cụ PHAN-BỘI-CHÂU, nhà cách-mạng lão thành Việt-Nam đã được viên toàn-quyền VARENNE ân xá.

Dưới nắng vàng, trong một khu vườn lớn, chung quanh có hàng - rào tre bao - bọc, BỬU-ĐÌNH đã đọc một bài diễn-văn hùng hồn, khiến cho biết bao nhiêu phiến trần phảng li phải cau lại, những bàn tay gân guốc phải run lên vì xúc cảm... Đám đông người hoan hô vang dậy.

Sau đó, chiều ngày 23-2-1927 Bửu-Đình liền nhận được « thơ mời của « TÔN - NHƠN - PHỦ ». Đến nơi, người được một vị quan cao cấp của triều đình — mà cũng là cậu ruột — báo cho biết từ giờ phút này người đã bị mất tự do!

Sáng hôm sau, toàn thể dân-sĩ ở Huế được báo động, đình công và biểu tình phản-đối trước « Tôn - nhơn - Phủ ». Binh lính đàn áp vô hiệu quả. Người ta lo sợ, bèn đẩy người lên bao lớn để trấn an dân sĩ, sau khi đã hứa với người sẽ trả tự do lại trong vòng 24 giờ sau.

Đó chỉ là một thủ đoạn xảo - quyết để xoa dịu lòng công - phẫn bồng bột của đám người phản đối. Rồi ngay đêm đó, người bị đưa ra hội đồng hoàng gia xét xử. Người bị ông cậu ruột xử phạt chín năm khổ sai và phải đày đi Lao - Bảo. Hình phạt do CƠ MẬT VIỆN thi hành

ngày 15/4/1927. Đồng thời, người bị khai trừ khỏi hoàng tộc, không được mang tôn hiệu hoàng gia nữa, phải đổi họ lại là : TẠ ĐÌNH.

Ở Lao Bảo bị ngược đãi khổ sở quá, người tù nhân đáng thương đáng kính ấy đã tuyệt thực để phản đối làm cho dư luận dân sĩ ở Huế lại xôn xao.

Thấy thế, người ta bèn đem đầy người ra Côn - Đảo cho yên một bề!

THỜI-KY Ở CÔN-ĐẢO

Ra Côn-Đảo, người được sống dễ-dãi hơn, và làm thơ-ký cho viên « Chúa Ngục » người Pháp, tên CHRISTIANI. Nhờ đó, người lại được tiếp-tục viết-văn và tiểu thuyết rồi lên lút gửi về đăng trên các báo ở Nam-kỳ.

Tên của người lại thấy xuất-hiện trên tờ « *phụ - nữ tân - văn* » với tiểu - thuyết giá - trị « *mảnh trăng thu* », và một tập thơ nhan-đề « *giọt lệ tri âm* »

Nơi đây, người được tất cả các hạng tù nhân yêu kính. Họ giúp đỡ mọi việc và có món gì ngon, lạ cũng để phần biếu, nên người sống cũng thanh-thoai.

Tuy-nhiên, không 1 giây phút nào, người quên nghĩ đến Tự-Do. Ngày 15/10/1930, người cùng với 5 bạn đồng cảnh ngộ đóng bệ vượt ngục ở Hòn Tre lớn.

Nhưng chẳng may, bị một cơn bão to thổi bệ tạt vào một vùng

BỒN CÂU THƠ CỦA ĐÔ ĐỐC Đông - Hương - Bình

người đã đánh tan một hạm đội Nga

Cũng như Việt-Nam ta, Nhựt Bồn là một nước đồng-văn với Trung-quốc. Chịu ảnh-hưởng của nền văn-học Trung-Hoa và hấp-thụ tinh-hoa Hán học, các học-giả Nhựt thường dùng Hán-văn để ngâm hoa, vịnh nguyệt hoặc giải bày tâm-chí mình, mặc dù họ có chữ chữ riêng biệt, gọi là Hòa-văn, có thể ví với văn nôm của ta.

Trong hồi Nhựt-bồn duy-tân, có nhiều danh-nhân, kiện-tướng, giúp vua Minh-Trị, thi hành cuộc cải-cách, canh-tân, để theo kịp các nước văn-minh Âu-Mỹ. Trong số các danh-nhân thời ấy, có Tây-Hương Long-Thịnh là một tay hiệp kiệt nhất, đã được dựng tượng đồng kỷ-niệm ở ngay thủ-đô Đông-Kinh.

Thiếu thời, Tây-Hương Long-Thịnh có làm bài thơ cảm-tác bằng Hán-văn, như sau :

« Đại thanh, hồ tửu thượng cao lâu,
« Hùng-khí, dục thôn ngũ đại-châu.

« Nhất phiến đan-tâm, tam xích kiếm,

« Ủy quyền tiên trảm, nịnh thần đầu.

Nguyên văn :

大 聲 呼 酒 上 高 樓
雄 氣 欲 吞 五 大 洲
一 片 丹 心 三 尺 劍
威 權 先 斬 佞 臣 頭

Tạm dịch :

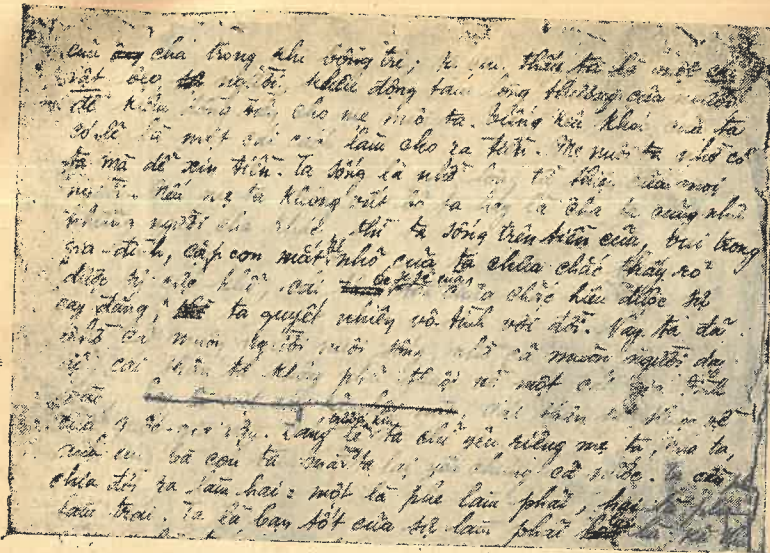
« Gọi rượu, lên lầu tiếng hét vang,

« Khí hùng, chực nuốt cỏ dinh-hoàn.

« Lòng son một tấm, gươm ba thước,

« Sắm-sét ra uy, chém đũa gian. Lời thơ thật là hùng-hồn, mãnh-liệt, biêu-lộ chí-khí hiên-ngang, ý muốn trừ-gian, diệt nịnh để cứu an xã tắc, và cái tham vọng « thôn tính hoàn cầu ». Quả thật là khẩu-khí của một đấng anh-hùng, từng đưa nước Nhựt lên hàng cường-quốc.

Chẳng riêng các văn nhân mới sinh làm thơ, mà các võ-tướng



nét chữ của Bửu-Đình, trong bản thảo « Cặp tám lọ »

gần Singapore. Người và các bạn lại bị bắt gửi về Côn-Đảo vào tháng 12 năm 1930.

Đến tháng 10, năm 1931, cũng ở Hòa tre lớn, người lại mưu vượt ngục lần nữa với 2 người bạn khác.

Lần này, người có làm 4 câu thơ để lại cho viên giám ngục, bài thơ như sau :

« Mấy lời nhẩn nhủ chú Bourrier,
Đó ô, dấy đi thẳng một bề,
Chim đã sổ lồng mong thẳng cánh,
Trời cao biển rộng, nước non quê ».

Vài tháng sau cuộc vượt ngục này, có một điện tín của BẢO-ĐẠI đánh ra ân xá cho BỬU-

ĐÌNH. Nhưng hồi ôi ! Người đâu còn nữa. Người đã an thân giữa sóng bể đại dương, đếm theo một hoài bão chưa thành...

Về sau, có tin đồn, người trốn ở Thái Lan và đã qui y trong chùa. Nhưng theo lời ông BỬU-KÍNH là em người và Bà BỬU-ĐÌNH ở Gò Công cùng với cô con gái lớn thì quả thật, người đã không còn nữa.

Than ôi ! Người chết đi chẳng những để lại cho chúng ta những văn phẩm giá-trị như « mảnh-trăng thu » « Cặp tám lọ »... mà còn để lại cho ta bao nỗi niềm thương xót sâu-xa.

(1).— Tác-giả xin dùng chữ « kỷ » cho nó hợp với thời đại cũ.

cũng thích múa bút như múa kiếm.

Trong trận chiến-tranh Nga-Nhật, hồi 1905, Đô-đốc Đông-Hương-Bình Bát-lang là một danh-tướng Nhật, đã đánh tan cả một hạm-đội to lớn của Nga-Hoàng tại eo biển Đồi-mả, đem lại sự thắng lợi vẻ vang cho giống da vàng.

Trước khi xuống tàu ra trận, đô-đốc Đông-Hương có khẩu-chiến một bài thơ:

«Thất sanh báo-quốc
«Nhất tử tâm kiên.
«Tối kỳ thành-hiệu,
«Hàm tiểu thượng-thuyền.

Nguyên văn:

匹	生	報	國
一	死	心	堅
再	期	成	效
舍	笑	上	船

Tạm dịch:

«Chỉ mong đền nợ nước.
«Còn mất há sòn lòng.
«Ngậm cười, thuyền tách bến,
«Hai lần, quyết thành công.

Lời thơ đã «nói lên» chí cương quyết, đem cái chết đề đền nợ nước, tin-tưởng nơi sự thành-công và hăng-hái ra đi, như vậy bảo sao ông không ca khúc-khải-hoàn, trong trận so-tài với người da-trắng.

MINH-KHA



★ MAY ÁO ĐẸP

Đến ngày hẹn, hai cô bạn rủ nhau về Saigon lấy áo đẹp để kịp ngày mai Chủ nhật đi dạo phố. Lúc mặc thử, cô Hoa buồn bực bảo với chủ may:

— Bà may của tôi sao vụng quá!

Chủ may ngạc nhiên hỏi lại:

— Chúng tôi may đúng «cơ» người của cô đấy chứ, có gì vụng về, xấu đâu.

Cô Hoa gất gông:

— Bà xem, chiếc áo của chị Hồng đây, bà may có «cơ» đẹp vậy mà tôi thì «suông đường» thế này còn gì nữa.

Chủ may mỉm cười:

— Cô chê là phải, nhưng không phải áo tôi may vụng, mà do ở cô... Người cô không có «ngực» thì bảo tôi may cho «nội» ngực thế nào được?

Cô Hoa làm thinh ra đi. Một giờ sau cô trở lại, lần này cô có bộ ngực nổi phồng lên như đôt Bông-Đào. Và bà chủ may đành phải may lại áo khác cho cô!..

CHÂU-NGỌC



Chưa hết chuyện làm Báo!



— Mình ơi!

Ông Tú ngồi cặm-cui đánh đôi giày dỏ, không ngừng mặt lên:

— Anh phục mình thật! Đang ngồi tô son diêm phấn mà cũng «mình ơi!» cho kỳ được!

— Đố mình biết em sửa soạn đi đâu?

— Đi chợ chợ đi đâu. Nhớ mua xoài voi nhé!

— Thấy bói bói trật-lắt! Em đề-nghị trưa nay hai đứa mình nhin com. Mình chịu không?

— Ai mà chịu đại vậy!

— Thì vợ chồng mình dắt nhau đi chợ Cũ ăn cháo lòng bỏ một bữa có chết đâu mà sợ?

— Vậy chớ sáng nay mình tính đi đâu mà không nấu com để trưa phải đi ra tiệm ăn cháo lòng bỏ?

— Em muốn đến Tòa Báo. PHỒ-THÔNG.

Ông Tú trở mặt nhìn Bà Tú:

— Mình đến Tòa Báo làm gì?

Bà Tú diêm-nhiên ngó vào gương, đánh phấn trên hai gò má:

— Em đến xem cách làm một

tờ báo như thế nào. Sắp chữ như thế nào, in như thế nào, rồi đóng bìa, dán, cắt như thế nào. Em muốn mình dắt em đi coi tận nơi cho biết rõ ràng cơ.

Ông Tú hoảng hốt :

— Thôi mình ! Anh không dắt mình đi được đâu. Nhà Báo đâu phải là Hội-chợ Triền-lâm !

— Mình không dắt thì em đi một mình em vậy. Em biết đường, biết số nhà chớ bộ !

— Làm một tờ báo như thế nào, anh đã nói rõ-ràng hai ba lần cho mình nghe rồi, mình còn đòi đến Tòa-báo làm chi nữa ? Mình song tâng vừa vừa kéo ở nhà Báo người ta cười cho đấy.

— Em đâu có sợ họ cười hờ mình ! Em đến để coi, tức là để học hỏi, chớ bộ em phá phách gì sao ? Em là một độc-giả trung thành của Phồ - Thông, không lẽ em đến xin ông Giám - Đốc cho em đi coi một chút, ông không cho sao ? Không những thế, mà em còn đề nghị với ông nên mời Bạn-đọc đến viếng Nhà - Báo và Nhà-in một đôi lần để Bạn đọc được mục-kích rõ - ràng các cơ-quan và các máy-móc sản-xuất ra tập báo Phồ-Thông yêu mến của họ nữa đó.

Bà Tú trang điểm xong, đứng

dậy mặc áo :

— Đi, mình. Gần 8 giờ rồi.

Ông Tú biết tính bà Tú hễ nói là làm, và ham tìm tòi học hỏi, chuyện gì cũng muốn biết, hễ không biết là hỏi cho kỳ được, và tính ông lại hay chịu vợ, cho nên tuy rầu thúi ruột, ông cũng rón dẩn bà Tú đến... Tòa Báo ! Thiết là bà báo hại ông, vì tính ông hay mắc cở, lại nhút-nhát, sợ anh em chị em ở Tòa Báo và nhà in ngạo ông. Họ đông đến mấy chục người, chớ ít ỏi gì sao ! Ông lại sợ cô vợ trẻ đẹp mà khó tính của ông đòi hỏi những điều phiền phức, làm rộn mọi người, nên ông Tú nhút định bảo vợ :

— Anh sẽ giới thiệu mình với ông Giám-đốc, để mình nhờ ông dẫn mình đi coi, ông giảng giải cho mình nghe. Anh đỡ hết trách nhiệm cho ông như thế, là anh yên tâm !... Chớ tôi ngán Bà lắm, Bà ơi !

Đến Tòa Báo, ông Tú giới thiệu Bà Tú. Bà Tú dạn dĩ nói ngay :

— Thưa ông Giám-đốc, em nhờ ông Giám-đốc vui lòng cho em đi coi cách thức làm một tờ báo như thế nào. Về việc sắp chữ, sửa mớ sse, và in, thì anh

Tú của em đã giảng-giải rõ-ràng lắm rồi. Em muốn nhờ ông Giám đốc cho em đi coi qua thôi, để em được thấy tận mắt, xong rồi ông Giám-đốc vui lòng chỉ cho em xem cách in bìa, in màu, xếp báo, dán báo, đóng báo v.v.... Cho đến khi hoàn-thành một tờ báo... Thưa ông Giám-đốc, có được không ạ ?

— Vâng, nếu Bà muốn, tôi xin sẵn lòng.

Đề khỏi mất thì giờ, vì thì - giờ ở Tòa - Báo còn quý hơn vàng-bạc nữa, và không muốn khách-sáo vô-ích với một bạn nữ độc-giả trung thành và ham muốn học-hỏi, ông giám-đốc đưa bà Tú qua phòng sắp - chữ. Ông giới-thiệu vài anh thợ typo giỏi nhất :

— Đây là anh Ba-Búa... Đây là anh Ba-Tèo...

Bà-Tú phì cười :

— Ủa, anh Ba-Tèo cũng làm thợ sắp chữ nữa à ?

— Anh ấy thì đủ nghề ! Thợ sắp-chữ, kiêm Văn-sĩ, kiêm Thi-sĩ, thỉnh-thoảng viết chuyện hài. Trước cho Phồ-Thông. Hôm nào cao-búng thì đi dạy học i-tờ cho Hoa-kiều trong Chợ-lớn.

Ông xoa đầu một em mới vào tập-sự :

— Đây là chàng Cu-Nghếch. Chuyên-môn sắp ' dụ dỗ ' thành ra ' vụ võ '. « Một vụ võ - dỗ gái tơ », thì chàng sắp là ' một dụ vụ-võ gái tơ '. Nhưng toàn-thể anh em typo của Phồ-Thông đều dễ thương, tận-tâm nghề-nghiệp, làm việc rất giỏi.

Rồi ông đưa Bà-Tú qua lò Đúc và nhà máy in. Có 3 máy lớn của Đức, Nhật và Ý. Ba cái máy đồ-sộ. Còn anh em thợ Đúc và thợ máy cũng luôn-luôn cổ - gắng trau - dồi mỹ - thuật của tờ báo. Nhiều khi anh em thức đến khuya để chạy máy cho tạp-chí ra kịp ngày phát-hành. Ông Giám-đốc đưa bà Tú đi coi tỷ-mỷ từng cái máy và ông giảng-giải kỹ-càng y như ông Tú đã giảng. Bà Tú nghe ông Giám-đốc nói chuyện mà bà quên cứ tưởng như ông Tú, bà gọi :

— Mình ơi !...

Ông Giám-đốc trở mặt kinh-ngạc ngó bà Tú trong lúc bà lú thẹn đỏ bừng hai má, vội vàng chữa lại :

— Xin lỗi ông Giám-đốc, tại em cứ hay gọi nhà-em như thế thành ra quen mồm...quen miệng.. đấy ạ. Xin ông Giám-đốc tha lỗi nhé.

Ông Giám-đốc mỉm cười :

— Không sao. Nhà-tôi ở nhà cũng quen gọi tôi là « Minh ơi ! »

— Em muốn hỏi ông Giám-đốc làm sao trong Phê Thông cũng như trong nhiều tờ báo khác in đen và in đỏ, in xanh, in vàng, in nhiều màu như thế được ? In một lượt hay là thế nào ?

— Thưa bà Tú, không phải là in một lượt tất cả ngần ấy màu. Mỗi lần in chỉ in được một màu mà thôi. Muốn in hai màu, phải in hai lần, ba màu in ba lần v.v...

— Thưa ông, như trong Phê Thông, thường thường em thấy số nào cũng in bốn năm màu, thì phải in bốn năm lần à ?

— Vâng.

— Mỗi một máy in một màu hay sao ?

— Không cần phải nhiều máy như thế. Một máy có thể in mấy màu cũng được. Chỉ cần rửa ống mực thôi (Rouleaux). Thí dụ như trong Phê-Thông những trang 3-4-5-6-7-8-9-10, muốn in màu đỏ, thì cho mực đỏ trên tất cả các Rouleaux cho thấm đều mực đỏ hết. In xong màu đỏ rồi, bây giờ muốn cho những trang kể : 11, 12, 13, 14... cho đến 26 in màu xanh, thì thợ in phải gỡ các ống mực đỏ kia ra, rửa đầu xăng cho thiệt sạch, đợi cho

khô, rồi cho mực xanh vào. Cứ như thế mỗi lần đổi màu là mỗi lần phải rửa Rouleaux để cho màu khác.

— Mực in có phải là mực viết bút máy không ạ ?

Ông Giám đốc mỉm cười :

— Không, mực in là một thứ mực riêng, hơi đặc sệt như sơn, chứ không lỏng như mực viết.

Ông Giám-đốc chỉ cho Bà Tú coi mấy hộp mực in đủ các màu : đen, vàng, đỏ, xanh, tím v.v...

— Giống như hộp sơn nhỉ.

— Vâng. Đây là mực của Pháp... Đây là mực của Anh... Đây là của Nhật.

— Khác nhau thế nào ?

— Chẳng khác nhau mấy. Mực in của Nhật màu tươi hơn nhưng mau phai màu, không giữ màu được lâu bằng mực của Pháp.

— In nhiều màu như thế thì in màu nào trước, màu nào sau ?

— Tùy theo trang báo. Có khi in đen trước, rồi mới in màu. Thường thường phải in màu trước, rồi mới in đen. Ông giám-đốc rút lên một tờ Phê Thông đang in trên máy, chỉ cho bà Tú :

— Đây là trang báo in đen.

Những chỗ đề trống đây, là sẽ in màu lên sau.

Ông lấy một tờ khác ở những chồng giấy đã in màu rồi, của P.T, số 15 :

— Đây, trang 7 có bài xã-thuyết. Phải in màu trước.

— Tại sao ?

— Vì phải in cái băng màu hồng này trước, rồi in câu :

« LUONG - TÂM VĂN - NGHỆ » màu đen đề lên sau mới rõ. Nếu in câu đen này trước, nó sẽ bị cái băng màu hồng in sau chụp lên không còn thấy gì được nữa. Cho nên thường thường màu đen in sau các màu khác.

— Còn bìa, như bìa Phê-Thông, cũng in như mấy trang ruột hay sao ? Em thường thấy trong báo nói « Bìa in ốp-sét » là thế nào ?

— In mấy trang ruột Phê-Thông hoặc các báo hằng ngày, gọi là in typo, nghĩa là in trên máy chạy chữ typo, như các máy này. Còn in offset là in trên thứ máy riêng gọi là máy offset. Bìa Phê-Thông in typo, như bìa số 9 và số 10 thì xấu lắm. Vì chỉ làm bản kẽm từng màu rồi cho chạy máy typo, không làm sao nổi

các màu sắc lên được, và hình ảnh lu mờ không rõ. Còn in offset như bìa Phê-Thông từ số 2, đến số 8, và từ số 11 đến số 15 này, thì tuy tốn kém nhiều hơn, gấp đôi, nhưng màu sắc nổi hơn, hình ảnh rõ rệt hơn, và họa lại đúng các màu sắc thiên nhiên.

— Thưa ông in offset thì phải in cách nào mà họa đúng được các màu sắc thiên nhiên ? Cái máy offset là cái máy nào đâu ?

— Thưa Bà, cái bìa Phê-Thông phải in ở nhà in khác trong Chợ-Lớn.

— Ông có thể cho em đi coi, được không ạ ? Thưa ông, ông có rỗi thì giờ không ạ ?

— Xin thú thật với Bà là sáng nay tôi không được rỗi lắm. Xin bà miễn thứ cho.

— Em không dám ạ. Nếu ông Giám-đốc bận việc thì em không dám làm phiền ông Giám-đốc.

— Nếu Bà muốn, thì chiều mai, độ 5 giờ, tôi xin sẵn lòng đưa bà đi vô coi máy in bìa Phê-Thông trong Chợ-Lớn. Đó là máy Offset của Đức. Máy tối tân, đẹp lắm. Bây giờ tôi xin chỉ bà xem qua, cách đóng bìa Phê-Thông thành tập.

— Vâng.

— Như báo hằng ngày, thì máy typô này chạy hai khuôn trang 2 và trang 3, rồi trở qua trang 1 và trang 4, thế là rồi tờ báo. Nhân-viên nhà Báo chỉ còn việc đếm báo đưa đi phát hành là xong. Còn như *Phổ-Thông* thì máy chạy hết hai mặt giấy rồi, còn phải xếp nó lại từng tờ, thành ra mỗi tờ là 32 trang. Xin mời Bà qua phòng xếp báo để coi cho tường-tận.

Bà-Tú ngạc-nhiên thấy thợ xếp báo toàn là phụ-nữ. Đến năm sáu cô. Bà hỏi :

— Thưa ông, sao ở đây dùng toàn các cô thiếu-nữ ? Ở nhà in khác cũng thế hay sao ?

— Vì công việc xếp-báo rất là nhẹ-nhàng, các bạn gái làm được, không cần phải thợ đàn ông. Ở nhà-in nào cũng thế cả : Xếp và đóng là phần việc của công-nhân phụ-nữ. Vả lại, Bà xem, nguyên một tờ báo lớn như thế, gấp lại thành 2, rồi thành 4, rồi thành 8, rồi thành 16, một việc tuy là dễ-dàng nhưng phải hết sức lạnh-lẹ. Chị em phụ-nữ được cái tay mềm-mại, khéo-léo, cho nên rất hợp với công-tác này. Họ gấp rất mau và rất đều-dặn, thịnh-thoảng mới để đôi tờ se-le mà thôi. Gấp xong rồi,

họ bắt lại từng xấp. Mỗi tờ gấp lại thành một xấp 32 trang. Tập báo *P.T.* có 128 trang (chưa kể 4 trang bìa), tức là phải có 4 xấp như thế. Các chị em góp lại 4 xấp theo thứ tự số trang, xấp đầu từ trang 3 đến trang 34, xấp thứ nhì trang 35-66, xấp thứ ba trang 67-98, xấp thứ tư trang 99-130.

Xong rồi họ đưa bốn xấp ấy vào máy đóng... Đây, mời Bà lại xem cái máy đóng gọi là *agrafeuse*... Đây, Bà xem, họ đóng rất lẹ. Chỉ có việc dứt 4 xấp giấy vào máy, rồi họ ấn cái tay xuống hai đầu, thế là đóng xong tập báo.

— Đóng bằng gì đó, thưa ông ?

— Dạ, đóng với cái *agrafe* bằng đồng.

Bà Tú nói với cô thợ cho Bà đóng thử một tập. Bà dứt bốn xấp giấy vào máy, bà ấn tay xuống, nhưng cái sợi đồng bị quẹt mất, không thủng vào giấy. Ai nấy đều cười rồ lên. Thế mới biết là một việc rất dễ như thế mà Bà không quen tay, cũng làm hỏng. Bà-Tú mắc cở, đóng lại lần nữa thì được. Bà mừng quá. Bà cười có duyên tẻ, và hai gò má của Bà ửng hồng lên, dễ thương làm sao.

Xấp báo đóng xong, bây giờ có mấy cô thiếu-nữ khác dán bìa. Việc này tuy cũng chẳng khó-khăn gì, nhưng cũng phải làm cho mau chóng. Phải bôi hồ trên giấy quyền báo cho đều từ trên xuống dưới, lấp cả chỗ sợi đồng đóng bìa, rồi đặt bìa vô cho sát sao. Xong, lấy hai ngón tay vuốt giấy bìa cho nó thật dính hồ. Quyền báo đã thành hình, bây giờ chỉ còn đưa vào máy xén.

Ông giám đốc đưa Bà Tú qua chỗ máy này. Một cái máy lớn, cao, có một lưỡi dao bự thật là bén.

Bà Tú cười :

— Giống cái máy chém quá xá ! Chắc dứt đầu vào cái bàn thớt này, rồi đập lưỡi dao xuống là dứt cổ ngay chứ gì, ông nhỉ ?

Ông Giám-đốc chỉ cười tùm tùm :

— Nhưng ông thợ xén rất là hiền lành.

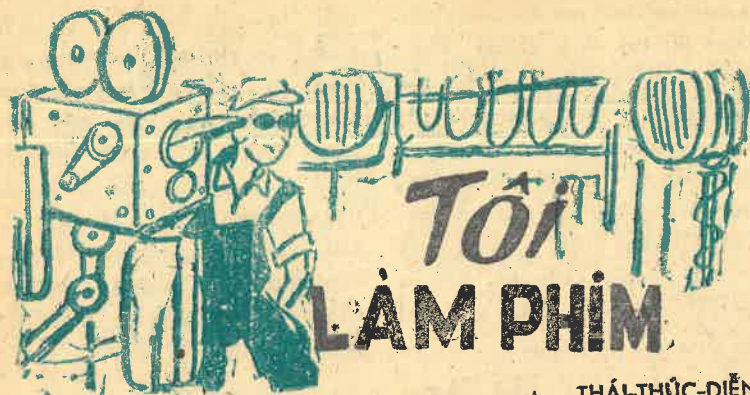
Ông giám đốc gọi ông thợ đến, bảo lấy một đồng sách vừa dán bìa xong, để vào xén cho Bà Tú xem. Một chồng sách đến ba chục quyển, dày mo, đặt vào bàn thớt, kê dưới lưỡi dao, và đặt cho vừa đúng sát mức. Rồi

ông lấy tay ấn nhẹ vào một nút điện, tự-nhiên lưỡi dao từ từ hạ xuống cắt rít một dọc trong nháy mắt là xong. Đây là máy xén điện. Còn có các thứ dao xén bằng tay, người thợ quay một cái bánh quay tròn cho lưỡi dao trượt xuống. Mỗi lần có thể xén được vài trăm tập. Nét dao xén đều đặn, không sức rách chỗ nào. Xén đủ cả phía, thế là hoàn-thành tập báo.

Bà Tú xem đã, Bà rất thỏa-mãn. Vừa có điện thoại reo trên bàn giấy, ông Giám-Đốc lật đặt xin lỗi bà Tú. Bà cũng nói mấy lời cảm ơn ông, và xin lỗi đã làm mất thì giờ của ông. Đồng hồ đeo tay của Bà chỉ 11 giờ 35 phút. Ra đường, Bà nhớ lại một lần Bà quen gọi ông Giám-Đốc bằng «Mình ơi !» bà mắc cở quá, đôi má nóng phùng lên, đôi lông mi chớp lia chớp lia...

Bà nhứt định trưa nay về nhà Bà phải véo ông Tú cho thiệt đau chơi, vì ông Tú của Bà không phải là ông Giám-đốc, mà Bà cứ nhớ lộn rằng ông Giám-đốc của bà là ông Tú... !

DIỆU-HUYỀN



★ **THÁI-THỨC-ĐIỆN**

PHÒNG TỐI — MÁY RỬA PHIM—THUỐC SỬA PHIM
(Tiếp theo P. T. số 14)

Bạn bước vào phòng tối với tôi. Bạn thấy mát hơn bên ngoài? Đúng, vì đây nhiệt độ phải giữ trung bình từ 18 đến 20 độ, nếu không phim rửa sẽ xấu. Kìa bác thợ rửa phim đang lom khom xách từ chai thuốc đổ vào thùng mỗi chai chứa độ 50, 60 lít (bonbonne).

Nếu chụp đẹp, tài-tử đóng hay, đạo-diễn điều-khiển khéo, mà ông thợ phòng tối lỡ tay một cái là hồng bet, phim hoặc sẽ trắng nhách hay đen kịt. Công-việc rửa phim cũng tương-tự như rửa hình, không khác mấy. Rửa hình chỉ phải rửa mỗi cuộn độ 70 phân tây, rửa phim bạn phải rửa một lúc từ 30 thước đến 300 thước. Điều kiện kỹ-thuật gát gao hơn: nhiệt-độ, được-độ, tốc-

độ của máy rửa.

Trước đây, có hãng dùng thùng bằng gỗ để chứa thuốc, mỗi thùng dài 1t ngang 3 tác bọc kẽm (inox) phim cuốn vào những chiếc khung bằng gỗ hình chữ nhật, dùng cho lắp mí nhau, cuốn xong đem nhúng vào thùng thuốc đúng giờ phút kéo ra, đem xả nước, rồi nhúng vào thùng nước khác v.v...

Cách đó có thể làm chột phim, jảm khi không đều vì tay đưa lên đưa xuống lắc qua lắc lại đầu có bằng máy được. Vả lại độ thuốc xuống lần. Vẫn biết « sấp » sau nhúng lâu hơn sấp trước, sấp thứ ba lại nhúng lâu hơn nữa. Nhưng kết quả không chắc-chắn, khi in ra, phim đem chiếu cũng phản-ảnh cách làm ăn cầu-thủ ấy.

Muốn hong phim cho khô, họ cuốn phim vào một cái « xoa » jơn (tambour) bằng gỗ mặt thuốc ra phía ngoài. Cái xoa dài chừng 5 thước, đường kính độ 4 thước, có thể chứa 300 thước phim. Nhưng hong bằng cách ấy đã lâu mà không sao tránh khỏi bụi bám bám chắc vào mặt thuốc đang ước khiến khi in ra, phim lờ-đờ như mưa rơi, hay vệt dài!

Về sau có hãng mua được máy rửa phim 35 ly về, 1 giờ rửa được 300 thước. Thật là tiện lợi. Máy rửa phim đen trắng là một chiếc thùng lớn độ 4th bề dài 0,70 bề ngang, chứa đựng những thùng bằng sắt không rét. Máy rửa phim đen trắng có thể rửa cả phim 16 ly) gồm có 1 thùng đựng thuốc « hiện-hình » 1 thùng nước xả, 1 thùng thuốc « giữ-hình » 1 thùng nước xả, 1 buồng sấy phim. Máy rửa phim màu gồm chừng 11 thùng (sẽ nói kỹ khi bàn đến phim màu).

Phim chụp xong (phim ngược: négatif) đem mắc vào ở đầu thùng, kẹp vào giữa hai miếng nhôm mỏng chạy quanh một chiếc trục. Phim lại được nối vào với phim mồi (amorce). Phim mồi là một thứ phim đặc-biệt không lộ ở rìa, dày, dẻo bằng chất ny-lông bền không co dãn, dùng để kéo phim qua các bộ-phận của chiếc máy rửa, (như sợi chỉ để rút giải áo vậy). Bề rộng của phim mồi hoặc là 35 ly hoặc là 16 ly, tùy thứ phim đem rửa.

Trong các thùng có hai hàng róc-rách bằng nhựa (vinylite). Róc-rách dùng để đỡ phim, là những chiếc lõi đặt chừng 6 phân kính, đặc biệt là bụng lõi được khoét lõm xuống để phim khỏi cọ-xát vào. Chiếc thùng cao độ 1 thước rưỡi, róc rách trên cách hàng róc-rách dưới chừng 1t2, các róc-rách đều xâu vào một trục chung, trục này ăn thông ra phía ngoài thùng bắt chặt vào một bánh răng cưa. Chiếc bánh răng cưa này do một sợi sên kéo đều cả mấy chiếc bánh cùng một lúc, theo tốc độ của mô-tơ. Sợi sên mắc vào một bánh răng cưa khác do một chiếc mô-tô kéo. Nhưng đặc-điểm của kỹ - thuật như sau: các róc-rách trên và dưới không song hàng nghĩa là chéch nhau một tí để cho phim có thể chạy từ róc-rách dưới qua một chiếc róc - rách trên mà không tréo hoặc mép cọ xát nhau. Các bánh răng-cưa đều độ kỹ-lưỡng theo toán vi-phân, để cho tốc-độ đồng đều và thời-gian đầy đủ cho thuốc rửa ngấm vào phim, đúng theo công-thức, tỉ-dụ:

Thời gian phim đi qua thùng thuốc « hiện-hình » là mấy phút, thì đoạn phim phải qua đúng chừng ấy phút, nhưng đồng thời cũng phải qua nước xả, ngâm chừng mấy phút, và luôn cả khi qua thùng thuốc « giữ hình », sau đến thùng nước xả cuối cùng để đi vào buồng sấy. Vào buồng sấy phim phải đi với một tốc độ nào cho vừa

khô, mà không bị hơi nóng làm chảy mất thuốc và khi ra khỏi thùng rửa, có thể cuộn cất vào hộp mà không bị ẩm. Thật là một bài toán rắc-rối, tỉ-mỉ và mấy chiếc bánh răng cưa, được độ rằng thật đúng, tỷ lệ theo thời khắc bất buộc.

Đặc biệt nữa là hàng róc rách dưới có thể xô dịch xuống hay lên. Nếu lỡ có sự vấp vấp, phim bị chùng hay bị dẫn cứng, thì người thợ nhích hàng róc-rách dưới lên hay xuống, mục đích căng lại phim hay nói phim cho khỏi bị đứt. Người thợ phải làm từng cử chỉ ấy trong bóng tối hoàn toàn (nếu là phim ngược) và sung sướng hơn dưới ánh đèn da cam nếu là phim sống (film positif).

Phim đi qua thùng « hiện hình », từ màu vàng trở màu xám, rồi đen, bằng đến thùng nước xà; nơi đây nước được thay đổi luôn luôn, chảy từ dưới lên, tràn vào một lỗ ở cạnh mép trên rồi thoát ra ngoài, nước được điều khiển do một chiếc rô-bi-nê đặt ở ngoài thùng. Phim lại qua thùng thuốc giữ hình, rồi đến thùng nước xà. Nước ở đây được đảo lộn bởi những tia nước xịt đúng ngay vào mặt phim, đặc biệt là mấy chiếc lỗ được độ cho nước chảy ra không mạnh quá mà cũng không yếu quá để tắm đều phim tẩy sạch các vết thuốc dính đọng trên phim. Phim lại qua một luồng gió thổi

bạt các giọt nước còn bám víu vào phim trước khi chui vào buồng sấy. Buồng sấy do một cây đèn than tỏa một nhiệt độ chừng 25 đến 30° không nóng mà cũng chẳng nguội quá, vì nóng thì phim sẽ chảy, nguội quá phim không khô. Thời gian phim đi qua buồng sấy được tính kỹ, cố nhiên là phim do các róc-rách đỡ và đưa đi. Cuốn phim khi ra khỏi máy là đủ sức khô-khén, cuộn thành bánh, cất vào hộp đầy nắp kỹ lưỡng, ghi số, đánh dấu, ghi rõ tốc độ, nhiệt độ rửa và chú thích khác.

Rửa phim ngược thì hoàn toàn tối. Phim sống có thể dùng đèn da-cam nhưng tốt hơn nên dùng từng chập một và thoáng qua thôi. Nếu không phim sẽ bị voilé. Trước khi bình phim sắp hết, phải nối đuôi phim vào một bánh phim mới. Nếu quên, phải xâu phim mới lại mất công toi.

Tốc độ của chiếc máy do một chiếc đĩa có khắc chữ 0, 1, 2, 3, 4 đặt gần mô-tơ chỉ định. Tùy theo thứ phim; người thợ cho máy chạy theo tốc độ cần thiết. Số 1 là chậm như số 4 là mau như.

Trên thùng thuốc « hiện hình » thường có một thùng thuốc nguyên chất nhỏ từng giọt một để mỗi thêm được độ. Mỗi giọt đều được cân độ từ trước, chừng mấy giây lại giọt một giọt, tỷ lệ theo tốc độ của chiếc máy.

Trong phòng tối thường dùng nai thử đèn, xanh lục hay đỏ, da cam tùy khi « làm » phim panchro hay ortho. Là vì theo như các bạn biết, thứ phim trên (panchro) bắt tất cả các màu, tuy nhiên màu ve chai ít ảnh hưởng tới phim này, còn phim ortho thì bắt màu xanh tím, ve chai, và vàng, nhưng màu đỏ ít ảnh hưởng. Riêng về phim sống có thể để đèn đỏ lơ mờ mà rửa. Còn phim ngược thì nên rửa trong tối mịt.

Phòng tối đã lạnh mùi thuốc nồng nặc, tối hù, nhưng tuyệt nhiên không có muỗi. Tỷ-lệ âm-thấp tối đa là 40o/o. Cho nên các bạn thử tưởng tượng trong tiếng máy chạy o-o, người thợ rửa mô-mâm trông chừng phim kẹt, phim hết đề nối hay tiếp phim mới, xem nhiệt độ của đèn sấy, coi chừng máy ngừng bắt từ vì đứt cầu chì v.v... tóm lại là phải chú ý thường trực làm cho não cân họ bị căng thẳng. Họ thoát ra khỏi phòng tối, với nét mặt phờ phạc, vội rit một liều thuốc lão hay tu xiu-xiu « để » trông họ khoái chí từ. Nhưng khi họ rửa được một cuốn phim trong veo hình ảnh đều đặn, rõ rệt, nhất là không « gờ-ri » họ còn hãnh diện nhiều hơn nữa. Nhưng chưa sung sướng bằng khi họ « CỬU » một cuốn phim. « CỬU » phim có nghĩa là « cứu » tiền. Biết bao nhiêu công trình khi chụp được 300 thước phim.

Nói đến chuyện « cứu », tôi

nhớ lại một ông chủ hãng rửa rửa một cuốn phim. Anh thợ làm test thì thấy phim này bị thiếu ánh sáng đến hai division. Ông chủ nghe nói ngồi rầu như chết: « Ông làm bầm: Phen này chắc mất tôi gần 30.000d.

Anh thợ mỉm cười: « Không sao. Tôi « cứu » cho! »

Ông chủ ti hí mắt ngi ngờ: « Cứu được hả? »

Anh thợ không nói chỉ cười.

Ông chủ tiếp: « Nếu anh « cứu » được tôi thưởng cho anh một ghim! »

Anh thợ ăm ừ rồi nói: « Tôi chỉ làm cho anh coi thôi! Tiền nong thưởng thiếc gì! »

Ba giờ sau anh đem hình phim ra, phim trong vắt, ông chủ trịnh trọng cầm soi phim lên trời, tóm tắt khen ngợi.

Anh thợ chờ... Ngoài cửa anh long-teng cầm một gói vuông đi vào bí mật đưa cho ông chủ. Đó các bạn đoán biết là gói gì?

100 phần 100 là một bó bạc vừa lấy ở nhà băng ra, không, sao nó lại vuông vức trông xinh tề!

Ông chủ trao lại cho anh thợ rửa. Anh thợ trở mặt, ngạc nhiên:

— Dạ, thưa ông... Có gì mà ông đưa nhiều vậy!

— Cầm đi mà, cứ cầm đi, chỗ anh em. Nói xong ông chủ rào bước lên phòng giấy.

Anh thợ từ mờ, mờ lần lần cái gói... cái gói...

— À ra là thuốc lão! ông chủ cho đúng một bánh thuốc lão!

Nhắc đến chữ thuốc sực nhớ đến thuốc rửa...

Thuốc rửa phim quanh đi quẩn lại chỉ có mấy toa căn cứ trên các hóa chất như sulfite de Na, Hydroquinone, Métol v.v... tương tự các toa thuốc rửa hình, thường bất cứ sách dạy làm hình đều có ghi rõ. Nhưng các thuốc « cứu » phim, thợ rửa dấu rất bí mật. Thường các người này đều có học qua hóa-học (bằng kỹ-sư không cần lắm, nhưng có càng quý) ít khi kỹ sư hóa học đi làm thợ rửa phim nhất là bên nước ta.)

Các món thuốc « cứu » phim thông thường như muốn làm cho phim dợt ra vì tối quá thì dùng :

Permanganate de K 2grs tục gọi là thuốc tím

Nước 1 lít

Hay là dùng hai thứ thuốc này : A Hypo 100grs tục gọi thuốc trắng.

Nước 1 lít

B Ferrycianure de K 10grs

Nước 1 lít

(tục gọi là thuốc vàng)

Đem trộn hai thứ A và B (chỉ

trộn lúc nào cần dùng mà thôi).

Phim đem nhúng nước lạnh, nhúng vào thuốc. Phim sẽ ngã màu nâu, màu ấy sẽ biến mất khi rửa bằng : Bisulfite de Na

25cc

Nước 1 lít

Xong đem xả nước rồi hong khô.

Nếu hình ảnh quá mờ, thì dùng toa sau này để làm cho phim đậm ra

Bichro ate de K 2grs

Acide chlorhydrique 2cc

Nước 1 lít

Đem phim ngâm vào độ 4 hoặc 5 phút, lấy ra, phim sẽ ngã màu vàng. Xả nước, đem rửa lại thuốc « hiện-hình » thì lại đen trắng như cũ.

Tuy nhiên làm dợt phim có kết quả hơn là làm phim đậm lên. Nếu phim quá dợt tốt hơn là nên chụp lại. Còn những môn thuốc bí hiểm để cứu phim mọc rễ cây, phim mốc, phim bánh trắng v.v... là những ngọn cỏ mả thương, ít khi bác thợ rửa đề lộ tẩy...

/ (Còn nữa)

* DANH NGÔN

Tự do không phải là phóng túng. Và trật tự không có nghĩa là thiếu tự do.

A DE SAINT EXUPERY
(Văn-sĩ Pháp)

TRUYỆN-NGẮN



★ NGUYỄN-VỸ

MỘT buổi sáng tinh-sương tháng Tám năm Tân sửu (1601 dương lịch) mặt trời vừa mọc ở phương Đông, đỏ bầm như một vết thương lở lóe, thì người ta cũng vừa nghe những tiếng kêu, tiếng khóc vang rền trong dinh quan Đề-Đốc Nam-Định. Liên đó, trống dồn nổi dậy từng hồi một: đó là tiếng trống báo nguy

bất thường, tiếp theo là những tiếng chuông âm u thê-thảm, và tiếng tù-và bi đát não-nùng.

Dân chúng châu thành Nam-Định sợ hãi ra đường, hỏi nhau : có tin gì ? Thiên-hạ tùm năm tùm ba ở trước các thềm nhà, ở dưới các lùm tre, trên các mũi thuyền, dọc theo hai bên bờ sông Vĩ. Lăn lăn tiếng đồn đãi truyền miệng từ người này đến người khác, cả châu-thành đều rúng rời thương xót.

Chao ôi ! Mỹ quận-công Bùi văn-Khuê bị ám sát trong ban đêm ! Ai nghe tin đau đớn ấy mà không bùi ngùi ứa lệ !

Có thể như thế được ư ? Đức Mỹ Quận-Công là một vị quan lớn rất thanh-liêm, một người đạo đức, hiền-từ hiếm có. Trong dân gian, nam phụ, lão ấu, ai ai cũng thương kính, tôn sùng như một bậc « Phụ Mẫu » hoàn toàn.

Ngài là một vị cứu dân độ thế, tiếng tăm lừng lẫy ở một vùng Nam-Định, lại là một vị trung-thần có công lớn với nhà Lê. Quân lính đối với ngài đều

hết dạ trung thành, đi theo Ngài đánh giặc Mạc, đều hăng hái quyết chiến thắng trận khắp nơi.

Như vậy làm sao có kẻ lại nỡ tâm sát hại Mỹ-Quận-Công ? Và thủ phạm là ai ? Dân-chúng và quân-dội đều căm hờn, quyết tìm ra manh mối để trả thù cho quan Đề-Đốc kính yêu của họ. Chúa Trịnh ở Thăng-Long liền sai một vị quan ở bộ Hình, xuống Nam-Định để mở cuộc điều tra. Vị quan này bắt giam một viên cai quản, tên là Cai Ba, rồi kêu án tử hình. Cái đầu anh này bị chém trên một bãi đất rồi bị cắm trên một cây sào tre dựng bên giữa chợ trong ba ngày liên-tiếp.

Nhưng, đó là cái đầu của kẻ vô tội và chết oan ! Vụ ám-sát Bùi-văn-Khuê vẫn còn là một bí-mật nặng-nề, đầy uất-khí.

Họa chẳng, chỉ có vợ của Bùi-văn-Khuê, Quận-công phu-nhân, là có thể biết được những bí-ẩn trong vụ này. Chỉ có nàng có thể biết được vì sao Mỹ-quận-Công bị giết, và ai là thủ-phạm. Nhưng tuyệt - nhiên nàng không hé môi hở ra một lời. Từ hôm Quận-Công chết, phu-nhân than khóc ngày đêm, chớ không nói

với ai một câu nào.

Thái-dộ và cử chỉ của bà vợ trẻ-đẹp này lần-lần khiến cho dư-luận bàn-tán xôn-xao. Trong dân-gian đã có nhiều tiếng đồn xấu-xa, nhiều câu nguyên-rủa mạt-sát. Những chị đàn bà nhai trầu nhồm nhêm, trẻ môi nhún miệng, xăm-xì với nhau :

— Cái bà Quận ấy thế mà khốn nạn nhỉ !

— Đề tang chồng mới được ba tháng mà đã... !

Bà cụ Cả 78 tuổi ở cửa An-Đại đi đâu cũng chỉ nói một câu :

— Cái ngữ voi dầy ngựa xé ấy mà !

Các cậu thư-sinh quả-quyết :

— Trời chả bao giờ dung tha hạng đàn-bà yêu-tình ấy đâu !

Đại-khái, dư-luận đối với bà Quận rất là nghiêm - khắc như thế. Người ta cho rằng chính bà đã giết ông Quận-Công, để tư-tình với người khác. Điều đó nghe thật là ghê-tởm, nhưng sao người ta dám quả - quyết như vậy ? Tiếng thị phi của thiên-hạ, lấy gì làm bằng ? Cũng có nhiều người nghĩ thế, để bào-chữa cho Quận - Công Phu - nhân, nhưng cũng có nhiều cử-chỉ, hành-dộng lạ-lùng của nàng khiến cho mọi người đều phải nghi-ky, không

phải là không có cớ. Điều thứ nhất, nàng Nguyễn thị đã rủi mang trong số kiếp của nàng một tội nặng - nề : là nàng có một nhan-sắc quyến-rũ lạ-lùng. Nét đẹp yêu-khiêu của khuôn mặt trái-xoan và đôi mắt huyền-mơ của thiếu-phụ đã gây ra biết bao nhiêu sóng gió trong triều họ Mạc ở Thăng-Long !

Bao nhiêu trái tim của những bậc anh - hùng mã thượng cũng như của những kẻ gian-thần ở thủ đô nhà Lê đã rung động vì nàng.

Chao ơi ! Nàng đẹp làm chi như thế ! Đã bao nhiêu lần, từ hồi nhà Mạc đến đời nhà Trịnh, lần sóng thu-thủy long lanh trong đôi mắt dềm-tuyết của Quận-công phu-nhân đã vô - tình làm say đắm bao nhiêu lòng người, già cũng như trẻ.

Mạc-mậu-Hợp, một vị tướng trẻ tuổi, vua cuối cùng của nhà Mạc, chẳng phải vì ham mê sắc đẹp của Quận - công phu - nhân, muốn hãm-hiếp nàng mà bị chồng nàng là Bùi-văn-Khuê dắt vợ trốn đi đầu hàng với họ Trịnh đó ư ?

Nhưng đó là chuyện cũ, những chuyện băng-quơ mà nàng không muốn nghĩ đến làm gì. Trải qua biết bao tan - thương cho đến ngày nay, Nguyễn thị vẫn một

lòng một dạ giữ khí tiết thanh-cao với chồng.

Tuy vậy, giữa cuộc đời gié bụi, mọi vật bất-thường, thời-gian đi mau như bóng bạch-câu thoáng qua cửa sổ, thì làm sao người ta tin được ái-tình bất-diệt ?

Dư-luận đối với nàng có lẽ cũng không phải là quá đáng, bởi từ sau khi Quận-công chết rồi, nhiều người đề ý thấy bà Quận giao-thiếp ra chiều thân-mật với Phan-Ngạn. Phan-Ngạn là ai ? Là một vị quan lớn, bạn đồng liêu với Quận - công Bùi-văn-Khuê, làm phó Đề-Đốc Nam-Định. Ngay sau khi Bùi-văn-Khuê chết y được lãnh chức Đề-Đốc thay thế cho Quận-công làm chủ tỉnh, và muốn lắm - lo làm chủ cả trái tim của Quận-công phu-nhân...

Phan-Ngạn là một người khá-ố, một vị tham - quan ô - lại, mà dân chúng ai ai cũng ghét. Trong đám sĩ-phu ở vùng sông Vị, có nhiều kẻ nghi rằng bà quả-phụ trẻ đẹp của Quận-Công chắc đã bị Phan-Ngạn cho ăn bùa-mê bả-dột sao đây, nên nàng mới phạm tội thất tiết với chồng...

Nhưng bao nhiêu kẻ thân tín hỏi nàng, nàng đều một mực làm thinh.

Một buổi tối, cha nàng là một cụ đồ nho ngoài bảy mươi tuổi, nét mặt hiền lành, gọi nàng đến trước bàn thờ Mỹ Quận-công. Cụ chỉ một cái mâm thau, trên đó cụ đã đề ba món đồ : một thanh gươm của Quận-công, một chai thuốc độc và một giấy lụa điều. Cụ rung-rưng nước mắt, bảo con gái :

— Hôm nay cha buồn lắm, con à ! Cha không cần phải xét đoán hạnh-kiểm của con vì con đã có chồng rồi. Nhưng, từ ngày Mỹ Quận-công bị kẻ sát nhân ám hại, từ hàng sĩ phu cho đến kẻ lê-dân, ai cũng nguyện rửa oán-thán con. Họ bảo rằng con không giữ trọn tiết nghĩa với chồng. Nay, vì thế-thống của nhà, cha truyền lệnh cho con, có vong-linh của Mỹ Quận-công chứng giám, con phải chọn một trong ba vật kia, mà tự xử lấy đời con.

Nàng khóc nức-nở :

— Thưa cha, con thật là vô tội.

Ông già nghiêm nghị bảo :

— Mái tóc của cha nay đã bạc rồi. Thân cha không còn sống bao nhiêu ngày nữa. Nhưng mắt cha còn thấy, tai còn nghe. Con đã có tội với chồng, sao

còn cãi lời cha mẹ ?

Quận-công phu-nhân sụp xuống lạy cha :

— Thưa cha, họa chẳng chỉ có chồng con ở chốn tuyền-đài mới hiểu rõ được nỗi lòng con ! Lạy cha, con không phải là gái bất-hiểu với cha, bất-nghĩa với chồng. Không sớm thì chầy, cha sẽ thấu rõ nỗi đoạn trường của con. Nhưng thôi, dù con không có tội với chồng, con cũng có tội với cha, vì con đã để cho cha buồn-thảm âu-sầu. Nay con cúi đầu lạy cha, còn ba ngày nữa là đến ngày húy-nhật giáp năm của Quận-công, con xin thề sẽ tự vận trước vong-linh của chồng con ngày hôm ấy.

— Con đừng thề làm chi ! Ngày húy-nhật của chồng con, con nên để cho mùi trầm hương tỉnh khiết. Con là một kẻ dâm-phụ, đâu có xứng đáng chết ngày kỵ-nhật của Quận-công ?

— Lạy cha, cha hãy thương con ! Ba ngày nữa con sẽ chết cũng không muộn.

Cụ già đứng dậy, nghiêm-khắc nhìn con gái :

— Nếu ba ngày nữa con không tự kết-liều cuộc đời ô-nhục của con, thì tay già này sẽ kết liều cho con.

Cùng một đêm mà đứng trước đây một năm, Mỹ Quận - Công Bùi-văn-Khuê bị ám-sát, đêm nay tức là đêm giỗ giáp năm của Chàng. Một chiếc thuyền trôi lơ-lửng trên dòng sông Vị. Bốn bề gió lạnh, sương-sa mù-mịt. Trong khoang thuyền che kín, một mảnh sao buông rủ hai bên mũi, hai người ngồi uống rượu dưới bóng đèn mờ. Phan-Ngan vừa cạn ly, là-lời cười với Quận-công phu-nhân :

— Nhan-sắc của quý nương, Tây Thi không sánh kịp !

Nàng chép miệng, thờ dài :

— Than ôi !

Phan-Ngan vờ say, để tay trên vai nàng :

— Sao quý-nương thờ ra giọng oán giọng sầu như thế ? Đòi ta đang vui say, sao mà ử dột như thế kia ? Quý-nương đã có lời hứa với ta đêm nay loan-phụng vầy duyên, sắc-cảm hòa hợp sao dung-nhan còn ử - rũ như mưa thấm gió sầu ?

Phan-Ngan lại cười nghiêng-ngả :

— Quý-nương đã thề với ta : đêm nay là đêm giao - hoan của giai-nhân tài-tử, quý-nương quên rồi sao ? Hà ! Hà ! Hà !...

Nàng vẫn thờ ra :

— Thiếp chỉ tiếc một điều là từ trước tới nay thiếp chưa bao giờ mãn-nguyên. Được như hôm nay ngồi hầu rượu Đại-nhân, thiếp thấy lòng vui sướng bao nhiêu, lại buồn bấy nhiêu !

— Sao lại buồn ? (hứa vui mà đã buồn à ?)

— Buồn vì ngày xưa thiếp chỉ nếm mùi cam khổ !

— À ! Vậy chớ trước kia Mỹ-quận-Công không chiều chuộng quý-nương ư ?

Nàng lắc đầu tỏ vẻ chán-nản :

— Ô, nhắc làm chi chuyện cũ ? Mời Đại-nhân cạn ly này nữa đi.

— Ta đã say... say lắm... say lắm... nhưng nê lời quý-nương ta cũng xin cạn thêm một ly nữa... một ly rượu quỳnh tương này nữa..! Thú vị làm sao ! Được ngồi uống rượu bên cạnh Mỹ-nhân, lòng ta như bay bổng lên chín tầng mây... như Đường-Minh - Hoàng... uống rượu với Dương - Quý - Phi vậy mà !... Ha... Ha... Ha...!

Nàng rót thêm rượu vào ly :

— Đêm nay thật là hân-hạnh cho thiếp vô cùng. Mời Đại-nhân cạn ly !

Phan-Ngan cầm ly nốc hết và

miệng, rồi cười sặc sụa :

— Xin hỏi quý nương vậy chớ ngày xưa Mỹ-quận-Công không ngồi thuyền uống rượu với quý-nương sao ?

— Không. Thiếp vẫn sống quanh-quê trong khuê-phòng, một mình một bóng...

— Hà...! Hà...! Mỹ-quận-Công chết, quý nương có thương-tiếc lắm không ?

— Thương tiếc nỗi gì ? Vả chăng, nếu thiếp biết được vì ân-nhân đã hạ-thủ Mỹ-quận-Công, thì thiếp còn tạ ơn nữa chứ.

— À thì ra Quận-công chết đã một năm rồi mà Quý nhân vẫn không biết ai là người đã... đã... Hà! hà!... đã giết hân à...?

— Đại nhân cũng thừa biết người ấy là ai rồi, hà tất phải hỏi làm chi ! Thật là tội nghiệp cho Cai Ba. Chàng hầu-cận Mỹ-quận-công nên thấy thiếp đẹp đem lòng mơ tưởng hão huyền ! Vì vậy mà chàng bị quan Bổ-chánh của triều đình kết tội xử tử, bêu đầu giữa chợ ba ngày ! Thương thay ! Nhưng có phải thật là Cai-Ba không nhỉ ? Dù sao, thiếp cũng biết ơn người ấy !

Nguyễn-Thị liền đứng dậy thấp một bó hương, quây mặt ra mũi thuyền, khấn vái hương hồn Cai-Ba, về mặt ra chiếu thương nhớ lắm. Nhưng Phan-

Ngân ngồi trên chiếu hoa lại cười sặc sụa :

— Khéo dư công mà khóc lạy hồn ma không đầu. Ha !.. Ha...

Nguyễn-Thị quay lại nhìn Phan-Ngân : hân đang uống thêm một ly rượu, rồi đặt ly xuống chiếu vỗ ngực cười :

— Vị anh hùng đã giết Bùi-văn-Khuê để được sánh duyên cùng Mỹ-nhân đêm nay chính là ta đây ! Chính là ta đây ! Ha !.. H !..

Hân đưa tay ra toan kéo Quận-công phu nhân xuống chiếu để ôm lấy nàng, thì nhanh như chớp nàng đã rút lưới grom đầu trên mái thuyền, nháy kẻ lại Phan-Ngân, chỉ vào mặt hân :

— Đồ khốn nạn ! Đồ sát nhân ! Lâu nay ta vẫn ngỡ là mi, nay ta mới biết đúng sự thật mi là thủ phạm !

Nàng chém lưới grom qua cổ Phan-Ngân, chặt đứt đầu trong nháy mắt.

Trên bàn thờ Mỹ-quận-Công những đóm hương còn đang cháy, thành những chấm máu đỏ trong đêm khuya đen tối tịch mịch, của gian nhà. Bên cạnh bàn thờ, ông Cụ Đồ, thân sinh của Nguyễn-Thị, đang nằm ngủ

trên chiếc ghế dài. Nghe tiếng cửa từ ngoài xô vào, cụ ngồi nhòm dậy, lấy hai cục đá đánh ra mỗi lửa đề thấp đề. Nhưng Cụ rung mình, tưởng một giấc chiêm bao kinh-hoàng.

Dưới ánh đèn leo-lét, cụ trông thấy Quận - công phu - nhân vừa bước vào, tay xách một chùm tóc đeo lưng - lẳng chiếc đầu người dầm máu. Cụ thất kinh, hét lên một tiếng. Nàng điềm nhiên tĩnh-táo, để cái đầu kẻ thù trên mâm gỗ, đặt trước bàn thờ chồng, đốt trầm hương, rồi mặc đồ đại tang, quỳ xuống khóc.

— Hỡi vong - linh Mỹ - quận công của em ơi ! Xin chàng về chứng giám cho em ! Đêm nay em đã trả thù cho chàng. Đây là cái đầu của kẻ ác-nhân đã hại chàng, để cho một năm trời nay thiếp với chàng âm, dương đôi ngã ! Ôi chàng ơi ! Chàng ở dưới Cửu-Tuyền cô-đơn lạnh-lẽo bao nhiêu, em ở trên trần-thế cũng ngậm-ngùi đau đớn bấy nhiêu ! Vì quyết trả thù chàng, nên em đã ngậm đắng nuốt cay suốt một năm trời, mặc tiếng dòi thị-phỉ, mặc lời mai mỉa ! Em đã liều mình lăn lóc trong gió bụi để tìm đích kẻ thủ-phạm. Em đã chịu trăm bề nhàn-nhục để dò-xét đũa bạo-tàn ! Họa chăng em biết chắc chỉ có chàng ở nơi chín-suối là hiểu rõ nỗi lòng em ! Đêm nay đúng giờ húy nhật chu miên của chàng,

em đem cái đầu của kẻ thù về đây dâng lên cho chàng, thì lòng em mới thanh-thời vui-sướng. Nay em xin chàng chờ em nơi Cực Lạc ! Nay đây, một giải lụa đào... để thắt chặt số kiếp của đôi ta... Chàng hãy đợi em đi... đợi em... đợi em... về với... Chàng !..

Hai bàn tay ngà-ngọc của Phu-nhân thắt riết giải lụa đào quấn tẻo nơi cổ. Nàng thắt mạnh, đôi mắt nàng đã trợn trắng, nước miếng đã trào ra hai bên mép, môi nàng lâm bầm « Lạy cha ! Con xin... vĩnh biệt » Tiếng nàng yếu dần... yếu dần rồi tắt hẳn. Nàng ngã chết trước bàn thờ chồng, trầm-hương nghi-ngút...!



BÀI THƠ

Hòa Bình

TÙ-TRÂM-LỆ

TA lạc bước một chiều trên chiến địa,
Vắng hoang tàn, không khí rợn tha ma,
Trên tầng không, một vùng trắng mai mĩa.
Hay ngại ngừng? — ánh lộng quá phơi pha.

Dưới lớp cỏ, cỏn trùng van, rên rĩ;
Thấy người nằm la liệt, lộng lờ im,
(Họ nằm ngủ giấc buồn luôn vạn kỷ)
Lạnh trời cao lạnh cả gió trang nghiêm.

Đêm thanh ngắt, giữ lời không dám nói,
— Sợ thấy người nghe thấy chạnh sâu bi?
Nàng Trăng cúi âm thầm đi lên lối.
Trên vùng không nặng chờ sắc mây chì.

Trời vụt thoát lối sầm, mệnh mỏng giá,
Đêm đen dày run rẩy rét căm căm,
Ta ngỡ ngạc, lắng tai nghe các ngã,
Chỉ vì vu gió cắt thịt tê bầm.

Ta một bóng in trong trời hoang chết,
Thấy mình ta còn đứng giữa trần gian,
Quanh dưới chân, những xác ma ngờ nghêch.
Hiện những gò đen tối kéo lang thang.

Ta ngồi xuống bên thầy buồn ngũ kỹ,
Vỗ vào thầy, cất một khúc bi ca.
Âm vàng bỗng, vương theo mùi tử khí,
Đứng trời cao, vỗ một mảnh sao sa,

Xác nằm chết không buồn lay cử động,
Hỏi từng thầy, thầy chẳng đáp lời chi.
Ta lại vỗ về thầy, sờ chột đưng
Tay buốt tê trong vũng máu đen sì.

Ta bàng hoàng, vết máu lên soi ngấm,
Trời bỗng nghiêng hơi giá lan mù mù.
Sương bối rối dồn lên bay xây xảm,
Giữa tầng không, gió ghen thời vi vu.

Ta lóng đọi tiếng gà không thấy gáy,
Hay đất trời mê sảng lặng tiêu rồi?
Khối địa-cầu chỉ sót đây còn lại
Một mình ta nhìn với những thầy hồi.

Ta buồn rầu, đứng lên, đi lão đảo,
Vấp vào thầy, loạng choạng... lững lờ đi,
Tả hướng bước, xưa trên từng vũng máu,
Tìm một trời, đem đốt hết tử thi.

Nàng QUỲ CHÚA

Ở TRƯỜNG
BÀI-ỚT

(Trên đường Hà
Tiên - Rạch Giá

★ HUYỀN - GIANG

CHÚNG tôi rất hoan nghinh
Tập-chi Phổ - Thông đã có
sáng-kiến ra bộ « Giang-Sơn Việt-
Nam » cốt đề cho đồng - bào dù
sống ở một nơi nào thiếu
phương-tiện du-lịch chẳng nữa
cũng có thể hiểu rõ ràng những
thắng cảnh, phong - tục, lịch
sử và kinh-tế của từng miền
trong toàn quốc.

Đề hưởng ứng lời kêu gọi

nhật thành của ông Giám-đốc
Phổ-Thông, chúng tôi cố công
tìm tòi những chi-tiết kỳ bí của
thắng cảnh Hà - Tiên và kể vài
câu chuyện ly kỳ ở miền núi
non hiểm-hóc. Với chủ tâm là
nói lên những câu chuyện CÓ
THẬT KHÔNG THỂ CHỐI CẢI
ĐƯỢC.

Chắc có lẽ một số độc-giả
tuyên đoán là chúng tôi sẽ nói
những câu chuyện hoang-đường
cổ-lò thời Mạc-Cửu chứ gì? Không
đâu, chúng tôi sẽ kể cho các bạn
nghe những câu chuyện trong
một sớm một tối mà bắt buộc
những con người hiểu khoa-học
như chúng tôi phải luôn luôn
chú ý.

Các bạn cũng đã nhận rằng
chúng ta đang cùng sống trong
một thể hệ, một thể hệ Khoa-học
gần như ngự trị hỏa địa cầu nào:
Nguyên tử, khinh khí, hỏa tiễn,
vệ tinh v.v... Nói một cách khác,
khoa học hiện tại đã cũ biến
nhiều bí ẩn của vũ-trụ. Chúng
ta có thể tin rằng một ngày kia

Khoa-học trưởng thành rồi,
Khoa-học văn minh đến cao
độ chừng ấy sẽ chinh phục hoàn
toàn trái đất thì con người của
chúng ta hoặc lớp người mai
hậu sẽ không còn động trong
tur-trưởng hình bóng thần bí nữa.
Nhưng đi song song với điều cầu
uớc đó, chúng tôi đã nghe hoặc
thấy đích xác những quỷ dị
biến đổi hình thù kỳ dị làm cho
chúng tôi luôn luôn sợ sệt và
khó nghĩ. Tôi bảo thăm: « Có lẽ
những hành động đó là chúng
muốn duy trì oai phong với
nhóm người mê tin và chặn
đứng những người khoa-học hóa
chúng tôi».

Thật là những điều nan giải,
chúng tôi lại là kẻ đứng trước
hai nẻo đường: Khoa-học và
huyền-bí.

Để chứng minh những ý tưởng
bấp bênh của chúng tôi qua bao
nhiều ngày suy-nghĩ xin các bạn
hãy theo dõi chúng tôi quan sát
địa hình, địa-vật và tìm nguyên
nhân vì sao lại dễ ra vụ ma
quái này.

Nếu các bạn là những du
khách của thắng cảnh Hà-Tiên
thì các bạn cũng đã biết cái
trường cao nhứt trên con đường
lên-tỉnh Rạch-Giá — Hà-Tiên
(cách Hà-Tiên 10 kms), Đó là
trường ông Hậu vì đất này trước
kia của người mang tên Hậu,
nay người ta cũng gọi là trường
Bãi Ớt, nó nằm giữa hai ngọn
núi. Nếu ở hướng Rạch-Giá lên
Hà Tiên thì phía bên trái là núi

Nhỏ, bên phải là núi Gò Mới
trước có tên Miên là Cok-pa-Ray.
Muốn để nhận khi nào xe các
bạn qua một cái « Cua » gặt rồi
bỏ từ từ lên dốc, các bạn nhìn
sát bờ lẽ bên tay trái có một
cây đa không lớn lắm, đối diện
với nó bên tay phải có một cái
miếu lợp bằng ngói thờ ông Bồn,
cách miếu ông Bồn độ 8 thước
lại có một cái miếu lợp bằng
thiết gọi là miếu bà Quỳ Chúa.
Chính đây là nơi mà các bạn sẽ
lần lược được những thứ
những mẫu chuyện rừng rợn.
Miếu này theo những người cổ
cựu nói lại thì của người Miên
ở vùng này lập ra để thờ cốt
của thần tộc sau khi phóng hỏa.
Mỗi khi trong nhà có người đau
thì họ cầu Tổ lên mách, nếu
bị Quỳ Chúa bắt thì phải cúng
một đầu heo và một đồng tiền,
vì thế mà tiền điều, tiền chi,
tiền đồng trên ấy rất nhiều.

Bây giờ chúng ta mở một câu
hỏi, tại sao có Quỳ Chúa?

Căn cứ theo nhiều giả thuyết,
cái nào cũng đều có lý cả, chúng
tôi không biết chọn điều nào.

Có người bảo Quỳ Chúa là mẹ
của bà Lăng ở cách trường học
độ 70 thước (trường Tiểu học
Đương Hòa) vì sanh đẻ khó khăn
nên bà chết cả mẹ lẫn con, vì thế
mà linh lắm, mỗi khi bắt bớ ai,
thường hay nhập vào xác người
xưng danh, xưng tánh.

Có người cũng lại bảo Quỳ-
Chúa là người con gái từ miền
nào không biết đến ngụ ở Hà-

Tiền, vào thời chinh chiến 47-48, cô làm mật báo viên cho quân đội Pháp ở khu vực tỉnh Hà-Tiên (cũ). Một khi cụ lợi hại đối với quân đội kháng chiến V.M., nên họ tổ chức bắt ráo riết. Bắt được cô và sau khi lấy khẩu cung xong viên chỉ huy bộ đội Quang-Trung tự tay xử cô tại chỗ nói trên.

Hai giả thuyết này tôi cũng không biết dựa vào đâu cho đúng. Chúng tôi chỉ biết rằng Quý Chúa có thật và thường hay phá rối dân làng.

Cứ theo như tục lệ miền này (phần đông là người Miên) hằng năm cứ vào độ tháng 3 và tháng 10 âm, ở các chùa Miên Băi-Và và Băi-Ôt thường hay có lễ « Làm phước », dựng bánh hay dựng bóng v.v.. Dân chúng ở trong làng tụ đến hội hè đông đảo, ngoài ra cũng có các chùa ở miệt xa xôi đến làm phước nữa. Mỗi lần chùa Băi-Và cúng thì Băi-Ôt qua và ngược lại. Sự thù tạc như thế tất họ phải vượt qua trường ông Hậu, hề mỗi lần vượt qua đi từng đoàn đông đảo thì ít khi gặp bằng đi năm bảy người thì thường hay bị thử thách của nhóm người không thề xác ấy. Cứ mỗi lần gặp gỡ thì họ sanh ra bệnh hoạn, trống kèn lại nổi lên inh-ôi « Bập-bà-bon, bập-bà-bon » suốt đêm ở trong nhà để cầu tổ mạch dùm.

Theo như nhiều người ở đây kể lại thì cách đây vài năm cứ vào trời đêm tịch mịch, cổ cây

không một tiếng động van van im lìm bao trùm một vẻ huyền bí ma thiêng vô cùng. Người ta thường nghe tiếng hát buồn bã, tiếng cười man rợ tiếp theo những tiếng hú lạnh lốt vang cả một vùng đồi núi làm cho những người nhẹ vía cũng rùng mình, còn có cái đặc biệt hơn nữa vào những đêm trăng mờ mờ dân làng hội nhau ngoài sân cỏ để rượu chè nhây « lam-pol » cho vui. Thình lình họ nhận thấy một bóng trắng đang vũ theo tiếng trống từ cây này sang cây nọ, con người to lớn nhưng tha thướt trong cánh áo màu trắng đêm. Không một ai không nhận rõ, họ liền im bất tiếng trống và tiến về phía ấy (vì đông nên ít sợ). Trong lúc ấy thì chiếc bóng kia cũng ngừng vũ và đứng im. Đoàn người này mạnh dạn tiến lên, càng gần họ càng thấy rõ mái tóc dài phết xuống chân to sợi như những sợi mây huyền, gương mặt nổi phồng lên như da heo rậm, cặp mắt to lớn đăm đăm hướng về bọn người ấy, môi đầy phồng nhếch lên theo sau tiếng cười the the như ngấm mai mĩa. Đoàn người lúc này bắt đầu thoi thóp, tim đập mạnh, tóc gáy đã xựng lên họ toan bỏ chạy nhưng không biết làm sao, tựa lưng vào phiến đá bên ngọn núi Cok-pa-Rây. Bóng trắng từ từ tiến lại một cách ẻo ỏi theo sau một tốp người chỉ chít không biết rõ bao nhiêu xi-xào, nhay nhót. Càng kinh khủng quá, đoàn

người nắm chặt tay nhau định chạy. Như đoán trước ý định đó Quý Chúa liền cho xẹt những vòng lửa ngũ màu bao quanh đoàn người đó và nổi lên những tiếng cười rồi biến mất.

Một vài người trong bọn chết dần vì sợ phải lay gọi lâu mới tỉnh lại. Sáng lại vài người bị ốm trong vài hôm có người chết. Đến đây chắc các bạn cũng như chúng tôi đều thắc mắc vì sao, nếu quả thật Quý Chúa bắt thì sao không bắt cho hết để bắt theo có một người thôi (theo lời Tô bảo). Đừng về khoa học mà chứng minh thì sự sợ sệt cũng có thể giết được người, nếu không thì cũng sanh ra bệnh hoạn trầm trọng là lẽ dĩ nhiên rồi vì thế mà đưa đến cho chúng ta một mối hoài nghi không ít. Các bạn hãy theo tôi để nghe một dân làng họ kể, chính người này thuật lại với chúng tôi, ông ta là người Tiên buôn bán đồ tạp hóa ở cách ngã tư Dương-Hòa độ 200 thước, con đường đi xuống bãi tắm Băi-Ôt.

— « Vào một ngày cúng Phước ở Băi-Ôt từ 5 giờ chiều, tôi đã đạp chiếc xe máy xuống dưới chơi, khoảng độ 10 giờ hơn tôi trở về một mình. Xe tôi vừa lên trường thì đã nhận được một bóng trắng đang đánh đu ở trên cành đa, tôi cũng không sợ (ông này có tiếng là gan nhất) cứ đạp xe lên, vừa đến thì bỗng nghe một cái ịch, trước đầu xe tôi một cái chân đang giẫy giụa trên

mặt đường... tôi cố đạp chiếc xe như nặng nề và đứng lại, rồi liền tiếp inh-it..it..it một cái chân nữa, một cái mình, một cái đầu và hai cánh tay, trong nháy mắt nó đã ráp lại và đứng trước tôi cười hề hà rồi biến mất, chừng ấy tôi trở lại bình tĩnh một chút cố đạp xe về, lộ tai tôi ào ào không nghe gì nữa. Về đến nhà tôi u..a-u-ơ không nói được gì. Vợ con tôi hoảng hồn cầu bà lên làm phép. Và ít hôm tôi mạnh. Nay mấy ông hỏi tôi xin vui miệng mà kể cho nghe ».

Và sau đây là một câu chuyện ma quái mà chính thật chúng tôi gặp gỡ và chiến đấu.

Vào đêm 18 tháng 2 d.l 1959. Cụ Vinh là thân sinh của ông Đại Diện Hội đồng xã Dương Hòa đương niên, theo thói quen thì hằng bữa đến chiều lối 5, 6 giờ là có mặt ông ở Ngã Tư, ngồi ở tiệm Café hoặc la-cà ở nhà ông Tóc Nam để tán gẫu đến lối 10g hay 11g ông mới về. Nhưng vào đêm nói trên trong khi ông về nhà đến đình trưởng Soa-Kia, thì thấy từ ở khúc quanh một vòng đỏ như chiếc đèn bấm gần hết điện đang tiến về phía ông. Ông sợ xe máy nên lên tiếng :

— Ai đó, xe hả quây ? (vì ông là Tiên).

Không một tiếng trả lời, rồi lại tắt phụt, độ nửa phút sau thình lình một ngọn lửa sáng như ánh đèn « măn-son » nằm trên ngọn cây bên tay phải không thấy

một khắc lại chuyển sang bên tay trái, ngọn lửa lúc này sáng hơn và nhiều tia nhỏ xẹt ra từ tung ánh cả một vùng. Rồi lại tắt. Không bao lâu một vật đen ngòm nằm gọn trước chân ông, ánh lửa tua tủa đổi nhiều màu như chiếc đèn hàn xì, tiếng cười lại cất lên hòa với tiếng nổ của chất lửa ma quái thành một âm thanh phức tạp kinh khủng. Cụ Vinh sợ quá không biết phải chạy đường nào, ông liền lộn quóc vừa đập, vừa chửi bằng tiếng Tiều.

— Phũ-bổ lử — Phạt lử xí v.v...

Chiếc lửa kỳ quái càng bị đập lại càng nhiều, mãi cho đến gần nửa giờ mới thu gọn lại còn bằng chiếc đèn bầm như lúc đầu và nối gót theo ông cho gần đến nhà mới tắt.

Sáng lại cụ Vinh đem chuyện này thuật lại cho chúng tôi nghe. Bán tin bán ngờ là vì nhầm vào tuổi của ông, chả lẽ dám nói láo với những người mới quen như chúng tôi. Vì thế nên không chống-chế trực tiếp nhưng cũng đem vài điều thâm thấp được ở khoa học, mà dẫn chứng như đèn ma là do chất lân-tinh (phosphore) hợp với không khí mà tạo thành. Cụ Vinh trông vào chúng tôi có hơi khó chịu nhưng không biết làm thế nào cho nhóm người loại thần quyền này tin được. Nắm được ý định đó và cũng vì nề tuổi ông nên chúng tôi pha trò vài câu chuyện

ma vào đời ông « Y » để cho vui với chén trà ly rượu.

Sau cùng tôi nói bõn với ông :

— Nếu quả có thật thì ông thách đêm nay nữa xem sao.

Câu chuyện tưởng có thể cho vui miệng nào ngờ đến chiều cụ Vinh ra bảo với chúng tôi rằng ông mới vừa thách đồ ma quái. Chúng tôi chỉ có nước cườ' mím lấy lệ và trả lời :

— Vâng, nếu có nữa mới thật tài đấy.

Trong tiệc nước hôm nay mặc cho mọi người bàn định rình rập, còn chúng tôi thì ừ, ừ, hử hử gọi là hưởng ứng suông.

Mặt trời đã khuất hẳn, tiếng rợn rợn ban ngày dần dần tan biến chỉ còn vài tiếng chim rừng rúc lên trong màn đêm tẻ lạnh. Đồng hồ nhà Tock Nam đã chín giờ rồi cuộc tiệc của chúng tôi bắt đầu mãn, mọi người đều có một phận sự riêng, về phần obúng tôi thì phải núp vào bụi cây cách đó 20 thước. Đoàn người yên lặng ra đi từng tốp, từng tốp như đoàn nghĩa quân băng rừng lội suối không một tiếng động mạnh.

Vừa đến nơi chỉ định chúng tôi ngồi sát bên bụi cây, đứng trên một tảng đá xù xì, muỗi bị động lại tung lên vo ve rồi đáp vào chúng tôi mà đốt.

Chiếc đèn bầm cầm tay chờ mọi sự bất trắc la tung xảy đến. Mãi đến 9 giờ 30 Cụ Vinh một mình mới chậm chạp đi vào trường Sao-Kia.

Chúng tôi cố dán mắt trong tấm vải đen thiên nhiên để theo dõi từng cử động của Cụ Vinh và quan sát hiện trạng của những cây to mà cụ Vinh nói.

— Đây rồi ! Người bạn tôi quẹo tôi.

— Hình như nó kia đây. Tôi ngó theo hướng chỉ, thật rõ một vòng lửa từ từ đi đến rồi nghe tiếng cụ Vinh :

— Ai đó, xe phải không quây ?

Vừa dứt tiếng một bóng trắng dài như mảnh lụa hiện ra trên cây bên lề đường rồi chập chờn chuyển qua cây khác. Ngọn lửa lại đầu chuyển mạnh và vùn vụt bắt lao quanh theo Cụ Vinh. Cụ Vinh như hốt hoảng la lên :

— Nó đây rồi à quây.

Như không kể gì tiếng thét đó, bóng trắng lại tủa nhiều đèn trước mặt cụ như trứng giởn, đồng thời chúng tôi lại xuất đầu lộ diện, ánh đèn bầm chiếu

theo, tiếng roi đầu quất vào không gian « chọt, chọt », tiếng la nổi lên cả một vùng, muông chim và những người không hay biết đều kinh khủng.

Bóng trắng như kinh thường cất lên tiếng hú và tiếng cười rồi dần dần đi sâu vào rừng núi. Chúng tôi cũng quyết rượt theo, nhưng rồi nó lại biến mất. Đoàn người đành uể oải ra về nhạo lên những lời bân an. Suốt một đêm cả xóm không ai ngủ được. Họ cứ lần quần trong câu chuyện quỷ hiện hình, làm cho những người hiền khoa học như chúng tôi hết phượng dẫn giải đành phải chịu bó tay trước làn sóng thần quyền.

— Thật là một điều khó nghĩ !

Chúng tôi sẽ kể cho các bạn nghe một mẩu chuyện tình kinh khủng biến sang một mối tình ma quái đã giết chết bao người ở ngoài « bề khơi Hòn Trẹm »

L.T.S. Chúng tôi đăng bài trên đây của một bạn đọc ở Hà-Tiên gửi về, để nêu lên một sự kiện, có thể là một đề tài để tranh luận. Còn chuyện có thật hay không, chúng tôi không dám quả quyết, cũng như nhiều chuyện khác ở các nơi khác, tựa tựa như chuyện này.

PHỔ THÔNG

* CHUYỆN MA NGÀN NHƯT MÀ ĐỀ SỢ NHƯT

Trong quyển « Humour, quand tu nous tiens » của Michel Chrestien, có kể chuyện ma sau đây, chỉ có một câu :

« Tôi trông thấy anh John đi chơi với người vợ góa của anh ».



XÃ GIAO

★ CÔ BÌNH MINH

* ĐEO GĂNG TAY.

Đeo găng có 3 mục đích :

Mùa đông, để cho ấm hai bàn tay. Mùa nắng gắt, riêng chị em phụ-nữ đi xe máy, hoặc lái các loại xe khác, để bàn tay khỏi bị nám nắng.

Ngày thường, lúc đi dự các đám-tiệc long-trọng, và các lễ lớn, (tục-lệ này trong các giới quý-phái thông dụng hơn).

Bất cứ trong trường - hợp nào, phụ-nữ đều có thể đeo găng luôn trong tay, khỏi phải lấy ra. Nhưng với đàn-ông thì khác. Một mình thì không nói chi, nhưng khi chào ai, hoặc phải bắt tay ai, thì trước khi bắt tay nên rút chiếc găng ở tay mặt ra, VÌ ĐỂ NGUYÊN CHIẾC GĂNG TRONG TAY MÀ

BẮT TAY NGƯỜI TA, LÀ MỘT ĐIỀU RẤT KÉM LỊCH-SỰ. Người đàn-bà thì được, PHỤ-NỮ KHÔNG CẦN CỎI GĂNG RA : đó là một đặc-ân của phép xã-giao dành riêng cho phái phụ - nữ, chứ người đàn ông biết phép xã-giao, mỗi khi đưa tay ra bắt tay ai, thì luôn luôn họ CỎI CHIẾC GĂNG CỦA TAY PHẢI ra, cầm sang tay trái, rồi mới bắt tay người ta. Tay trái vừa mang găng vừa cầm găng của tay phải, nhưng không nên vò lại, hoặc gấp lại, cứ cầm nguyên chiếc găng như thế, là lịch sự hơn. Nhất là không nên BỎ VÀO TÚI ÁO HAY TÚI QUẦN, trước mặt người không quen thân. Tay phải nên để trần luôn trong lúc nói chuyện cho đến khi bắt tay từ-giã rồi mới mang găng lại.

Đến nhà ai cũng thế. Vừa xuống xe, trong lúc đi vào cửa thì nên cỏi găng bên tay phải ra, cầm sang tay trái. Dầu là đối với bạn thân, hay người bà con, họ hàng, cũng nên giữ phép lịch sự ấy. Đối với thân thuộc, người Việt-Nam mình phần nhiều hay có tính lo-là về xã giao, cứ ý quen thân nên không cần gín giữ phép tắc. Ở bên Âu Mỹ, người lịch sự, BẮT CỬ LÚC NÀO, VÀ BẮT CỬ VỚI AI, CŨNG ĐỀU GIỮ PHÉP LỊCH SỰ.

Người lịch sự, biết phép xã giao, người Pháp gọi là «un homme bien-élevé», người Anh gọi là «a gentleman» bao giờ cũng gây được cảm tình chung quanh mình, và được kính nể.

Một hôm trời nắng, tôi đứng mua đồ trong một nhà buôn quen, thấy một việc như sau đây. Một ông thầy giáo đi xe máy-dầu đến đậu trước cửa tiệm. Hai tay ông đều mang găng. Ông bước vào tiệm, và ĐỂ NGUYÊN ĐÔI GĂNG TRONG TAY, ông chìa tay ra bắt tay chủ nhà mà có lẽ ông thầy-giáo quen sơ. Không hề chủ nhà là người có tánh hay nói thẳng, lại không sợ méch lòng, ông không đưa tay ra. Dòm vào

chiếc găng của thầy giáo đang trong tay, ông lại còn bảo :

— Ông mang găng dính dầu mỡ gì mà bẩn quá vậy, ông ?

Thầy giáo chắc là mắc cỡ, cười gượng và nói dă-là chuyện khác.

Tôi nghĩ thầm : Một ông Thầy giáo mà kém phép lịch sự như vậy sao ?

Ngay bây giờ tôi kể lại câu chuyện này với các bạn, tôi vẫn còn nhớ đôi găng của thầy giáo mang trong hai bàn tay nó bẩn cách chi ! Tại sao thầy giáo không đưa ai giặt đôi găng của thầy, mà thầy cứ để bẩn như thế mang đi ra đường ? Đôi găng đã bẩn sao thầy lại cứ mang nó trong tay lúc bắt tay người ta ? Bắt tay như thế, tức là thầy vô tình tỏ ra khinh thường người ta đó. và thầy tự khinh thầy.

Trong một buổi dạ hội tại một trường Đại học Việt-Nam ở Thủ đô Sài-gòn, tôi cũng đã chứng kiến một vài vụ kém lịch sự tương tự như thế. Hôm ấy trong đám quan khách có khá đông người ngoại quốc Á-Đông và Âu-Mỹ, trong giáo giới và ngoại-giao-doàn. Phụ nữ ngoại quốc cũng có vài chục người.

Chính mắt tôi đã trông thấy một vị Giáo sư Việt-Nam bắt tay người ngoại quốc, (nhứt là

bắt tay phụ nữ) mà để nguyên cả đôi gang trong tay. Tôi chắc người ngoại quốc dự tiệc đêm ấy khinh thầm vị giáo sư Việt-Nam kia là người trí thức mà không biết phép lịch sự. Một việc nhỏ mọn xảy ra như thế trong một cuộc họp mặt quốc tế do một người vô - ý, cũng rất đáng tiếc vì nó có thể gây cho người ngoại-quốc một ý-nghĩ sai-lầm về phép xã-giao Việt-nam.

★ ĐỘI NÓN VÔ NHÀ

Nhiều người vô nhà người ta, cứ để luôn nón trên đầu. Đó cũng là một cách vô-lễ. Không nên trách những người không có học-thức, vì những bạn ấy ít có dịp học-hỏi về các phép lịch-sự. Nhưng còn một số các người « có ăn-học » hẳn-hoi, bước vô nhà người ta, hoặc vô tiệm ăn, vô phòng xi-nê, — nghĩa là vô chỗ đông người, vẫn cứ để nón, mũ, trên đầu, không chịu lấy xuống cầm tay.

Cớ điều đáng khen anh em binh sĩ, là bất cứ ở nơi nào có đông người hoặc bất cứ đối-diện với ai, quen hay không quen, họ bước chầm đến thì cử chỉ đầu tiên của họ là chào. Như vậy, họ tỏ ra họ là Quân đội một nước Văn minh

dân chủ.

Trái lại, chúng ta thường thấy một số người — và một số anh em thanh niên — vào một nơi công cộng, trong rạp hát chẳng hạn, hoặc trong tiệm cơm bất cứ bình dân hay trường giả, thường cứ để chiếc mũ đội trên đầu và đi nghênh-ngang, vênh-váo, trước mắt mọi người.

Không nên như thế. Các bạn nên nhớ rằng mọi người trông thấy, không ai nói chỉ, nhưng họ vẫn cho mình là kém lịch-sự. Mà giữa một xã hội văn minh, sống trong thời đại tân tiến, bị phê bình bằng danh từ « kém lịch-sự », « thiếu xã giao » là một điều nhục nhã. Kém lịch sự, tức là kém tư cách một người văn minh vậy. Diện áo quần sang trọng, đầu rưới nước hoa thơm ngát, hút thuốc lá thơm, nhưng kém xã-giao, thiếu phép lịch - sự, thì chẳng vẻ-vang gì đâu. Trái lại, một bạn học-sinh y-phục rất thường, hoặc một người bình - dân không có chi là xa-hoa hào-nháng, nhưng vào chỗ đông người biết cất cái mũ xuống, cũng đủ cho mọi người mến. Vì đó là cử-chỉ của một người có giáo-dục, — un homme bien-éduqué.

B. M.



Bà THƯỜNG LẠC

CHẢ CÁ CHÈM VẬT LIỆU :

Mùa chừng 500 grammes nước dùng cá.

100 gramme mỡ gáy heo.

2 hột vịt, 1 trái dừa xiêm, vài tép hành bỏ lá lấy củ.

Một ít tiêu sọ xay nhuyễn,

Nửa muỗng café muối

Nửa muỗng café đường cát trắng thứ nhuyễn.

CÁCH LÀM :

Cá chẻm thái mỏng ; để chừng chén rưới nước lã cho vô chừng nửa các xúc phen đâm nhỏ, rồi để cá vô trộn cho đều vắt ráo.

Dừa xiêm chặt lấy nước để vô cả độ nửa giờ sẽ lấy ra vắt ráo lại ; để vô cối quết cho nhuyễn, chừng nhuyễn rồi đập hột vịt lấy

tròng trắng không, đổ vào cá quết nữa, khi đều để củ hành xắt băm nhỏ vô, đường, muối, tiêu mỡ lượt sơ xắt bằng mút dừa rồi trộn vào tất cả cho đều ; lấy chảo bắt nước sôi. Cắt lá chuối lót xống, tráng cá tẩm cho vén vể, đặc vuốt mặt chảo cho lạnh, bắt lên hấp, lửa cho đều, nước sôi có hơi ; độ 3 phút xả hơi ; non nửa giờ là chín.

Dọn rau sống, bánh tráng, dưa leo, chuối, khế nước mắm tỏi ớt.

Xin nói lại cho đúng

Phô-Thông số 13 có bài « Một Đời Người » của ông Thiều-Son, ông có nhắc lại việc báo « Phụ Nữ Tân Văn » tổ chức Hội-chợ Phụ Nữ. Trong bài ấy có đoạn ông T.S. viết :..... « Phụ Nữ Tân-Văn nói là sơ sót... »

Ông T.S. viết như vậy là không đúng sự thật. Chuyện tiền bạc sổ sách về Hội chợ Phụ Nữ báo P.N.T.V. làm rất minh bạch, không sơ sót mảy mảy nào. Vì P.N.T.V. rành rẽ, phân minh như vậy nên các chủ nhiệm các báo hời đó Vu-cáo đều bị tòa phạt vạ, bị đèn bốt danh dự và đăng bản án lên 2 tờ báo.

NGUYỄN ĐỨC-NHUẬN

Nguyên chủ nhiệm
báo P.N.T.V.

6.— ANH-THO

★ NGUYỄN-VỸ



MỘT cô Nữ-sinh mới có 15, 16 tuổi, học trường Sơ - đẳng Pháp-Việt Thái-Bình gợi cho nhà - văn Lan-Khai một bài thơ mới tập làm, ký tên là TUYẾT-ANH. Bài thơ đó, Lan-Khai sửa chữa vài ba chữ, rồi đăng lên một tờ báo, đề khuyến-khích « cô em ».

Một thời-gian sau, người ta lại đọc trên một vài tờ báo một vài bài thơ ký tên là HỒNG-ANH. Thơ còn hơi vụng-về, tỏ ra người học thức còn kém, ý-tứ không dồi-dào, tình - cảm không sâu đậm, nhưng có những nhận-xét đặc-biệt, phê-diễn một trí-óc trưởng - tượng tuy giản-dị nhưng rất tế-nhị và rất dễ thương.

Lan-Khai đưa một bài cho tôi coi, và bảo :

— Hồng-Anh với Tuyết-Anh là một. Con bé mới có mười mấy tuổi.

— Học đến đâu ?

— Thi « primaire » vừa tốt. « Primaire », tức là *Certificat d'Etudes Primaires F.I.* bằng sơ đẳng Pháp-Việt. (tiểu học).

Tôi bảo với Lan-Khai :

— Cô bé này có tài.

Rồi tôi quên mất câu chuyện đó, quên mất luôn cả cái tên của « cô bé có tài ».

Tôi đang ngủ. Trưa mùa hè nắng gắt, mà cái gác xếp của tôi ở đường Tientsin lại thấp và chật, tôi ở trần, nằm lắn trên chiếc chiếu trải trên sàn ván, ngủ như chết. Cửa cầu thang. tôi đã khép kín. Có một mình tôi. Không biết mấy giờ và không biết tại sao, bỗng dưng tôi quấy cựa vài cái rồi tỉnh giấc, mở mắt ngó chung quanh. Một tiếng cười ran rần ngay bên cạnh. Tôi quay lại, thấy

một thiếu nữ lạ. Tôi ngạc nhiên :

— Ủa !

Thiếu nữ cười nghiêng ngà, (không phải ngà vào tôi !) cô ngồi dựa vào lan can, nét mặt hóm hỉnh rất tự nhiên. Cô cười gác-ngheo, không nói gì cả. Tôi cũng vẫn nằm yên, vẫn ở trần, nhìn cô, và điềm nhiên hỏi :

— Cô là ai ?

Thiếu nữ lại cười, không trả lời. Tôi cũng tức cười, không hỏi nữa. Tôi ngắm cô : chắc mười tám tuổi, không đẹp nhưng có duyên, mặt nhiều mụn. Cô mặc áo màu hồng, mang đôi giày cườm, ngồi ăn hạt giẻ, tự nhiên. Tôi cứ nằm như thế mà ngó cô. Cô cũng cứ ngồi dựa vào lan can, trong tay cầm một quyển tập. Cô cười để lộ hai hàm răng trắng nõn :

— Đố anh biết tên tôi ?

— Tôi biết.

— Tên gì nào ?

— Hồ-xuân-Hương.

Thiếu-nữ cười hăng-hắc :

— Chả phải. Hồ-xuân-Hương mặt đỏ cơ mà !

— Mặt Hồ-xuân-Hương cũng có mụn.

Cô thò tay vào túi áo trong,

hốt ra một nắm hạt giẻ. (Hạt giẻ trong Nam không có, to bằng đầu ngón tay út, cắn vỏ ra rồi ăn, nó bùi và ngon). Cô hỏi tôi, vẫn tự-nhiên như quen từ lâu :

— Anh cắn hạt giẻ không ?

— Cắn.

Cô đứng dậy, đến gần tôi, cúi xuống để nắm hạt giẻ trên chiếu, trước mặt tôi. Tôi lấy một hạt, cắn vỏ, vừa nhai vừa hỏi :

— Có có làm nhà không ?

Thiếu-nữ ngồi xuống chiếu, cạnh tôi :

— Nhâm thế này được.

— Ai bảo cô đến đây ?

— Tôi bảo.

— Ai chỉ cái gác này cho cô ?

— Anh Lan-Khai, bạn của anh.

Tôi làm thinh. Tôi đã quên mất cái tên của « cô bé » rồi.

Tay tôi cầm quyển tập, nhưng tôi lẩn trên chiếu, cười ha-ha :

— Hay tuyệt !

Thiếu-nữ vẫn ngồi, hai chân chìa ra dưới tà áo hồng, hai tay ôm hai đầu gối :

— Câu nào hay, hả anh ?

— ...

Và lại có cả một đôi đom-đóm.

Bay rập-rù như muốn phải-lòng nhau.

Tôi lật sang trang bên kia :

— Câu này cũng hay lắm :

... Hai cô nàng yếm thắm.

Cúi cuộc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

Cúi, cuốc, cào, cỏ, : parfait !

— Parfait là gì, hả anh ?

— Là tuyệt ! Là hay tuyệt ! Khéo tuyệt !

— Anh coi có câu nào chưa được gọn, anh sửa hộ em.

— Chẳng có một câu nào là chưa được gọn. Câu nào cũng đẹp như bức tranh quê.

— Anh liệu xem em có nên xuất bản nó không ?

— Rất nên.

— Cái nhan đề “ Bức tranh quê ” có được không, anh ?

— Được lắm.

— “ Bức tranh quê ”. hay là “ những bức tranh quê ” anh nhỉ ?

— Khỏi phải “ những ”.

Tôi đã xem hết tập thơ viết tay của thiếu nữ mà tôi chưa biết rõ tên, nét chữ cứng rắn, gọn gàng. Tôi rất thỏa-mãn, rất thích thú. Nhưng tôi xem lại ngoài bìa, hỏi :

— Sao không đề tên tác giả ?

Thiếu nữ cười :

— Đố anh biết tên em ?

— Tên cô là THƠ.

Thiếu-nữ nhìn tôi chăm-chăm, cô ngó vào mắt tôi, cô ngó vào mũi tôi, cô ngó vào môi tôi. Bỗng cô rú lên một tiếng cười. Rồi cô bảo :

— Em có bai tên : TUYẾT-ANH, và HỒNG-ANH. Em còn do-dự, chưa quyết - định đề tên nào trên bìa tập Thơ. Bây giờ thì em quyết-dịnh rồi. Em sẽ lấy tên là ANH-THƠ.



Anh-Thơ rủ tôi ra phố. Tôi ngồi dậy, đi rửa mặt :

— Tôi xin lỗi Anh-Thơ nhé. Từ nãy giờ, tôi rất là vô-lễ, tiếp Anh-Thơ mà không mặc áo.

— Bây giờ anh mặc áo, thì anh hết vô-lễ với em.

Chúng tôi ra đi. Ra đến hàng Ngang, thấy một bà cụ ngồi bán bắp nướng, Nữ-Sĩ dừng bước mua hai trái, đưa tôi một. Tôi không ouden ăn quà ngoài đường phố, nên tôi dứt trái bắp còn nóng hổi vào túi áo. Nhưng một lúc thấy Anh-Thơ ăn ngon-lành, vừa đi vừa ăn, vừa nói chuyện. Tôi cũng thò vào túi áo lôi trái bắp ra đưa lên mồm, gặm ngon lành...

— Tên thật của em là gì ?

— Tên em là THƠ.

Thiếu nữ luôn luôn cười nói vui vẻ. Tôi lại hỏi :

— Em học đến đâu ?

— Em vừa thi trượt xéc-phi-ca. Em bị Thầy em đánh một nê vì tội lười.

“ Thầy ”, tức là Ba của cô.

— Em mấy tuổi ?

— Đố anh biết !

— Mười tuổi.

— Em còn bé thế cơ ? Thế mà em cứ tưởng em đã nhớn tướng rồi đấy.

— Nhưng thơ em đã nhớn rồi.

— Nhớn được mấy tuổi, hả anh ?

— Không có tuổi. Thơ em sẽ sống mãi mãi. Em làm thơ từ hồi nào ?

— Từ hồi em biết làm thơ.



“ Bức tranh Quê ” ra đời. Các báo đều giới thiệu với rất nhiều cảm tình. Tất cả làng Văn Hà-nội đều khen ngợi. Nhưng chưa mấy ai biết Anh Thơ là một “ cô bé ” 18, thi “ trượt xéc-phi-ca ”.

Một buổi chiều thu. Anh-Thơ lại đến thăm tôi. Mặt nàng vẫn đầy mụn. Nàng lại đưa tôi coi một tập thơ, bản-thảo thứ hai, tựa đề là “ MÊ-MÃI ”. Bài thơ

đầu cũng nhan-đề là “ MÊ-MÃI ” tả một cuộc khiêu-vũ mà mỗi câu là một màu đèn xanh đỏ, mỗi chữ là một tiếng nhạc rung-rinh, mỗi giòng là một vòng quay cuồng nhiệt trên vũ-dân. Cả bài thơ xôn-xao rạo-rực, mê-mê.

Nhưng rồi sau đó tôi đi ở tù. Suốt mấy năm mê-mải trong nhà lao, tôi không quên được những giòng thơ khiêu-vũ rất tài-tình dưới ngòi bút mê-mải của TUYẾT-ANH, HỒNG-ANH, ANH-THƠ...

Và Anh-Thơ hiện nay ở đâu, làm gì, tôi không nghe ai nói nữa. Tôi chỉ còn nghe thơ của nàng hình-thoảng réo-rắt bên tai :

Trong đồng lúa xanh rờn
và ướt lặng,
Lũ cô con chốc-chốc vụt bay ra,

Làm giết mình hai cô nàng yếm thắm,
Cúi cuộc cào cỏ ruộng sắp ra hoa.

Mấy cánh bướm rập-rờn
trôi trước gió
Những trâu bò thong-thả
cúi ăn mưa.

Và lại có cả một đôi đom-đóm
Bay rập-rù như muốn phải-lòng nhau.

AN - GIANG



(Long Xuyên)

XƯA và NAY

— ★ —

vượt mải (do đó chữ Việt mới sinh ra chữ vượt), cho đến khi nào Rồng Mẹ Việt-Nam hội ngộ cùng 9 Rồng Con trên dòng sông Cửu Long, thì bấy giờ dân tộc Việt mới chịu dừng bước. Và nơi dừng bước đó, chính là LONG-XUYỀN vậy.

1. — AN GIANG QUA CÁC THỜI ĐẠI

Lần dở những trang sử vẻ vang của Dân tộc, chúng ta nhớ lại những người Việt tiền phong đã đặt chân trên giải đất An Giang này là tổng suất *Trương Phúc Du* và tham mưu *Nguyễn Cư Trinh*, hiện thân cho « thao lược ấy tài, kinh luân là chí ».

Cứ theo « Gia Định Thống Chí » của Trịnh Hoài Đức (1765 1825) thì :

Nguyên là năm Đinh Sửu 1759, vua Chân-Lạp Nặc Nguyên mất, chú họ là Nặc Nhuận lên làm Giám quốc. Không bao lâu, Nặc Nhuận bị người con rể là Nặc Hinh giết đi rồi cướp ngôi vua. Con của Nặc Nhuận là Nặc Tôn

chạy sang Hà Tiên, nhờ Mạc Thiên Tứ che chở. Mạc Thiên Tứ dâng thư về chúa Nguyễn là Võ Vương Nguyễn Phúc Khoát (1738-1765), xin lập Nặc Tôn làm vua Chân Lạp. Chúa Nguyễn chấp thuận bèn sai Mạc Thiên Tứ đem Nặc Tôn về nước lên ngôi vua.

Nặc Tôn bèn dâng đất *Tầm Phong Long* để tạ ơn Chúa Nguyễn. Chúa liền sai tổng suất *Trương Phúc Du* và tham mưu *Nguyễn Cư Trinh* đem dinh *Lông Hồ* về xứ *Tầm bảo*, tức là chỗ tỉnh lỵ *Vĩnh Long* ngày nay và lại đặt ra ba đạo là *Đông khẩu đạo ở Sa-Đéc*, *Tân châu đạo ở Tiên-Giang Châu-Độc đạo ở Hậu-Giang*. Một trung đội đã được cắt cử từ *Long-Hồ* sang canh phòng *Châu-Độc đạo*, một căn cứ quan trọng ở ngay biên giới *Miền-Việt*.

Về phần *Mạc-Thiên-Tứ* cũng thiết lập hai đạo : *Kiến-giang đạo ở Rạch Giá* và *Long-Xuyên đạo ở Cà-Mau*, sáp nhập vào lãnh thổ *Hà-Tiên*.

Năm Kỷ-hợi 1779, tháng 11 ta, *Nguyễn-Phúc-Ánh* ra lệnh kiểm tra các trấn *Nam Bộ* là *Trần-Biên* (tức là *Biên - Hòa*), *Phan-Trần* (gồm có *Gia-Định* và *Định-Tường*) và *Long - Hồ* (gồm có *Vĩnh-Long* và *An-Giang*). Ấy là lần đầu tiên, chúng ta thấy xuất hiện danh từ *An-Giang*.

Năm Ất-Sửu 1805, ngày 17

tháng 6 ta, vua *Gia - Long* giáng dụ tổ chức *Nam Bộ* thành 5 trấn là : *Trần Biên* (tức *Biên Hòa*), *Phan-Trần* (tức *Gia-Định*), *Vĩnh Trấn* (gồm có *Vĩnh Long* và *An-Giang*), *Định - Trần* (tức *Định-Tường* và *Hà-Tiên*). Vua ra lệnh đo đất, vẽ họa đồ các tỉnh với ranh giới rõ ràng, ghi cả sơn-xuyên, thổ sản, dân số, phong tục, v.v... làm thành địa-chí rồi dâng tất cả về kinh.

Năm Tân-Mão 1831, vua *Minh Mạng* mới đổi trấn ra làm tỉnh. Toàn nước *Đại-Nam* ta lúc đó chia ra làm 31 tỉnh. Riêng *Gia-Định* thành (tức *Nam - Bộ*) gồm có 6 tỉnh là : *Biên-Hòa*, *Gia-Định*, *Định-Tường*, *Vĩnh-Long*, *An-Giang* và *Hà-Tiên*. Tỉnh *An-Giang* gồm có 2 phủ : *Tuy-Biên*, *Tân-Thành* và 4 huyện : *Tây-Xuyên*, *Phong-Phú*, *Đông-Xuyên*, *Vĩnh-An*. Phủ *Tuy-Biên* coi hai huyện : *Tây Xuyên* và *Phong-Phú*; còn phủ *Tân-Thành* coi hai huyện : *Đông-Xuyên* và *Vĩnh-An*. Đồng thời, cũng đặt chức *An-Hà lộng-Đốc* coi cả 2 tỉnh *An-Giang* và *Hà-Tiên*, lại đặt 2 ty *Bổ-Chánh*, *Án-Sát*.

Năm 1836, lấy đất *Ba-Thát* đặt làm phủ *Ba-Xuyên* coi ba huyện : *Phong - Nhiêu*, *Phong-Thạnh*, *Vĩnh-Định*.

Năm 1839, đặt thêm huyện *An-Xuyên*, thuộc phủ *Tân-Thành* thống hạt.

Năm Thiệu-Trị thứ 2 (1842),

GIANG SƠN VIỆT NAM

trích phủ Tịnh-Biên và huyện Hà-Dương của tỉnh Hà-Tiên cải lệ về tỉnh An-Giang.

Năm 1844, lại lấy huyện Hà-Ấm cải thuộc phủ hạt Tịnh-Biên.

Năm Tự-Đức thứ 3 (1850), dẹp phủ Tịnh-Biên và huyện Hà-Ấm đem quy về huyện Hà-Dương kiêm nhiếp, mà thuộc về phủ Tuy-Biên quản hạt. Còn hai huyện Phong-Thanh, Vĩnh-Định do Phủ Ba-Xuân kiêm nhiếp.

Năm 1853, đem huyện An-Xuân qui về phủ Tân-Thành kiêm nhiếp.

Như vậy tỉnh An-Giang ngày xưa, trước thời kỳ Pháp thuộc, gồm có 3 phủ và 10 huyện là :

Phủ Tuy Biên thống hạt 4 huyện : Tây-Xuân, Phong-Phú, Hà-Dương, Hà-Ấm.

Phủ Tân-Thành thống hạt 3 huyện : Vĩnh - An, An - Xuân, Đông-Xuân.

Phủ Ba-Xuân thống hạt ba huyện : Phong - Nhiêu, Phong-Thanh, Vĩnh-Định.

Đến thời kỳ Pháp thuộc, tỉnh An - Giang đã bị phân chia ra nhiều tỉnh nhỏ lấy tên là : Long-Xuân, Châu-Đốc, Bạc-Liêu, Sóc-Trăng, Cần-thơ và Sa-đéc.

Dưới thời Việt-Nam Cộng-Hòa, Ngô Tổng Thống đã ký sắc lệnh số 143-VN ngày 22-10-56, minh định ranh giới và danh hiệu các tỉnh thì An-Giang gồm hai tỉnh Châu-Đốc và Long-

Xuân, tỉnh lỵ đặt tại Long-Xuân.

Long-Xuân — như chúng ta đều biết có nghĩa là Sông Rộng, vì sông này uốn khúc quanh co như thân rồng, các chi nhánh tỏa ra khắp nơi như chân rồng, những hòn cù lao rải rác như những đám mây, sóng gợn lẫn tẩn, tựa như vảy, di trên mây bay nhìn xuống Long-Xuân thật như rồng doanh chín khúc.

Còn *Châu-Đốc* — có nhiều nghĩa chưa được minh định rõ ràng. Có nhà ngữ học cho rằng chữ Châu-Đốc do chữ « meath-chruk », (có nghĩa là mồm heo) tên hòn cù lao nằm giữa Tiền-Giang, Hậu-Giang, Vĩnh-An và Vàm-Nao, giống hình mồm heo xây về hướng Đông-Nam. Chữ Chruk sinh ra Châu-Đốc.

Cũng có người cho rằng Châu-Đốc gồm có chữ *Châu* là họ của Thoại ngọc Hầu phu nhân (Châu thi Tế) và chữ *Đốc* do chữ Đốc Bộ, một chức vụ ngang hàng với trấn thủ, dành riêng cho trấn thủ Châu-Đốc.

Lại cũng có người cho rằng Châu là tỉnh, còn Đốc là dày dặn, Châu-Đốc là một tỉnh dày dặn.

Dù sao chăng nữa, cả hai tỉnh hợp lại thì dân số được 710.000 người và diện tích được 536.966 ha (Long-Xuân = 261.090 Ha) và Châu-Đốc = 275.876 Ha) kể ra thì cũng đầy đặn thật.

Nói tóm lại, giải đất này đã thuộc lãnh thổ Việt-Nam vừa đúng 200 năm (1759-1959) và hôm nay, tình cờ hay hữu ý, chúng ta họp nhau đông đủ nơi đây, để kỷ niệm long trọng hai thế kỷ trường tồn (bicentenaire) của tỉnh An-Giang vậy.

2. — AN - GIANG TRÊN ĐƯỜNG KIẾN-TẠO

Trải qua hai thế kỷ, tỉnh An-Giang chúng ta đã chịu đựng biết bao nỗi thăng trầm cũng như đã ghi lại biết bao trang sử oanh liệt. Ngoại bang đã mấy phen dày xéo mảnh đất này, nhưng nhờ lòng anh dũng, chí phấn đấu của dân ta, tỉnh An-Giang đã vươn mình sống mạnh và sống tự do cho đến ngày nay.

Trong số những người đã có công nhiều nhất đối với xứ này, chúng ta phải kể trước tiên vị công thần khai quốc Thoại ngọc Hầu.

Thoại ngọc Hầu, tức Nguyễn văn Thoại (1762-1829), quê quán huyện Diên Phước, tỉnh Quảng Nam, theo phò Nguyễn Ánh từ năm 1777. Trong khoảng 25 năm trời, Thoại đánh đông dẹp bắc, lập nhiều chiến công, cho nên sau khi thống nhất sơn hà, vua Gia-Long mới cử Thoại làm chức Khâm sai Thống binh Chương cơ, lo việc binh nhưng ở Bắc Thành (Hà Nội), kể lãnh chức Trấn Thủ Lạng Sơn rồi đổi lãnh Trấn Thủ Định-Tường.

Ít lâu, tại Cao-Miên có loạn, Thoại được cử sang lập lại trật tự, đóng binh tại thành La-Bích (Lovek). Năm Gia-Long thứ 17 (1818), vua sai Thoại kinh lý huy động 1500 dân binh, theo đường sông Đông-Xuân cũ, đào rộng thêm ra, làm hơn 1 tháng mới thành, tiếp thông với sông Kiến-Giang, nối liền Long-Xuân với Rạch-Giá, ghe thuyền qua lại tiện lợi. Vua đặt tên là *Thoại-Hà*, còn bên sông có núi Sập thì đổi là « *Thoại - Sơn* » và phong Thoại lên chức Thống chế và coi việc bảo hộ Cao-Miên quốc, cho nên người đời bấy giờ thường gọi ông là Bảo-hộ-Thoại.

Ở chân núi Sập cao 86 m, còn có đền thờ Thoại-ngọc-Hầu, xây năm 1822, khi còn bình sinh, trong ấy có tấm bia lớn bằng đá có khắc 622 chữ Hán, lời văn lưu loát, xin phiên dịch ra sau để làm tài liệu tham khảo cho các nhà sử học :

« Núi này có ra từ khi trời đất mới phân định mà cái danh núi này thiết tự ngày nay làm đầu. Sau khi được ban cho tên núi thì cây cỏ đều xuân, khói mây đổi sắc, so sánh với các núi gò tầm thường kia chẳng khác gì như trời vực xa cách nhau lắm.

Khi xưa núi này thuộc địa giới Phiên bang tục gọi là Sập-Sơn, từ Thánh-Triều trước khai thác miền nam mới đem vào bản đồ, nhưng cây cỏ sầm uất chỉ làm sào huyệt cho nài hươu ở,

làm mai một thắng tích không biết là bao nhiêu năm.

Mùa thu năm Đinh-Sửu (1817) khâm-mông đặt thợ chèo đò ần Vĩnh-Thanh-Trấn, mùa xuân năm Mậu-Dần (1818) phụng chỉ coi đào *cảng Đông-Xuyên*. Từ ngày thợ mệnh ấy ngày đêm lo sợ, đồn phá cây cối, đào vét cát bùn, dài đến 12.410 tầm, trải thắng mới xong, thành ra một sông lớn, tiện lợi cho ghe thuyền qua lại được vĩnh-viễn. Mà núi này lại nằm bên đường cảng, cao ước hơn 10 trượng, chu-vi 2.478 tầm, đứng giữa cao trọi, sắc xanh tươi, hoạt động như con thần long dờn nước, như con thê phụng bay liệng trên sóng, có phải là tạo hóa chung đúc tú khí cho chăng ? nên lâu nay kiền khôn bí tàng, ít người đi đến, nay vì có việc đào cảng, dăng vào họa đồ dăng lên ngự lãm, ấy là một sự kỳ ngộ cho núi này vậy.

Vừa được Ngọc dụ lấy tước danh của lão thần này là Ngọc-Thoại có công coi làm việc đào sông ấy, bèn cho tên là Thoại-sơn nêu danh ở cảng Đông-Xuyên.

Lão thần đội ơn bái tạ vinh hạnh biết đường nào, thiết nghĩ lão thần nguyên người Quảng-nam, khi nhỏ tỵ cư vào Nam, phụ tùng dưới cửa Nhung-viên, theo qua Vọng-Các, mang ơn tri ngộ, rồi bôn tẩu theo đường thượng-đạo qua lại Xiêm, Lào và Cao-Miên, rồi được bỏ coi 2

trấn Lương-sơn và Định-Tường, sau lại được ban cho ấn kiểm bảo hộ Thiên-bang.

Từ trước có mệnh trấn thủ Vĩnh-Thanh lại đây đã hơn vài mươi năm, gặp gỡ hai triều, gìn giữ một lòng, mà được 2 lần mang ấn bảo hộ, khi trú tiết ở đồn Châu-đốc, mở sông Vĩnh-tế, bình được Cao-Miên, tuy có công lao *nhỏ mọn*, nhưng thân không được như ông Khấu-Chuân làm *then khóa ở Bắc - môn*; công không được như vua Hạ - Vũ đào núi sông để trị thủy, sợ *c* sau khi về hưu cũng cùng cây cỏ qua đời mà *thôi vậy*. Ai ngờ sau khi đào cảng, được ơn trên soi xét, dùng tên của lão-thần làm tên cho núi này. *Núi nàu tức là lão-thần, mà lão-thần tức là núi này, cao sộ lâu dài cùng trời đất không ma diệt.*

Từ nay về sau theo giong sông mà ngang qua núi này, ai chẳng trầm trồ bảo nhau rằng nhờ ơn Cửu-trùng có lòng mở mang bờ cõi và nhắc lại duyên cớ núi này được có tên ấy, *vinh lâm thay tên ấy, vinh lâm thay núi ấy, không những vinh cho núi ấy mà càng vinh cho lão - thần có tri-ngộ ít đời gặp được.*

Nay xin cung cần ở nơi chân núi dựng xướng Sơn-Thần, chạm đá là bia, ghi lớn 2 chữ « Thoại-Sơn », và kể lại lịch tên núi, hầu để vĩnh-truyền bất hủ.

Sau tiết đông-chí năm Nhâm-

Ngo (1822), niên hiệu Minh-Mệnh thứ 3.

Khâm-sai Thống - chế Ân-thủ Châu-Đốc-đồn lãnh Bảo-hộ Cao-Miên quốc-ấn, kiêm quản Hà-Tiên trấn-vụ, gia Nhất-cấp kỷ-lục nhất-thứ, Thoại-ngọc-Hầu Chế.

Đốc-học thành Gia-Định Cao Bá-Nghi thảo.

Công Bộ Thiêm cự, phụng thủ Châu-Đốc-đồn tiền lương công-vụ Đoàn-Hầu đính chánh. »

Đến năm Gia - Long thứ 18 (1819), Nguyễn-văn-Thoại được cử giữ chức Trấn - Thủ Vĩnh-Thanh (gồm cả Châu-Đốc, Long-Xuyên và Vĩnh-Long) và được lệnh đốc xuất 10.500 dân binh, trong số đó có 5.000 dân, 500 lính lấy trong đồn Oai viễn, 5.000 người Thổ do Thống chế Nguyễn-văn-Tồn, tức Tồn-La-A, người Miên, đồn đốc. Công việc khởi hành ngày 15 tháng 12 năm Kỷ-Máo (Janvier 1819) và hoàn tất vào tháng ba năm Canh Thìn (Avril 1820).

Ngoài Thống chế Nguyễn-văn-Tồn, còn có chương cơ Nguyễn-văn-Tuyên phụ tá Trấn - Thủ Nguyễn-văn-Thoại trong công cuộc đào kênh Vĩnh-Tế, nối liền Châu-đốc với Hà-Tiên. Kênh dài 72 cây số, rộng 20 thước, có thêm hai cống nước (écluses) ở cây số 16 (Vĩnh Lạc) và cây số 62 (Vĩnh Gia) để cho thuyền bè qua lại dễ dàng.

Nguyễn *Thống-chế* Nguyễn-văn-Tồn là người Thổ, tên là Duồng, theo Nguyễn-Ánh sang Vọng-Các từ năm 1784. Từ đó về sau, ông đã lập được nhiều chiến công oanh liệt tại Ba Rai (cửa biển Mỹ Tho), tại thành Bình Định với Võ-Tánh (1799), tại Trà Ôn (Cần Thơ) với chức vụ Điều bát, theo Nguyễn văn Nhân, Tổng Trấn Gia-Định Thành sang đóng binh tại La Bích để bảo hộ Cao Miên, rồi phụ lực Nguyễn văn Thoại đào sông Vĩnh Tế (1819), mất năm 1820. Ngày nay, tại Trà Ôn còn có đền thờ ông Điều bát Nguyễn văn Tồn :

Lịch thay địa cuộc Trà-Ôn.

Miếu ông Điều bát lưu tồn đến nay.

Tên ông là Duồng, nên ở vùng Trà Ôn, dân chúng gọi con « cá duồng » là « cá bay » để tỏ lòng kính mến và biết ơn một người, tuy khác chủng tộc, mà đã có công lớn đối với nước ta.

Kênh Vĩnh Tế mang tên Thoại ngọc Hầu phu nhân Châu Vĩnh thị Tế ; họ Châu Vĩnh này còn lưu tồn tại Cù Lao dài. Hình ảnh kênh Vĩnh Tế đã được khắc vào cái đỉnh đồng lớn nhất gọi là Cao Đỉnh (thờ vua Gia Long) trong số Cửu đỉnh trưng bày tại Thế Miếu ở cố đô Thuận Hóa.

Tại Vĩnh Tế, trên triền núi Sam (cao 237m) còn những ngôi

mộ của Thoại ngọc Hầu, Châu phu nhân. Miệt phu nhân và một số gia nhân trung tín. Những ngôi mộ này đã được trùng tu năm 1888. Ở đây còn có nhiều tấm bia đá : *Tấm bia thứ nhất* kể sự tích đảo Kênh Vĩnh Tế và ghi lại rằng vua Gia Long đã đặt tên núi Sam và Vĩnh Tế Sơn, đề tuyên dương công trạng Châu phu nhân đã cộng ưu cộng lạc với Thoại ngọc Hầu trong công việc vĩ đại này. *Tấm bia thứ hai* đặt ngay ở ngôi mộ của Thoại ngọc Hầu có ghi chức Thống chế, Trấn thủ Châu Đốc, Bảo hộ Cao-Miên quốc, Trấn thủ Hà-Tiên, Đô Thống Thoại ngọc Hầu. *Tấm bia thứ ba* đặt trên ngôi mộ của Châu Phu-nhân có ghi mấy dòng sau đây : Châu Thị Tế, Nhân tình phu-nhân. Sinh năm Bính Tuất (1766), tháng tư, đêm ngày Thìn, mất ngày 15 tháng 10 năm Bính Tuất (1826), hưởng thọ 60 tuổi. *Tấm bia thứ tư* trên ngôi mộ của bà vợ thứ : Trương Miết, Phú Nhuận phu nhân, sinh năm Tân Sửu (1781) mất ngày 7 tháng 9 năm Tân Ty (1821).

Ngoài ra còn một tấm bia lớn nữa do Thoại ngọc Hầu sai khắc bài văn tự mình thảo ra, trong đó có nói rõ việc xây đắp con đường từ Châu-Đốc đến núi Sam khởi đầu từ ngày 20 tháng chạp năm Bính Tuất (1827) với 3.400 dân binh và xong ngày 15 tháng 5 năm Đinh Hợi (1827).

Tại Núi Sam, tức là Vĩnh-Tế-Sơn, khách du-lịch còn có thể chiêm ngưỡng đền Bà-Chúa-Xứ

thờ một thần tượng của đạo Bà-La-Môn, cao 1 thước 25, nặng hơn 1 tấn. Tục truyền rằng xưa kia đã phải vận dụng đến 100 người trinh nữ mới khuôn nổi bức tượng ấy vào đền do Thoại ngọc Hầu phu nhân xây dựng. Bức tượng này đã tạo ra hồi thế kỷ thứ VI hoặc thứ VII, nghĩa là trước thời đại Đế-Thiên Đế Thích (époque préang Korienne).

Hàng năm cứ đến ngày 25 đến 27 tháng tư ta, một số rất đông thiện nam tín nữ đến viếng đền và cử hành lễ rất long trọng, đồng thời suy nghĩ hai câu đối treo ở hai bên bàn thờ Bà Chúa Xứ: Cầu tất ứng, thành tất linh, mộng trung chỉ thị, Xiêm khả kính, Thanh khả mộ, ý ngoại nan lường.

(Xin tất đặng, thành tất linh, báo trong giấc mộng, Xiêm phải kính, Thanh phải mến, ý tứ khôn lường). (Còn nữa)

ĐÍNH CHÍNH

Vì có sự sơ suất, nên trong *Phê-Thông* số 13 trang 32, bài chuyện vui : « Muốn ốm phương pháp nguyên tử » đã đăng lại lần thứ hai ở *Phê-Thông*, số 14 trang 12.

Và *Phê-Thông* số này, bài « Bưu Đình » trang 48 dòng 1 có câu : « Minh, Hương, Ưng, Bưu... xin đọc lại là : « Miên, Hường, Ưng, Bưu... »

Vậy xin cáo lỗi cùng bạn đọc và mong đính chính giúp cho.

P.T.

Tiếng Sáo Đêm Khuya.

Tiếng sáo vi-vu đâu đó?
Đêm Khuya vắng-vắng gần xa.
Tiếng sáo diu-hiu trong gió!
Ni-non khúc hận tình-ca!

Tiếng sáo vi-vu đêm thu,
Nào nùng thê-lường chi bấy!
Tiếng sáo êm-nu, âm-u,
Lòng ta để-mê, tê-tái...

Người thơ? Sáo đi, ai đây?
Đêm Khuya, gió lạnh, trăng tà,
Bàn-khoan bao niềm ái-ái,
Nhờ-nhung man-mác nhớ xa!

Mười phương, tứ sừng mặt-mù,
Hồn vương sầu-thương đều thu.

Ôi tiếng sáo buồn ai oán
Độc chi khắp trời hoang-vu?!

Đêm khuya, gió lạnh, trăng tà,
 Ôi tiếng lòng ai xót-xa!
 Ôi tiếng sao buồn lai-lãng
 Đời trong thăm-thăm lòng ta!

Người thơ? sao ơi! Im tiếng!
 Đêm khuya, gió lạnh, trăng tà,
 Dệt chi mối sầu lưu-luyến
 Dừng cùng non-nước bao-la?..

Người thơ? sao ơi! Im tiếng!
 Nghe nghe giọt lệ đêm thu?
 Reo chi những lời xao-xuyến
 Khóc chi những tiếng vi-vu?..

Thơ - tác
 1984

Ng. H.

CÔ GÁI ĐIÊN



TRUYỆN TÀU CỦA TỪ-VU



BẢN DỊCH CỦA VI-HUYỀN-ĐẮC

III



HỂ là tôi vào trường trình-thăm đề bắt đầu sự huấn-luyện. Ở đây vẫn đã sẵn có một không-khí cực-kỳ nghiêm-khắc. Sự sinh-hoạt của tôi nay, đã sai-biệt hẳn sự sinh-hoạt của tôi trước đây, nên tất cả nếp sống của tôi cơ hồ như đã bị phi-thường xáo-trộn.

Sáng sớm tinh-mơ, tôi phải ra trường đua để tập cưỡi ngựa, và tập bắn bia cho quen tay sử-dụng khẩu súng lục; đến bảy giờ, tôi tập bơi cho tới tám giờ mới đi ăn điêm-tâm. Sau đó, tôi phải đọc một ít lý-thuyết về Quyền-thuật và thương-thuật, tới mười giờ, tôi quay sang luyện mấy đường kiếm. Dùng bữa trưa xong, tôi được đi ngủ chừng lối một giờ đồng-hồ. Trở dậy, tôi trở lại tập quyền-kích. Buổi chiều,

tôi cầm lái xe để tập, vừa phóng xe, vừa bắn súng. Còn như đêm tối, bất cứ giờ nào, hễ có chuông báo, là tôi phải chỗi dậy, bận quần áo, gọn gàng, để đến ngay trường đua, tập đuổi bắt trộm cướp giả-tạo.

Qua xong ngày đầu tiên, tôi tưởng chừng như không thể nào theo đuổi nổi sự huấn-luyện đó; tôi định nín đi tìm túc - khố y - sĩ Xa-lap-Mỹ, để xin thôi, nhưng, ác hại thay, lệ luật của nhà trường rất đỗi nghiêm khắc, nếu không phải ngày nghỉ, không một học viên nào được phép ra khỏi học hiệu.

Đến sáng hôm thứ hai, tôi liền đánh điện thoại cho y sĩ Xa-lap-Mỹ, chánh thức xin từ chức, nhưng, ở đầu dây bên kia, chỉ có một người khản hộ trả lời cho tôi rõ, nếu tôi có điều gì cần muốn nói với y sĩ thì sáng hôm chủ nhật, hãy lại.

Nhưng qua được một tuần lễ, tôi đã quen quen với sự huấn luyện nghiêm cách đó. Và, về việc xử dụng cây súng, cùng quyền thủ, tôi đã đạt tới một sự tiến bộ đáng kể, thành ra, tôi thấy có đôi phần hứng tri. Không những vậy, tôi lại sức nhớ ra, trước khi vào đây, và trong khi báo danh, tôi đã từng ký một tờ chỉ nguyện-thư với y sĩ. Nếu bây giờ, tôi, giữa đường, bỏ dở công việc, thì chẳng hóa ra, tôi chỉ là một kẻ quá ư nhu nhược, và không

đứng đắn. Vì các lẽ đó, hôm chủ nhật, gặp mặt y sĩ, tôi không dám dă động tôi ý định xin thôi nữa. Y sĩ hỏi tôi :

— Thế nào? cơ hần ông đã quen với sự sinh hoạt ở học hiệu rồi, đấy chứ?

— Thừa vâng.

—Ồ thế thì còn gì bằng nữa Hay! Hay lắm, hay lắm!

Ấy thế là, tôi vẫn nghiêm nhiên kế tục sự tập luyện ở học hiệu. Trong vòng một tháng trời, thân thể tôi đã biến hóa hẳn, tôi trở nên cường tráng hơn nhiều; tinh thần tôi cũng thay đổi, tôi tự nhận thấy, tôi mình mẫn và có cơ cảnh hơn trước; cả người tôi có vẻ khinh khoái nó làm cho bước chân tôi, trên đường đời, nhẹ nhàng, vững chắc, hơn nhiều.

Hai tháng sau, y sĩ Xa-lap-Mỹ đến thăm tôi và đưa số tiền lương cho tôi. Y-sĩ bảo tôi :

— Sự tập luyện của ông đến đây là đủ lắm rồi; nay mai, ông có thể ra khỏi học hiệu, để về căn sở của tôi, để được gần gũi các bệnh nhân, và bắt đầu thực tập.

— Thừa y-sĩ, nếu có thể được, tôi muốn ở lại đây học tập một ít lâu nữa...

—Ồ, không cần đâu, ông ạ, đến đây, là đủ lắm rồi.

Tôi không dám nói gì thêm, vì, nhu phi ở học hiệu này, là do y-sĩ đài thọ hoàn toàn.

Như vậy, vài hôm sau, tôi dời tôi nhà thương của y-sĩ Xa-lap-Mỹ. Cuộc sinh hoạt của tôi, một lần nữa, lại bị đảo lộn một cách phi thường. Ở bệnh viện này, ngày đêm, tôi sẽ luôn-luôn tiếp-xúc với những người mắc bệnh tinh-thần. Công việc của một viên trợ-thủ đòi hỏi ở tôi một bộ óc lãnh-tĩnh, một tâm tình bình-thản và một thái-độ hòa cát.

Kề ra, cuộc sinh-hoạt mới này khá thích-hợp cho bản-chất của tôi, nên tôi rất lấy làm vui lòng, đẹp dạ. Tuy-nhiên, một tuần lễ sau, tôi nhận thấy rõ, y-sĩ Xa-lap-Mỹ, cùng các hộ-sĩ của ông, có một sự khuyết-diểm đối với bệnh nhân. Tôi chỉ ngẫm tự hiểu như thế, nhưng tôi không rõ hẳn, khuyết điểm đó, ở chỗ nào, và nó là như thế nào? Mãi hai tuần sau, tôi mới biết một cách hiển-nhiên, đó là sự thiếu thành-ý. Phải, đối với bệnh-nhân, họ rất mực hòa-cát; trừ phi bệnh-nhân, vì tâm-tư lệch-lạc, quá lạm-dụng sự hòa-cát đó và đòi hỏi những cái không thể cho được, họ mới bỏ mất cái thái-độ thường nhật. Thì ra, sự hòa-cát đó, chẳng qua, chỉ là một thủ-đoạn, chứ nó không phải xuất tự chân-tâm mà ra. Và, đối với kẻ hoạn-bệnh, họ yên-trí rằng, những người ấy, không có kỷ-ức, bởi vậy, họ chỉ hứa hẹn và an-úy cho qua trong một lúc, rồi sau, dẫu có quên đi hẳn, cũng không sao. Để mình - chứng ý-nghĩ của tôi, tôi đã thận-trọng,

xem đi, xem lại, và nhận xét trong nhiều trường hợp, tôi mới để tâm chú ý về sự kiện đó.

Có một lần, một bệnh nhân đã có tuổi, cứ khẳng-khăng bảo, người con của ông ta (mà sự thực thì người con của ông ta đã chết từ lâu, trong trận Âu-chiến), đã gởi cho ông ta một giành quit, ấy vậy mà, y viện chẳng trao cho ông ta. Mấy người khản hộ đều nói dối ông ta rằng: «Đúng thật đấy, con ông có đánh điện thoại đến đây, bảo đã nhờ nhà hàng gửi giành quit tới, nhưng, đến bây giờ, chưa thấy mang lại, có lẽ họ quên chẳng. Thôi, ông hãy cứ đi ngủ đi, sáng mai, thế nào họ chẳng cho đưa lại cho ông.»

Lão bệnh nhân tin vào lời nói của các viên khản hộ, và cầu nhau, cầu nhau mãi, rồi mới chịu đi ngủ.

Hôm sau, tôi đến chỗ ông già bệnh đó và cố tình không dă động tới việc cái giành quit; tuy nhiên, tôi nhận thấy rõ, hình như trong tinh thần ông ta, ông ta đương chờ đợi một cái gì. Lúc đó, tôi đem câu chuyện trên đây ra, để thảo luận với y sĩ Xa-lap-Mỹ. Tôi nói với y sĩ rằng, tuy bệnh nhân đó không nói ra, nhưng trong tiềm thức của người đó, vẫn còn y nguyên cái dục-niệm hồi hôm. Y-sĩ không đồng-ý với tôi về sự nhận xét theo kiểu «Phí-lac-y đưc» (Freud) đó, vì nay nó đã quá cũ rồi, và ông cho rằng, tư tưởng của bệnh nhân chẳng có

hệ thống gì cả, cái dục niệm hồi hôm của người đó, nay đã mất hẳn đi rồi, mà sự bất an hiện tại, chẳng qua, là do một nguyên nhân khác. Vừa hay, lúc đó, khán hộ đến báo cáo rằng, ông già bệnh nhân, bỗng đứng cựa đòi uống nước. Tôi liền giải thích thêm với y-sĩ :

— Thưa y-sĩ, nhất định sự tu dưỡng về học thức của tôi, còn rất nông cạn, nhưng, sự nhận xét của tôi trong trường hợp này, chỉ bằng vào sự thực. Tôi xin mạn phép y-sĩ mà thưa rằng, nếu tôi không lầm thì, khi mà thần kinh của bệnh nhân không được mãn túc, sự kích thích đó có thể sản sinh ra một sự chấn động, sự chấn động này, tới một lúc nọ đó, lại phát sinh ra một thứ dục niệm khác, nó phản ảnh vào bộ thần kinh mà truyền thành một sự xúc động vĩnh-viễn...

— Ô! Đó chỉ là một sự giả định, nó không được khoa học, và cũng không được thực nghiệm chứng minh; bởi vậy, ta không thể lấy thể làm căn cứ được, ông hiểu chưa?

Y-sĩ Xa-lap-Mỹ trả lời tôi như vậy rồi vội vã đi làm công việc khác. Còn riêng tôi, tôi tin chắc rằng, cái việc bệnh-nhân bất - đoán đòi uống nước, và cái dục-niệm về giành

quýt tối hôm trước, có mật-thiết quan-hệ với nhau. Phải, bệnh-nhân bị bất-măn vì cái giành quýt, nên đòi nước uống.

Nghĩ như vậy, tôi tự-động bỏ tiền ra, mua một giành quýt về cho lão bệnh-nhân đó và nói, con ông ta đã gửi lại cho ông ta. Quả nhiên, ông ta không đòi nước nữa, và vui-vẻ bóc quýt ăn, một cách ngon lành. Ông ta trau-chuốt những quả quýt như một thứ quà vô cùng chân-quý; mỗi ngày ông ta chỉ đem ra ăn có mỗi một quả thôi. Trước khi bóc một quả quýt, ông ta cầm nó lên, ngắm-nghĩa mãi rồi mới dám bóc, ăn. Suốt một tuần-lễ, mà giành quýt không hết và, trong cả thời-kỳ đó, ông ta không hề đòi hỏi một thứ gì khác; tinh-thần ông ta rõ ràng đã vô-cùng an-định vậy.

Đối với việc phát - hiện trên đây, tôi rất đỗi cao-hưng. Tôi không dám quả-quyết rằng, việc ấy có thể chứng-minh một cách chắc-chắn, cho cái giả-định của tôi, nhưng tôi tin rằng, rồi đây, tôi, sẽ có một năng-lực, để giúp ích cho bệnh-nhân. Riêng đối với lão-bệnh-nhân này, tôi luôn-luôn chú-ý đến ông ta. Ba hôm, sau khi ông ta ăn hết giành quýt, bỗng, ông ta bảo tôi, ông ta muốn đi ra phố, để mua một vài thứ lặt vặt.

(Còn tiếp)



Trai không vợ

Kịch vui, một màn hai hồi
★ PHÙNG-MẠNH-PHAN

Các vai :

LAN-HƯƠNG, HÙNG, CƯỜNG, DŨNG,

HỒI I

Trong một gian phòng khá rộng, đồ đạc sơ-sài lại không ngăn nắp. Hùng nằm đọc sách, đợi người yêu. Cường đang sửa soạn đi chơi, còn Dũng miệng ca, tay lau đôi giày mới.

HÙNG.— Thôi, mau lên các chú! Các chú đi sớm một chút cho tôi nhờ.

CƯỜNG.— Thế tối, chúng tôi về liệu có gì chèn không?

HÙNG.— Sao lại không? Vì có bao giờ nàng tới mà quên không đem quà lai đầu. Nhất là hôm qua gặp, thấy mình hơi xanh gầy đi một chút, nàng ái ngại, hứa sẽ đem quà tâm bổ cho.

DŨNG.— Chắc lại cam, lê, táo, ăo, toàn những thứ dây sinh tố,

cậu bé sẽ lên cân như điều gặp gió.

CƯỜNG.— Chú kém nàng tới hai mươi tuổi.

HÙNG.— Bậy nào, mười lăm thôi.

CƯỜNG.— Ủ thì mười lăm; có thể mới được chừng như em út.

DŨNG.— Một cậu em út tinh ranh, được ăn ngon còn đòi cả sơ mi nylon, quần dacron, giày da cá sấu.

HÙNG.— Thế cũng chưa bằng cái xe hơi của Lan-Anh.

DŨNG.— Ô, cái xe hơi của Lan-Anh lấy gì làm quá đáng! Cậu phải biết, muốn ăn ngon, đừng có ngại tốn; muốn có áo đẹp, đừng tiếc tiền mua. Còn muốn có người tinh khỏe mạnh

dễ thương, cần phải biết vung tiền qua cửa sổ. Có vung ra nhiều mới mua được trái tim của hạng người như tôi. Mới đây một lão được-sĩ triệu phú, tối ngày chỉ lo tụng kinh niệm Phật bị vợ cho mọc sừng. Nàng ký sẵn cho tờ một tờ ngân phiếu, để trống số tiền, mặc tờ viết lấy bao nhiêu cũng được. Tờ đang tìm một cái biệt-thự, ở một nơi nào kín đáo cho các bà ấy đến đỡ bị dòm ngó, tiện cho mình dễ làm ăn, sinh sống.

CUÔNG.— Tôi cũng được yêu, được các nàng chiều chuộng như các anh, nhưng tôi không bao giờ làm tiền họ, trả lại, còn lỗ là khác. Bởi vậy, không ai cười tôi vì tôi nhân đạo hơn các anh một bậc.

HÙNG.— Trời ơi, cậu mà nhân đạo ư? Thế Xuân-Lan, Thu-Cúc đâu? Lệ-Thủy, Kiều-Liên đâu? Còn, còn nhiều cô nữa đã khổ sở vì cậu, đau đớn vì cậu.

DỪNG.— Hoen ố vì cậu. Tầm thân của họ đâu có rẻ. Nghìn vàng! Nghìn vàng, biết chưa? Vậy cậu đã phá bao nhiêu của và đã trả đập lên bao nhiêu trái tim non nớt.

CUÔNG.— Tôi có cố ý hại ai đâu. Tự họ, họ lẳng mạng quá, ham vui quá. Họ muốn lẳng mình vào chỗ chết, tôi cho chết. Và lại, nếu họ không mắc với tôi thì cũng đến mắc với người khác.

HÙNG.— Cậu không thể cải bậy thế được. Cậu phải nghĩ: nếu

mình không cảm dỗ họ thì họ vẫn còn nhị khoe tươi.

DỪNG.— Đúng thế. Tôi cũng nghĩ như anh nên tôi có dám gần các cô gái non đầu. Bạn tôi, toàn là các bà đã có chồng, có con, nhưng lòng đầy dục vọng, khiến tôi phải giúp... .

CUÔNG.— Vâng, anh giúp cho người bằng cách làm cho gia đình người tan nát, con mất mẹ, vợ phản chồng. Nhưng gặp phải chàng sở như anh, cho hạng đàn bà hư ấy mới đáng. Anh thiệt tàn nhẫn quá!

DỪNG.— Thì cậu cũng thế.

CUÔNG.— Tôi chỉ làm tội những cô gái hư.

DỪNG.— Tôi cũng chỉ hành những người đàn mất nết.

CUÔNG.— Tôi có một điểm tốt gỡ lại là trước khi xa cô nào tôi lại tìm cho họ một người thay thế tôi, để an ủi họ, nhiều cô đã nhờ tôi mà khỏi mang bầu vô chủ, nên họ cảm ơn tôi lắm.

HÙNG.— Các anh vô lương tâm quá. Các lý-luận cùn của các anh không đủ bào chữa tội các anh được. Tôi không làm cho ai đau đớn như các anh đã làm. Trái lại tôi chỉ tìm những linh hồn lẽ-loi ấy vô-về, nâng-niu họ. Những linh hồn ấy là ai? Là gái muện chồng, hoặc những góa phụ đầy sinh-lực. Không ai có quyền Lắt họ phải ở vậy để chịu đựng mãi sự đòi hỏi... Họ là những

người rất đáng thương vì khi các anh dối, các anh có biết tìm ăn, khát tìm uống không?

DỪNG.— Anh thương người sao không lấy người, mà nay cũng bà này, mai cũng bà khác?

HÙNG.— A, thương là một việc, yêu lại là một việc khác. Lấy mà không yêu thì lấy làm gì cho khổ cả hai.

CUÔNG.— Sao anh không tìm những người trẻ mà thương như tôi có hơn không?

HÙNG.— Như anh à? Yêu hoa, bẻ hoa, rồi bỏ chứ gì? Tôi không nhẫn tâm thế được, vì tôi không bỏ ai; bỏ là mất, của thêm là của được. Và lại, tôi không chiều được những cô gái non. Tôi ưa người lúống tuổi để được chiều hơn là phải chiều.

(Chợt có tiếng gõ cửa phía ngoài)

— Nàng đã đến! Bà Hoàng của tôi đã lại!

Khô quá! Tôi đã bảo các ông đi sớm cho tôi nhờ một chút, không đi. Bây giờ các ông mặc quần áo mau lên, mặc xong, tôi ra mở cửa, các ông chuẩn ngay nhé.

(Lại có tiếng gõ cửa)

HÙNG (nói vọng ra) Vâng, xin chờ một chút tôi ra ngay.

CUÔNG.— Ai lấy đôi dờ của tôi rồi?

HÙNG.— Thế có chết tôi không. Ông định bắt tôi chờ đến bao giờ nữa. Xin ông lấy dờ của tôi mà đi vậy.

DỪNG.— Có anh nào mượn cái áo sơ-mi của tôi không? Tờ mới cheo đây hòm qua mà.

HÙNG.— Tôi van hai ông đừng đưa rai nữa.

(Tiếng gõ cửa gấp hơn)

— (nói vọng ra) Tôi ra đây.

CUÔNG.— Nhớ để dành quà cho các anh nhé.

HÙNG.— Vâng xin mời hai ông ra cho mau lên! Chóng tối về, sẽ có quà hậu tạ.

DỪNG.— À? cậu nói hộ, nhờ nàng tìm giúp chúng tôi mỗi đứa một người, cho có cặp nhé.

(Tiếng gõ cửa mạnh hơn, Cuông, Dừng mặc quần áo xong theo Hùng ra cửa).



HỒI II

Hùng ra mở cửa Lan-Hương vào.

LAN-HƯƠNG.— Thưa ông, đây có phải hội quán « Hội Trai không vợ » không ạ?

HÙNG.— Dạ, thưa phải. Cô muốn hỏi gì xin mời cô vào.

(Lan-Hương vào, trước sự ngạc nhiên của Cuông, Dừng)

HÙNG.— Mời cô ngồi và xin giới thiệu; đây là hai đồng chí của tôi: anh Cuông, sinh viên luật-khoa. Anh Dừng, sinh y khoa. Tôi là Hùng, Nguyễn-mạnh-Hùng bạn được khoa. Còn cô là...

LAN-HƯƠNG.— Lan-Hương.

HÙNG, CUÔNG, DỪNG: Chúng

tôi lấy làm hân - hạnh được biết.

LAN-HƯƠNG.— Thưa ba ông, ba ông có vui lòng cho tôi được hầu truyện vài phút không ạ?

HÙNG.— Sao lại không? Trái lại, chúng tôi còn lấy làm sung sướng được đón tiếp cô là khác.

LAN-HƯƠNG.— Thế mà tôi cứ tưởng tôi không được cái may mắn ấy, vì nghe tên hội. Tôi chắc các ông không bao giờ chịu giao thiệp với phái yếu chúng tôi.

CƯỜNG.— Chúng tôi đâu dám thế, vì không lấy vợ.

DŨNG.— Là không lấy vợ. Còn tiếp người đẹp, vẫn là bổn phận chính của chúng tôi.

LAN-HƯƠNG.— Bổn phận chính của các ông?? Sao lại thế nhỉ. Tôi tưởng cái đó ở học đường có đấy. À, có lẽ, phải rồi, họ nói không sai. Ngoài, họ đồn đây là cái động, cái động của... xin lỗi ba ông, của mấy con yêu râu xanh đã chôn vùi nhiều cô non lòng, nhẹ dạ.

HÙNG.— Úy, trời đất ơi, ai mà ác tâm đặt điều vu khống chúng tôi như vậy?

CƯỜNG.— Cô nên biết, chúng tôi đều là sinh viên đại học, chứ đâu phải tà ma, yêu quái.

DŨNG.— Chúng có hiền nhiên cho cô thấy là ở đây, không ai có râu xanh.

LAN-HƯƠNG.— Vâng, chúng tôi cũng biết thế vì các ông đều

là người có học khá, hơn nữa, ông nào cũng tuấn-tử, khôi-ngô, hiền lành, phúc hậu.

HÙNG.— Dạ, thưa cô, đúng đấy ạ.

LAN-HƯƠNG.— Nhưng không hiểu sao, từ lúc vào đây đến giờ, tôi thấy hồi-hộp, lo sợ. Tim tôi đập...

DŨNG.— Thưa cô, theo ý học cho biết, nếu người ta tim không đập thì hết thở, hết thở thì hết lấy chồng.

LAN-HƯƠNG.— Ông này hay nhỉ. Tôi có phải là trẻ con đâu mà ông đùa thế? Tôi không bằng lòng nói chuyện với các ông nữa tôi về đây.

(vùng vằng đứng lên định về)

CƯỜNG.— Xin lỗi cô, anh em chúng tôi vui tính, đùa thế thôi, chứ thật ra, miệng rộng, tâm Phật.

HÙNG.— Chẳng thế, vừa được cô khen, hiền lành, phúc hậu.

DŨNG.— Tuổi trẻ là tuổi vui đùa, nếu không mau già, cô ạ. Vả lại, chúng tôi quen tính, ở trong nhà thì đùa như cưỡi, nhưng ra đến ngoài, ai nấy cũng đạo-mạo, đứng-đắn, để giữ tiếng cho hội.

HÙNG.— Hội chúng tôi được tiếng lắm. Đơn xin nhập hội mỗi ngày mỗi đông. Số hội viên hiện nay đã lên tới trên 3 triệu.

CƯỜNG.— Trong số đó đủ mặt các cô, các cậu nam phụ, lão ấu có tiếng ở đó thành. (Lan-Hương

chạy vội ra cửa, nhưng bị Dũng cản lại)

DŨNG.— Sao cô vội về thế?

LAN-HƯƠNG.— (Tôi vào nhầm nhà điên.

HÙNG.— Chúng tôi có điên đâu?

LAN-HƯƠNG.— Không điên mà lại nói cả nam phụ lão ấu, lẫn các cô xin nhập hội?

CƯỜNG.— Có không hiểu, để tôi giảng cô nghe. Có nhiều cụ ông bị cụ bà ức hiếp, đến xin làm vĩnh viễn hội viên để ủng hộ lập trường tranh đấu của chúng tôi. Còn các cụ bà, nhiều cụ có con trai bị vợ bắt nạt, hằng ngày lấy giày sỏi mũi lòi đi. Các cụ phản thương con, phần sợ đau, phải đến cầu cứu hội che chở. Một khi các cụ đã quá thích rồi, tất nhiên các cụ xin luôn cho cả con cháu vô hội mặc dầu chúng còn hơi sữa.

DŨNG.— Còn các cô cũng xin vào hội đông, như trường hợp của cô chẳng hạn.

LAN-HƯƠNG.— Các ông không loạn óc thì cũng gần sát sách mới lý luận như thế. Tôi có thêm vào cái hội quái gở của các ông đâu mà các ông hiểu lầm như vậy?

HÙNG.— Thế cô đến đây làm gì?

LAN-HƯƠNG.— Tôi đến xin dùm cho thằng em tôi vào hội vì, nó cũng dở hơi như các ông,

CƯỜNG.— Không, đấy mới là người khôn.

LAN-HƯƠNG.— Nếu nó khôn nhà tôi đã có phước. Nó ngộ nghịch và bướng bỉnh lắm. Ba má tôi có mình nó là trai, nên cưng nó lắm. Người muốn cho nó lấy vợ sớm để mong cho có cháu bé, nhưng nó nhất định không chịu. Người năn nỉ nó, có lần phải khóc với nó, nó cũng không nghe. Nó kêu lấy vợ là mất tự do và muốn tôn thờ chủ nghĩa độc thân như các ông.

DŨNG.— Cậu em nhà thật thông minh, sáng suốt.

LAN-HƯƠNG.— Vâng, nó sáng suốt ở chỗ hết theo cô này đến theo cô khác. Thế mà tôi cứ tưởng nó không lấy vợ thì chắc nó ghét các cô mặt hoa, da phấn lắm. Nhưng không, nó cũng như các ông thấy gái như mèo thấy mỡ. Rồi nó đi theo người ta để tán hót và cố tìm cách cảm dỗ cho kỳ được. Nhờ đẹp trai ăn nói hoạt bát có duyên nhiều cô mắc bẫy với nó. Nếu lỡ có bầu mà lại tìm nó, nó tìm đường xa chạy, cao bay!

CƯỜNG.— Đại trai, hư hỏng thì cho chết.

LAN-HƯƠNG.— Nhưng tội do ai gây ra trước? Tôi cần phải lên án hạng thanh niên mất dạy và vô nhân đạo đó. Tôi khinh chúng vô cùng. Đàn bà con gái chúng tôi phải phản đông nhẹ dạ, để tin người nhất là các cô mới bước chân vào đời. Vả lại có trường nào, nhà nào lại dạy cho con gái biết được những mưu mô

Quỹ quái của bọn Sở khanh đầu. Buồn thay, thằng em tôi, nó cũng có học như các ông, lại ở vào trong cái hạng thanh niên bỉ ổi đó. Nếu nó biết nghe lời ba má tôi mà lấy vợ, thì ngày nay, đầu đến nổi bề tha, trụy lạc.

HÙNG.—Lấy vợ ư? Hừ, lấy vợ! Thà đề cậu ấy giết người trước, hơn là để người dìm chết dần mình trong hỏa ngục.

DỪNG.—Kìa, cô hãy nhìn sang bờ bên kia xem, cô có thấy anh chàng mặt mũi hốc-hác, da xanh bủng, tay cầm thang thuốc, tay dắt 2 đứa trẻ, đang bo-phờ, thất thểu đi đó không? Cô trông cái dáng điệu đó có đáng thương hay không? Cô thử ra hỏi xem, nếu anh chàng xấu số đó không có vợ rồi, thì cô cứ đem đầu lủ tôi ra mà chặt.

CƯỜNG.—Cô lại thử nhìn thanh niên nọ, nếu có vợ rồi, thì làm gì mà được vui-vẻ có làng da hồng-hào, khỏe mạnh đến thế kia? Bây giờ, ta thử so-sánh hai người, hai cái thứ cực khác nhau, ai là người đầy nhựa sống?

LAN-HƯƠNG.—Có phải vì thế mà các ông không lập gia đình không?

HÙNG.—Lẽ cố nhiên rồi.

LAN-HƯƠNG.—Thế các ông cứ bám vào đuôi chúng tôi làm gì?

DỪNG.—Cô có ở rừng đầu mà có đuôi?

LAN-HƯƠNG.—Các ông thật ích kỷ hèn nhát, đáng khinh lắm.

Các ông không lấy vợ tôi tưởng để đi tu, hay để phụng sự cho một lý tưởng nào cao quý hơn như bảo vệ lấy non sông đất nước, khi có biến chẳng hạn. Nhưng không, các ông sống không vợ, không gia đình để lẫn mình vào nhục dục, giết hại bao nhiêu đàn bà, con gái.

CƯỜNG.—Chúng tôi đâu có phải là hạng người như thế. Cô quên vừa mới khen chúng tôi là hiền lành phúc hậu ư?

DỪNG.—Chúng tôi không muốn lấy vợ vì chúng tôi không muốn mất tự do.

LAN-HƯƠNG.—Các ông muốn tự do ư? Xin lỗi các ông, tôi muốn đẩy xéo lên cái tự do ấy, cả cái chủ nghĩa độc thân của các ông nữa. Các ông không muốn vướng víu vào gia đình, vậy nếu không có gia đình, làm sao có các ông? Các ông có hiểu gia đình là gì không?

HÙNG.—Thưa, gia đình là ông già, bà già, sanh ra ông trẻ, bà trẻ, ông trẻ, bà trẻ lại sanh ra một lũ tỷ nhau.

CƯỜNG.—Lũ tỷ nhau ấy, khi còn nhỏ, ở nhà, thương hay choảng nhau vì miếng ăn. Lớn lên, chúng lại thoi nhau vì cửa, hay vì tình.

DỪNG.—Rồi trai lấy vợ, gái lấy chồng. Người đàn ông là con trâu kéo cây trả nợ. Chị đàn bà là thông giấy vào mũi con vật lỏi đi. Cũng vì thế nên chúng tôi thù gia đình, ghét gia đình đó.

LAN-HƯƠNG.—Các ông hẹp hòi, nhỏ mọn quá. Tôi không ngờ người như các ông vẫn chưa hiểu gia đình là gì.

Gia đình là một cái thế giới nhỏ có một người đàn ông và một người đàn bà, gắn bó với nhau bằng huyết thống. Họ dựa vào nhau, trồng cây vào nhau mà sống, để rồi lại đẻ cái, sinh con. Họ phải nuôi dạy chúng. Đến khi nào chúng lớn khôn lên, chúng lại gây dựng những gia đình khác, để loài người cứ tiếp tục nhau mà sinh sống đến ngày nay.

Vậy gia đình giữ một địa vị quan trọng giữa loài người. Nó là một tiêu tổ đầu tiên của một cái xã hội nhỏ. Nhiều cái xã hội ấy hợp thành một nước. Bởi vậy nên quốc gia nào cũng lấy gia đình làm gốc. Gia đình có ảnh hưởng lớn đến quốc gia là thế, gia đình lại là cái giây liên lạc để giảng huộc người ta một cách chặt chẽ hơn. Người không có gia đình như không có tổ quốc. Hiểu được nghĩa như vậy, nên không thiếu gì người nghèo hèn, ít học hơn các ông nhiều mà họ vẫn vui vẻ chịu thành lập gia đình.

Các ông, các ông không có gia đình tức là không có một chút tình thương nào trong huyết mạch, các ông mới bóng lũng, sa ngã. Các ông không phải là người biết yêu nước, muốn cho nước giàu, dân mạnh, vì nếu ai cũng không chịu lấy vợ như các ông, thì nước Việt-

Nam mình lâu dần sẽ bị mất giống.

HÙNG.—Không, nước Việt-Nam mình không thể bao giờ mất giống được, vì số người khôn, thông minh, sáng suốt, không chịu lấy vợ như chúng tôi vẫn có ít.

DỪNG.—Còn hạng người chịu để cho đàn bà số giây vào mũi lỏi đi vẫn nhiều, nhiều lắm. Vậy cô đừng lo ế chồng.

CƯỜNG.—Nếu lỡ có ế, tôi xin bảo vệ, bảo vệ đến cùng.

LAN-HƯƠNG.—Này, tôi không đùa với các ông đâu nhé.

HÙNG.—Chúng tôi có phải trẻ con đâu mà đùa.

CƯỜNG.—Nghe cô diễn thuyết chúng tôi lại muốn lấy vợ quá.

LAN-HƯƠNG.—Tôi không muốn nói với lũ điên nữa (Lan-Hương giận rồi, ra cửa, nhưng bị Cường, Dũng chặn lại).

DỪNG.—Cô đi về làm sao được.

LAN-HƯƠNG.—Ồ hay nhỉ, các ông định bắt cóc tôi chắc. Các ông định làm gì tôi? Các ông muốn giam giữ tôi đến bao giờ?

CƯỜNG.—Chúng tôi không dám giam giữ cô. Nhưng cô vừa bảo chúng tôi điên thì, chúng tôi muốn mời cô ở lại xem chúng tôi có thực loạn óc hay không, thế thôi.

LAN-HƯƠNG.—Tôi không phải là bác-sĩ.

HƯƠNG.— Nhưng cô cũng có thể hiểu được thế nào là điên.

LAN - HƯƠNG.— Các ông có muốn tôi là, kêu lính không ?

DŨNG.— Bớt ở đây xa, đường lại vắng, làm gì có lính mà kêu.

LAN-HƯƠNG.— Tôi kêu hai bên hàng xóm.

CƯỜNG.— Trường ở đây đây, hơn nữa, họ lại đi vắng cả.

LAN-HƯƠNG.— Các ông thực là yêu tinh.

HÙNG.— Vâng, nhưng con yêu tinh đa tình và hiền hậu.

CƯỜNG.— Nay muốn yêu và mong được yêu.

LAN - HƯƠNG.— Thế này là cái quái gì ! Đây không phải là cái sân khấu cho các ông đóng trò và tôi cũng không phải là người diễn kịch.

DŨNG.— Chúng tôi biết cô là Lan-Hương mà.

HÙNG.— Tên cũng hay, người cũng đẹp, nhưng tính thì...

LAN-HƯƠNG.— Thì làm sao ?

HÙNG.— Đáo đề và đánh đá quá Ạ.

LAN-HƯƠNG.— Có thể mời khỏi bị các ông ăn thịt.

CƯỜNG.— Chúng tôi không ăn thịt đâu, nhưng quyết giữ cô lại để ngắm.

LAN-HƯƠNG.— Các ông có chắc giữ tôi được mãi không ?

HÙNG.— Sao lại không ?

LAN-HƯƠNG.— Thế con chim

xanh này, dễ không biết vỗ cánh bay qua cửa sổ sao ?

CƯỜNG.— Nếu chúng tôi đóng hết cửa lại.

LAN-HƯƠNG.— Thì nó sẽ bay vào trái tim anh nào đặt ra cái hội kỷ cục của các anh.

DŨNG.— Tôi xin từ chức tổng thư ký và ra hội luôn.

CƯỜNG.— Đả đảo hội « trai không vợ ».

HÙNG.— Lấy vợ muôn năm !

LAN-HƯƠNG.— Muốn năm ?

LAN-HƯƠNG.— Thế này thì tôi biết chọn ai ?

DŨNG.— Hay là ...

LAN-HƯƠNG.— Hay là làm sao ?

DŨNG.— Hay là chúng tôi chung nhau vậy ?

LAN-HƯƠNG.— Bậy nào, tôi không thích các anh nói nhảm thế mãi.

CƯỜNG.— Tôi đề nghị rút thăm.

HÙNG.— Xin đồng ý.

LAN-HƯƠNG.— Không được, tôi có phải món quà xỏ sổ của các anh đâu. Các anh làm như vậy, đủ tỏ các anh chưa thật lòng với tôi. Các anh phải thể đi mới được.

HÙNG - CƯỜNG - DŨNG. — Chúng tôi xin thề.

LAN-HƯƠNG.— Thề cái gì, sao các anh không nói ? Và, vừa thề lại vừa cười như vậy, không được. Hay tại ngó thấy tôi, các anh mắc cỡ, không thể được.

Phải vậy tôi cho các anh quay cả mặt vào tường mà thề, nếu không, tôi đi.

Nào, hãy xếp lại thành hàng, quay cả mặt vào tường, giờ tay lên thề ngay đi.

HÙNG.— Nếu chúng tôi thề rồi, cô xử ra sao ?

LAN-HƯƠNG.— Trong lúc các anh thề, tôi cũng hỏi tim tôi xem nó ngã về ai đã.

Thế là em chứ ? Được rồi, vậy thề đi.

(Hùng, Dũng, Cường đứng thành hàng, quay lại giờ tay thề.)

HÙNG DŨNG CƯỜNG. — Chúng tôi xin thề ...

(Trong lúc đó thì Lan-Hương chuồn ra cửa cười chế nhạo).

LAN-HƯƠNG.— Các anh cứ thề đi nhé, để tôi ra ngoài hừng gió đây. (Hùng, Dũng, Cường quay lại đuổi theo gọi vói)

HÙNG.— Lan-Hương !

CƯỜNG.— Lan-Hương ! Lan-Hương !

DŨNG.— Tôi gửi cô cái giấy cho cậu em nhập hội này.

(Màn hạ vừa lúc Dũng tới cửa gọi L.H.)

★ BÀI TOÁN CON RUỒI

Có Giáo hội học-trò lớp Đệ thất :

— Nếu có 10 con ruồi đậu trên bàn của em, mà em đập chết 1 con, thì còn lại mấy con ?

Một em trả lời :

— Thưa, còn 1 con ạ.

— Sao lại 1 con ?

— Thưa cô, chỉ còn con ruồi chết, chứ 9 con ruồi sống bay mất, đâu còn nữa !

★ YÊU MÃI MÃI ... VÀ YÊU LUÔN LUÔN

Văn - sĩ Jacques Deval nói :

« Ít có người đàn-bà nào hiểu rằng : mình sẵn sàng yêu họ mãi mãi, không có nghĩa là mình sẵn sàng yêu họ luôn luôn ». (Il est bien rare qu'une femme comprenne qu'être prêt à l'aimer toujours, n'est pas être prêt à l'aimer tout le temps).

BA - TÈO



Những người Đột Mực

L.T.G.— Các nhân vật trong bát này nếu có trùng tên với quý vị nào, chẳng qua chỉ là tình cờ. Chúng tôi tuyệt nhiên không có ý ám chỉ một ai.

Mong quý đọc giả hiểu cho.

★ NGUYỄN - THU - MINH ★

(Xem từ P. T. số 1)

BỔNG giây phút cường đại thương lệ vì thói quen như ở nhà hay những nơi vũ trường bực khởi, tôi quên cả đắn đo, suy nghĩ, đưa tay ra ôm choàng lấy người Alice-Lan kéo sát vào lòng môn trôn, và đặt những cái hôn nồng cháy lên môi, lên cổ, lên má nàng đầy khoái cảm!

Mà chính nàng cũng quên cả ý tứ giữa nơi công cộng như tôi, để say theo nhịp điệu của lòng trai gái đôi mươi truyền cho nhau từng hơi thở, mạch máu căng phồng lên...

Sau một hồi hã-hê, tôi và nàng

từ từ buông nhau ra để trở lại mức bình thường, liền bắt gặp những tia mắt soi mói khác thường của mọi người hướng về chúng tôi, khiến tôi ngượng ngùng vô cùng khi nhớ lại những cử chỉ âu-yếm của chúng tôi biểu lộ quá mức hẳn theo lối tây-phương mà ở những nơi này không bao giờ cho phép.

Nhưng, chỉ trong giây lát rồi cũng qua đi, dành cho những nỗi ngậm ngùi, buồn khổ lẫn áp. Nước mắt nàng lại trào ra dàn dụa, khiến mọi người cũng mũi lòng lay theo mà quên tất cả những cái gì ban nãy họ cho chúng tôi là lố lăng quá trớn...

Tiếng động cơ bắt đầu nổ, báo hiệu sự lên đường, xen lẫn lời thúc dục của anh tài xế mời hành khách lên xe, tôi mới nhớ ra rằng cuộc chia ly giữa chúng tôi đã đến lúc... buồn tha nhau không kèn không trống, đường ai nấy đi! Biết vậy, nên tôi quá cảm động, đưa tay ra vuốt hai má nàng và hứa hẹn đầy những lời gấm bó keo sơn cho nàng an lòng:

— Thôi, Lan... ở lại... nhé! Anh tạm... từ già... Lan vậy. Có gì hãy viết thư cho anh; cứ theo địa chỉ ở sở làm như em đã biết! Đừng buồn nữa!...

Alice-Lan khẽ gật đầu đáp nhỏ gần như không ra tiếng:

— Vâng, anh đi... vui về!

Giọng nói của nàng, nghe mới ảo não, thấm thía làm sao, tôi nghiệp nang quá! Giá tôi có được phép thuật gì nhiệm màu, tôi sẽ làm cho nàng sung sướng, vui tươi lên ngay, tôi sẽ nhìn nàng với tất cả thương yêu tình cảm của một Người đứng nghĩa Người! Tiếc rằng tôi tầm thường quá, cuộc đời cũng tầm thường quá, đã chung sức nhau làm nàng khổ! (?)

Alice-Lan đặt tay nhẹ lên vai tôi như van lơn và nói trong nghẹn ngào; tiếp theo vẫn là hai dòng nước mắt chạy dài xuống má:

— Anh hãy giữ lấy chiếc khăn tay này của em gọi là vật kỷ niệm... ngày sung sướng nhất, chúng ta đã sống bên nhau nơi đồng quê

êm tỉnh này! Và để nhớ tới em — người con gái — bạc phước giữa cõi đời đầy đau thương, man rợ!

Ngừng một lúc nàng lại tiếp: — Đáng lẽ em không nên tặng khăn mới phải, vì người ta thường nói rằng tặng khăn cho nhau không tốt. Nhưng, đối với em hiện giờ có gì khác nữa đâu, và lại chiếc khăn này có lắm kỷ niệm đối với em; nó đã ướp rất nhiều nước mắt vui buồn giữa anh và em trong những ngày vừa qua...

Lời nói của Alice-Lan đến đây cũng vừa đúng lúc xe bắt đầu chuyển bánh, và tôi chỉ còn biết thốt ra câu cuối cùng từ già và cảm ơn nàng.

Nhìn lại bóng dáng yêu kiều, đầm chiêu của nàng đứng trông theo đến khi xe khuất dạng trong đám bụi mờ, tôi cảm thấy bồi ngùi, thương - thương nàng vô cùng, tôi rất hối tiếc đã sơ sót đối với nàng về những cử chỉ tuy nhỏ nhặt không đâu, nhưng đã làm nàng buồn, khổ, nghĩ ngợi.

Ngồi trên xe mà lòng nao-nao... băn khoăn vô có, từ chuyện Alice-Lan đến chuyện làm ăn, gặp gỡ bạn bè khi trở lại phải ăn nói sao đây. Nhất là đối với Thành và Hoàng về những cái phải bắt đầu trên địa hạt tình cảm, v.v... Cứ thế mà quanh đi quẩn lại suốt quãng đường dài mấy trăm cây số, mãi khi về đến Sài Gòn vẫn chưa thôi!

Hình ảnh Alice-Lan cứ vương vất, ám ảnh tôi mãi bởi những

ngày qua lần chiếc khăn tay không hương vị «đỏ thành», nhuộm đầy nước mắt, nước mũi của nàng đọng thành những quãng vàng ối mà nàng bảo là vật quý... kỷ-niệm. Suốt đêm đầu tôi về lại Saigon, ngủ vùi cõ lòng trống rỗng, chiếc gác hẹp hòi cô độc trọn vẹn của con người đôi mươi.



Chiều ngày hôm sau, chẳng hiểu lấy tuyền ở đâu mau chóng đến thế, mà Hoàng, Thành kéo nhau đến thăm tôi ngay, và la o lên về chuyển đi đột ngột vờ qua cửa tôi. Thôi thì tha hồ hai người lên mặt lên mũi, bày khôn, vẽ khéo, tôi vẫn thản nhiên ngồi nghe không một lời cãi chính phải, trái.

Và khi mà phút nao nức, cao hứng ấy lắng xuống theo ánh đêm về, Thành và Hoàng bèn kéo tôi đi vòng quanh các ngã đường đô thị chiêm ngưỡng giai nhân thời đại cùng ghé các phòng trà-ca-nhạc thưởng thức những hình ảnh lạ, những câu chuyện vụn vặt tình ái lẽ của mấy anh chàng si đào hát tuồng «cải cách», bộ ngực vĩ đại vừa un đúc rừng núi Đălạt về, gió biển Nha trang vô, cho bằng được.

Đang buồn sẵn, lại gặp dịp thao túng để quên sầu khổ, nhớ thương, tôi đã vui chơi say sưa theo Hoàng, Thành đến cái độ bất cần hay, dở, phải, trái, buồn vui... Chỉ biết trước mắt ba chúng tôi là rượu nồng, hương phấn, da thịt đàn bà!

Điềm đạm hơn bao giờ hết là vẫn cái phòng trà-ca-nhạc ở đường Trần-hưng-Đạo... Chúng tôi vừa đặt chân vào nơi ngưỡng cửa đã phải công nhận ngay rằng mỗi ngày mỗi tiến bộ, thay đổi cú pháp «leo đèo ngang» đúng như cảnh trong thơ của Hồ-xuân-Hương..., đôi khi còn gợi tình hơn là khác.

— Bước đi đâu mà nghênh ngang thế, ba thằng kia.

Chúng tôi nghe hơi chường tai vội quay lui lại xem thử lời nói ấy từ đâu «bay» ra thì chẳng ai xa lạ cả; mấy ông bạn trời đánh của chúng tôi thường lệ chào nhau như vậy.

Thế là chúng tôi cứ việc xen vào nhập bản đề tán phết luôn thể. Khởi cần hỏi han gì hết, Hoàng liền vào chuyện và chỉ ngay nàng ca sĩ Thanh-Hương:

— Cậu thấy nó sao? Đi nghỉ mát Đălạt về vẫn còn xinh đấy chứ!

Ông bạn vừa hỏi chúng tôi ban nãy khế nhún vai, mím miệng đáp:

— Người ta nói «trông gái một con đến mòn con mắt» mà cậu còn hỏi gì nữa.

Ngừng một chốc như đề hồi nhớ điều gì, ông bạn lại tiếp, lần này có vẻ «khí khái» hơn một chút:

— Điều nó hơi xanh cậu ạ. Thế là nồng một đời «con gái»!...

Một ông bạn khác xen vào:

— Uống mẹ gì, bộ nó mới hơ

hồng đây sao? Cậu cứ nhìn ngay cái nốt ruồi bên mép nó là đủ hiểu con người sao rồi! số dách về nhục dục thì đâu còn đợi chờ đến tuổi hai-mươi-mốt, hai-mươi-hai. Trong khi đó Hoàng xoay lại tôi hất hàm hỏi:

— Ngày này cậu đã xem tờ «Ngày Cũ» chưa? Loạn một tin về cô ả thật là động trời!...

Tôi lắc đầu tỏ vẻ thắc mắc:

— Nói gì trong ấy?

— Cậu không biết gì cả sao? Nó bảo rằng cô ả đau chứng bệnh đầy ruột, nên phải lên đồi gió ở Đălạt cho có đủ sức khỏe để rửa.. ruột!

Chúng tôi đều cười rộ lên, rất khôi hài, hòa lẫn tiếng nhạc, giọng ca mê ly, cuồng loạn của nàng ca-sĩ Thanh-Hương.

Nhạc vẫn trôi đều giữa bầu không khí ồn ào, náo nhiệt của khách đến thưởng thức,

Tôi đưa mắt đảo quanh một vòng xem thử có «giai nhân» nào mới nhập tịch theo đúng như lời xứ Thành, Hoàng không thì quả. Đó đây từng nhóm, cặp ngồi sát vai nhau môi kề rí rả lời hoa bướm. Thỉnh thoảng rit lên những trận cười man rợ, giọng nói còn đồ:

— Ô, chúng mày thì làm được cái đ... gì chúng nó. Chỉ có tao đây này.

— Mày cứ tưởng bở...

Giữa lúc tôi đang mãi tìm hiểu thú vui... của mọi người thì Thành lay vai tôi:

— Tối nay, cậu có biết còn thiếu những tay nào nữa không? Tôi lắc đầu:

— Tớ xin chịu, để nhường cho cậu là tay «thỏ công» ở đây thôi.

Nghe vậy, Hoàng liền nhìn ngay vào mặt tôi cười lên hạ hạ:

— Cậu mà đành chịu à? Minh cứ ngỡ là cậu rõ hơn ai hết chứ.

Trong lúc tôi đang đi từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác vì những câu đùa của chúng bạn, Thành vẫn giữ vẻ điềm tĩnh, khôi hài ý nhị sau khi đã hợp qua ly la-de 33 lạnh chát miệng:

— Thiếu người đẹp của cậu chứ ai nữa. Có lẽ tối nay anh chàng nhạc sĩ... đưa đi nhà bè ăn chè rồi!

Thái, tên ông bạn đùa ba chúng tôi ban nãy lúc mới bước vào đây, bây giờ mới lên tiếng xen vào góp vui:

— Ủ, các cậu nói ra mình mới nhớ, lúc vào đến giờ mình cũng cảm thấy thiếu-thiếu cái gì mà không hiểu được. Hồi chiều này mình vừa gặp cô ả đi chơi với thằng... ấy, trông cô nàng ra vẻ hãnh diện lắm.

Tôi hơi buồn, và không muốn chúng bạn đùa đến người ngày trước — dù hay dù dở cũng vậy — giữa nơi công cộng không mấy đẹp này, vội kiếm cách chấm dứt:

— Các cậu đùa, nói gì mình cũng chịu, nhưng cho mình xin, đừng đùa động đến cô ta gì hết.

(Còn nữa)



★ **HỌC BÁO TRAU GIỎI ANH NGỮ.** — Chủ-nhiệm : Lê bá Kông.

Chúng tôi được tin tờ «Học báo trau-giỏi Anh ngữ» vừa được phép xuất bản. Mục-dịch tờ báo này là hướng dẫn đồng bào đã học qua một hai năm Anh ngữ, đã nói và viết được tiếng Anh, thường đàm đề tiến sâu vào chi tiết và tinh-tế hơn của môn sinh ngữ này. Ngoài ra còn có những mục thường xuyên như bài: Việt-Anh, ngữ-vựng, văn-phạm v.v... Rất cần cho các thí sinh T. H. Đ. N. C. và Tú tài I và những ai muốn luyện về môn sinh ngữ này. Thành thực chúc quý đồng nghiệp thành-công.

★ **MÙA HOA PHƯỢNG.** — của Duy-Cường và Duy-Mạnh.

Nhạc phẩm du dương, êm đềm do hai nhạc sĩ danh tiếng sáng tác.
— Trình bày đẹp — Giá 7đ.

★ **NGHỆ THUẬT HỘI HỌA CỦA NGUYỄN-DU TRONG TRUYỆN KIỀU** của Xuân-Dương.

Ngoài cái giá trị văn chương của chuyện Kiều, chúng ta còn nhận thấy thi-sĩ Tiên-Điền còn là một họa-sĩ duyên dáng và đáng yêu trong các đoạn văn tả cảnh và tả người rất đặc sắc của ông, qua sự nhận xét tế nhị của giáo sư Xuân-Dương. Sách dày 43 trang — Giá 18đ.

★ **VĐ TRỮ HỌC** của Thanh Quang (Đại Đồng xuất bản)

Tập sách nghiên cứu về các nguyên nhân cấu tạo thành vạn vật và mọi hiện tượng trong hoàn-vũ. Biên soạn công phu, giảng nghĩa rõ ràng — Dày 61 trang — 19đ.

★ **VĂN CHƯƠNG LƯU LOÁT SỨC TÍCH HÙNG HỒN** của Nguyễn Hữu Thanh - Quang (Việt-Hoa xuất bản)

Một tập sách nhỏ trình bày phương pháp dùng danh từ xác đáng trong lúc nói chuyện cũng như lúc hành văn. Sách dày 161 trang — 39đ.

KIÊN TRINH

Truyện dài của cô VÂN-NGA

Kính thưa bạn,

Bạn đừng vội thắc mắc chuyện này có thật hay không vì nó do sự tưởng tượng của tác giả. Những nhân vật trong chuyện nếu bởi một tình cờ nào đó có trùng tên với ai, đấy chỉ là một sự ngẫu nhiên ngoài ý muốn của người viết. Nhưng hoặc giả bạn nhận thấy có gì phảng phất sự thật, thì thưa bạn, tiểu thuyết là phản ảnh cuộc đời và quyển chuyện nhỏ bé này nồng đượm ít nhiều hơi hướm của một tuổi trẻ vừa qua, của mọi người, của quý bạn...

(Tiếp theo P.T. số 14)

— Anh hứa danh dự ?

— Tôi xin hứa.

Tiếng kèn báo Sáu Miêng viết một mảnh giấy và cho người đưa anh Thanh đến kho vũ khí. Thanh cho anh Ba tôi quy tụ các bạn lại và đến nơi nhận súng. Nơi kho vũ khí, một quan cảnh nhón nháo và vô trật tự đã diễn ra. Đến giờ phút cuối cùng, người ta mới phát hỏa vũ khí cho những ai có thể sử dụng được.

Viên trưởng kho cưỡng quịch hỏi các dân quân :

— Anh nào biết bắn súng máy FM ? Có bốn khẩu đây...

— Chúng tôi không biết, nhưng anh chỉ sơ lược đi thì cũng bắn được.

— Tôi cũng không biết nổi !

Cả một kho vũ khí có thể vô trang đầy đủ cho một đại đội lại nằm ứ sau hậu tuyến trong khi nơi giới tuyến có ít lắm là một phân ba chiến sĩ lẫn mình trong lửa đạn với giòng máu đỏ, mảnh lòng son bên những vũ khí thô sơ gồm những lựu đạn nội hóa, dao găm và tầm vông vạt nhọn !

Anh Thanh và các bạn được phát cho thử súng mứt cũ và mỗi người chỉ được 60 viên đạn.

— Đạn đầy thùng ngồn ngang như thế sao anh hà tiện vậy ?

— 60 viên đạn phải giết 60 quân thù. Các anh còn chê là ít à ?

— Nói thì hay, nhưng sự thật không phải mỗi viên đạn lại kết liễu ngay một quân thù, giặc có phải là bú nhìn đâu.

Tên trưởng kho trợn mắt lên :

— Vậy thì các anh không phải là chiến sĩ!

Không hơi sức đâu cãi lý luận với một người có tư tưởng đơn giản như vậy, anh Thanh cười nhẹ:

— Như vậy, danh từ một chiến sĩ phải để dành cho anh mới đúng.

— Tôi sẵn sàng nhận. Viên gác kho ửng ngực ra, hãnh diện. Tôi chờ địch ở đây để đánh đến giọt máu cuối cùng!

Anh Thanh cùng anh Ba tôi và tám người bạn nữa đi về mặt trận đang nổ súng ầm ầm ở trên Thạch động. Các anh cố hết sức tiến nhanh lên và anh Thanh bảo cùng các bạn:

— Pháp làm gì đã có chiến xa hai mươi thước bề dài? Chắc là hai chiến xa buột lòi tôi sát với nhau chứ gì? Các bạn còn nhớ phương pháp luyện tập để phá chiến xa không. Trời nhá nhem tối như thế này để cho ta thành công lắm.

Nhưng khi các anh tới nơi thì tiếng súng đánh nhau bất hẳn. Đây chỉ là một cuộc nháp như của địch thử xem lực lượng phòng vệ biên cảnh của ta ra thế nào mà thôi. Các bộ đội kháng chiến ở đây đã bắn gần hết số đạn bắt buộc phải giết 60 quân thù mà vẫn chưa có một tên địch nào bị hạ, ngoại trừ một em bé của bộ đội Lâm Quang Phòng đã núp trong một cái hố và ném ngay vào giây xích sắt chiến xa địch một quả lựu đạn

khiến cho chiến xa đó không tiến tới được nữa. Địch kéo được chiến xa trở về bên kia biên giới trong khi màn đêm vờn buông xuống mù mịt nơi vùng rừng núi cô kinh thâm nghiêm của người dân sanh trưởng ở nơi đất phát hay tin tưởng vào những chuyện huyền bí linh thiêng...

Hai anh Long và Thanh là bạn cũ của Phòng đã từng chia chung một gác trọ khi còn du học ở Hà-nội, vội tìm đến nơi Phòng đóng quân để mừng bạn. Phòng bảo cùng hai anh:

— Nếu không có sự xuất hiện bất ngờ của địch, chúng tôi đã kéo về Hà-tiên để ủng-hộ sự tranh đấu hợp lý của các anh. Ngày hôm nay, người ta đương nhiên bắt anh Châu đi và tước súng của các anh, mai mốt gì đây người ta lại đề yên cho tôi sao? Không ngờ nước nhà độc-lập mà bọn có chút đỉnh đầu óc suy nghĩ như chúng mình lại không có một lỗ vuông trời tự do để thở?

Các anh ở chơi với Phòng đến sáng, không thấy gì động tĩnh nữa nên trở về để lo điều động bộ đội còn đóng chờ lệnh nơi Ba Hòn. Bọn người của Sáu Miêng đã đón các anh để nhận lại số súng ống kia.

Chín Miêng hơi thẹn mặt với Thanh về sự bối rối hôm qua: Tinh thần các anh rất cao, nhưng đại đội vừa rồi đã thiếu lễ độ với

tôi là người thay quyền anh Châu để chỉ huy họ. Và cái anh Lê Hiền gì đó dám xác xược hỏi tôi: « Anh có biết xem địa đồ không mà chỗ này là núi anh lại quả quyết rằng rừng? » Không! tôi không dung tha được tánh lão cá ấy và yêu cầu anh đưa đại đội ấy về huấn luyện lại, đồng thời gợi qua một đại đội khác để nhận lãnh lại số khí giới kia.

Anh Thanh vừa toan trở lại Ba Hòn thì bộ đội bị giải tán đang chờ lệnh nơi ấy nghe nói Pháp tấn công qua Hà-tiên vội quày trở lại để tìm cách ngăn địch. Trước tình thần dũng mãnh ấy, Thanh và các cấp bộ chỉ huy đều cảm động đến ứa nước mắt ra...

Hai ngày sau, anh Thanh và đại đội họ trở về tỉnh Rạch-giá. Hà-tiên đã tương đối yên tĩnh, Pháp quân không mở thêm loạt tấn công nào nữa. Tôi mừng rỡ lắm khi đón rước anh Ba tôi và nghe anh kể những chuyện của anh trong thời gian anh ở bên tỉnh lại.

Sau cùng, tôi hỏi đùa anh:

— Nghe bảo con gái Hà-tiên phải lòng các anh chiến sĩ cảm tử lắm mà?

Anh Khanh rút một tấm ảnh ra khoe cùng tôi:

— Đặc chừng như người này sẽ làm chị dâu mày, mày chịu không?

Anh chụp bán thân một cô thiếu

nữ mặc áo dài, uốn tóc quăn, mặt mày trẻ trung và cũng khá đẹp. Anh Ba tôi bảo:

— Một nữ sinh trường Áo-Tím Nữ Học đường Sài-gòn, con của ông huyện Vân tại châu thành Hà-tiên đấy. Được không?

— Được chứ.

— Mày liệu má bằng lòng đi hỏi cho tao không?

— Tôi chắc không có gì trở ngại cả.

Anh Ba viết một phong thư cho má tôi nhờ tôi đưa về trước vì anh vừa được chỉ định đi công tác ở xa. Anh năn nỉ tôi:

— Mày cố nói vô giúp tao nhé.

— Ừ được, anh cứ tin tôi.

Tôi trở về nhà, trình thư cho má tôi xem. Má tôi xem thư xong, không nói gì cả. Người có vẻ phân vân suy nghĩ trọn ngày hôm ấy, thỉnh thoảng lại hỏi tôi:

— Mày nghe anh mày nói sao?

— Ảnh nói ảnh và chị đó thương nhau lắm, chứ có sao?

Má tôi bấm đốt ngón tay lầm bầm tính:

— Anh mày tuổi Sửu, con trâu còn con nhỏ này tuổi Dần, con cọp. Hai tuổi đó tao coi bộ không hợp rồi.

Tôi liền nói cùng má tôi:

— Miễn là hai người thương nhau, hợp tánh nết cùng tư tưởng với nhau và biết xây dựng hạnh phúc cho nhau được rồi, cần gì phải căn cứ vào việc coi tuổi, hỏi má?

Má tôi nhìn tôi và lắc đầu:

— Tao biết mày theo mới, chê tao xưa. Nhưng việc coi tuổi can hệ lắm, bọn trẻ như mày không biết đầu, đừng cãi bướng. Người nào sanh nhằm ngày, tháng, giờ nào của năm nào thì phải thuộc về cung mạng nào, tánh tình ra sao, người ta coi tuổi đều biết được hết. Có so-đo tuổi nhau, người ta mới biết mạng của đôi lứa có hợp không, tánh tình có chịu đựng với nhau không và sự hợp tác có nên nhà đẹp cửa hay không?

— Đó là hồi xưa trai gái không được quen biết nhau...

— Vậy chờ đời này, trai gái thương nhau, có mấy đám gạn lọc kỹ càng chưa? Khi mới mê nhau, khô-quá cũng là ngọt, rồi khi chung đụng nhau, lời những tật xấu ra, tha hồ cắn đắng với nhau, cùng nữa là dễ bỏ nhau. Vậy coi tuổi không phải là vô ích đâu.

Tôi không tán thành việc coi tuổi, nhưng không dám cãi thêm nữa, nên sáng hôm sau, sẵn có người ra tỉnh, tôi liền viết một phong thư cho anh Ba tôi, kể rõ mọi việc cho anh hiểu và đề nghị với anh nên nhờ các bạn thuyết phục má tôi thì hơn.

Qua ngày hôm sau, tình cờ có dì Tư-Út là chị em cô cậu với má tôi, từ Cần-thơ tần cư đến ở chung với chúng tôi. Tôi liền đem chuyện hôn nhân không thành của anh Ba ra nói cho dì Tư nghe. Dì Tư lớn hơn tôi có mấy tuổi, cũng đứng về phái tân

tiến, rất đồng tình với tôi về chỗ hạnh phúc của đôi lứa không tùy thuộc vào sự coi tuổi.

Dì Tư lần lựa những lúc má tôi vui liền đem vấn đề của anh Ba ra bàn bạc. Dì khen ảnh chụp khéo, cô nữ-sinh khá, đẹp, con gái Hà-tiên hiền đức, và gia đình bên ấy cũng xứng với gia đình bên này.

Hôm ấy, má tôi vui chuyện liền bảo:

— Dì coi, con nhỏ này miệng hơi hô và chân mày sếch lên như vậy tức là cứng cổ lắm, chắc không chịu đầu lụy ai đâu, nó làm sao ăn ở đời với thằng Ba nhà tôi được?

Dì Tư cười ngất:

— Con gái bây giờ hầu hết đều về chân mày theo kiểu đào chóp bóng dó chị ơi. Còn nó hờ như vậy mà không xấu thì thôi chứ.

— Cái tướng ấy xung khắc với chồng lắm.

— Sao chị hay tin vào tướng số lắm vậy?

— Kinh nghiệm của ông bà để lại, không đúng hay sao. Lại nữa, tuổi của hai đứa không hợp nhau.

Dì Tư than thở cùng má tôi:

— Chị xem như cuộc hôn nhân của em, bao nhiêu ông thầy tướng, thầy số đều khen tuổi em và tuổi nhà em hợp lắm, sẽ ăn đời ở kiếp, vinh nhà ấm cửa không gì bằng. Thế nhưng đã bốn năm nay em vẫn đau khổ...

Đến nhiều khi quần chỉ muốn tạo đầu đi tu cho xong!...

— Sao lạ vậy? Ai cũng tưởng vợ chồng hòa thuận dữ lắm.

— Ảnh thì thương em lắm, nhưng gia đình ảnh thấy em không có chữ ghen gì hết nên đâm ra lơ lửng khinh rẽ...

— Dữ không! Tưởng là chuyện gì chứ!... Vợ chồng ăn ở mới bốn năm chưa có con mà có làm sao. Thiếu gì cặp cũng như vậy, rồi về sau tự rụng mỗi năm chuối ra một đứa, lo mà mệt.

— Nhưng bên chồng lại muốn cưới vợ bé cho ảnh...

— Dường không chịu, ai ép được?

— Mẹ chồng thì không nghiệt lắm, nhưng các cô em chồng quá quắc ghê, nặng nề đủ điều, cho ảnh là sợ vợ và vặc-mặc với em từ chót. Bởi vậy, chị ơi, người ta nói: giặc đánh đàng Đông không bằng bà cô bên chồng là phải lắm...

— Dì răn nhịn vài năm, họ đi lấy chồng hết, là em chứ gì. Chẳng đó, biết đâu họ cũng gặp cảnh chị dâu em chồng như đi, họ sẽ ân hận và cảm thương đi không hết. Tôi khi làm dâu cũng như đi vậy, nhiều khi nhớ cái câu mình thường hát chơi mà mình chưa thấm thía hết ý nghĩa của nó như câu: «Tôi đây đất khách quê người; cái thương cũng sợ, cái cười cũng ghê.» Tôi khóc sưng húp cả mắt. Nhưng rồi lần lần tánh nết của

mình được gia đình bên chồng cảm thương, và nhờ lòng thương yêu và hiểu biết của chồng, mình cũng đỡ thấy bị hắt-hủi và nung chí dộc lòng chăm lo việc bên phận. Trong mọi gia đình Á-Đông, cô dâu là người có công nhất mà đành chịu cảnh bạc bẽo nhất, nhưng phần thưởng tinh thần xứng đáng nhất dành cho họ là sau những cơn thử thách cam go, gia đình nhà chồng nhìn nhận ở những công khó ấy mà không có một cô con-gái nào trong gia đình có thể đảm đương được... Cảnh làm dâu của đi còn ít chứ tôi hồi đó khổ hơn nhiều lắm, mỗi bữa cơm chan nước mắt má lứa, nhưng rồi dần cũng an bài đó, giờ đây bà nội sắp nhỏ thương tôi lắm...

Dì Tư lấy khăn chấm nước mắt long lanh trên đôi mi ướt rượt và nói:

— Như vậy thì mấy ông thầy coi tuổi nói sai bét hết về gia đình hạnh phúc của tôi. Chị đừng câu nệ ở hap tuổi hay không hap tuổi mà làm con phải khổ.

— Ủ, để tôi nghĩ kỹ lại vấn đề đó. Còn về phần đi thì cứ ở chơi đây chừng nào cũng được nhưng tôi khuyên đi nên viết thư nhắn cho đường biết, rồi khi thời cuộc yên, hai vợ chồng bàn nhau trở lên Sài-gòn mượn nhà ở riêng là xong. Đường jam trở lại sở cũ, thỉnh thoảng rảnh rang hai vợ chồng lại về

thăm gia đình bên ấy. đi cố khôn khéo chịu chuông người ta một chút là được vui về cả nhà...

Di Tư nghe lời mà tôi, viết thơ gởi người đem về Cần-thơ cho dựng Tư hay. Những ngày Di Tư về ở với gia đình tôi, tôi vui vẻ lắm, thường nói chuyện với di luôn. Tuy lớn vai hơn và hiền đời hơn, nhưng đi cùng ở vào tuổi trẻ yêu đời và ham phần đấu, nên lúc nào cũng đi cặp với tôi đến nỗi người không biết tưởng là hai chị em.

Một bữa nọ, di hỏi má tôi :

— Con Tư năm nay cũng mười chín tuổi rồi, chị có tính việc gã chồng cho nó không ?

— Có mấy đám đi coi nó hồi năm ngoái, mà bà nội sắp cháu không bằng lòng.

— Khi đó thằng Khanh bị bắt, chị sợ trách nhiệm nên đề cho bà quyết định chứ bây giờ thằng Khanh đã về, chị còn chờ gì nữa cho con nó phải lỡ thời ?

— Năm nay lộn xộn, biết ai mà gã ?

— Trong đám bạn của thằng Khanh đó, tui nó hình như cũng đề ý đến con Tư, chị lựa thằng nào xứng đáng thì gã cho xong đi.

Má tôi cười dài :

— Di này khéo lo đủ không. Thuở nay trâu tìm cột chứ sao cột lại tìm trâu.

— Đành vậy. Nhưng phải chờ, tui nó có cái dịp đề quen biết nhau chớ. Mỗi tháng chị biểu thằng Khanh đưa bạn nó vô nhà chơi, dần dà giao tình thân mật, trai gái hiểu nhau, mới nói đến chuyện cưới hỏi nhau...

Má tôi nháy di Tư lại một bên và nói nhỏ :

— Tháng trước, tôi đi chợ Giồng-Riềng gặp bạn thằng Ca-Vang là bạn của thằng Khanh đi tuyên truyền ngang qua, và thằng Ca-Vang có nói đến chuyện em gái của đứa bạn này nên gã cho đứa bạn kia đề kết chặt thêm tình thân mật. Nó hỏi tôi có tán thành việc ấy không ? Sau đó nó lại bảo tôi : ví dụ như thằng Thanh muốn hỏi cưới con Tư nhà tôi có được không ?

Di Tư tùm tùm cười và hỏi tôi :

— Chị trả lời với nó làm sao ?

— Tôi có hỏi, phải thằng Thanh cậy nó nói như vậy không ? Nó trả lời rằng phải. Tôi liền nghĩ ý là tuy tôi chưa biết mặt mày thằng Thanh ra sao, nhưng sắp nhỏ ở nhà hay nói đến nó luôn và coi bộ đứa nào cũng ưa, như vậy là được rồi. Nếu thằng Thanh muốn cưới con Tư nhà tôi, nó phải trình cho gia đình biết đề nhờ mai dong đến nói đàng hoàng. Tôi không đòi hỏi hay làm khó khăn gì hết, miễn là có lời giao kết giữa người lớn và người lớn, mà thôi... (Còn nữa).



★ BA-TÈO

(Xem P. T. từ bộ mới số 1)

★ NGUYỄN-ĐỨC-MẾN
VỸ-ĐA-HUỆ

Tôi ở chẳng được, tôi về nhà tôi

- | | |
|--|--|
| 2687.— Mịch trong nước chảy ra trong,
Thế nào cũng thể con giồng là hơn. | 2692.— Mẹ ơi chớ đánh con đàn,
Đề con quay tơ đánh ống, làm giàu mẹ coi. |
| 2688.— Màng trời chiếu đất đèn trăng,
Hai đứa mình theo nhau cho trọn đạo,
Chớ có nỉ-nần bạn cười. | 2693.— Mẹ ơi ông chánh đòi hùn,
Mua chanh, chùm kết gọi dàu cho trọn. |
| 2689.— Mầm thau chùi sáng, đề dưới ván thấy hình,
Cháo đậu xanh kia, đường cát nọ, nhờ mình quên ăn. | 2694.— Mẹ ơi con muốn tẩy chồng,
Con ơi mẹ cũng một lòng như con. |
| 2690.— Măng-gian nấu cá ngạnh nguồn,
Đến đây nên phải bán buồn mua vui. | 2695.— Mẹ già như chuối bà hương,
Như xôi nếp một, như đường mía lau ;
Mía lau vừa ngọt vừa mềm
Không dao mà tiện, không liềm mà mua. |
| 2691.— Mẹ chồng ác nghiệt đã ghê, | 2696.— Mẹ già ham việc tiếc công,
Cầm duyên con lại thu, đông mãi rồi. |

2697.— Mẹ già không lo tính liệm
cho con,
Kéo tre già; măng muộn
bỏ mục tre non tôi tàn.

2698.— Minh về ta chẳng cho về,
Ta nắm lấy áo ta để
câu thơ.
Câu thơ ba chữ rành rành,
Chữ trung, chữ hiếu, chữ
tình là ba.
Chữ trung thì dễ phân cha.
Chữ hiếu phân mẹ, dôi ta
chữ tình.

2699.— Miếng trâu ăn nặng bằng
chì,
Ăn rồi em biết lấy gì
dền ơn?
— Miếng trâu ăn chẳng
là bao,
Muốn cho đông liều tày
đào là hơn.

2700.— Một duyên hai nợ ba tình,
Chiêm bao lẫn quất bên
mình năm canh.
Năm một mình nghĩ một
mình,
Ngọn đèn khêu tỏ, bóng
huỳnh bay cao.
Trống ra nào thấy đầu
nào?

Đám mây vơ-vẩn ngôi sao
mập mờ.
Móng người lòng những
ngân-ngơ.

2701.— Một đàn cò trắng bay
quanh.
Cho loan nhớ phụng, cho
mình nhớ ta.
Minh nhớ ta như cá nhớ
muối,
Ta nhớ mình như cuội
nhớ trăng,

Minh về mình nhớ ta
chăng?
Ta về ta nhớ hàm răng
mình cười.

2702.— Một đàn anh thiêu nên
nhận,
Một đàn anh mạn nên hoa.
Yếm em anh để trong nhà,
Khen thay thầy mẹ mở
khóa đem ra cho nàng.
2703.— Muốn cho gần bên gần
thuyền,
Gần cha gần mẹ, nhân
duyên cũng gần.

2704.— Một lo đứng cửa trông xa,
Hai là đi lấy chồng xa
nước người,
Ba lo sợ chị em cười,
Bốn lo đi ngược về xuôi
sao đành.
Năm lo lúc tử lúc sinh
Sáu lo con gái một mình
đường xa,
Bảy lo nhớ cửa nhớ nhà,
Tám lo con cháu mẹ già
ai nuôi
Chín lo em thiệt cả mười,
Đề em kiếm lối tìm nơi
đi về.

2705.— Một ngày ba bận trò non,
Lấy gì mà đẹp mà giòn
hỏi anh.

2706.— Một mình vừa chống vừa
chèo,
Không ai tác nước đỡ
nghèo em ra.

2707.— Một cái nhà năm ba cái
cửa,
Có vợ rồi, vợ nữa cũng
xong.
(Còn nữa)

TẠI SAO TÔI DỊCH QUYỀN

«BONJOUR TRISTESSE» CỦA F.SAGAN?

CÓ một số bạn-hữu đã tỏ ý
ngạc nhiên tại sao tôi không
chọn một quyển sách khác của
Pháp hay của Anh, Mỹ, để dịch,
mà lại dịch quyển « Bonjour
Tristesse » của François Sagan?
Nay dịch xong, tôi xin trả lời.

Thưa các bạn, chủ-đích của kẻ
dịch này là trình bày với các bạn
độc Việt-nam một quyển truyện có
2 đặc-điểm sau đây:

1.) Tác giả là một cô Nữ-Sinh
còn trẻ tuổi mà có văn tài đặc-
biệt nhất của thời Hậu chiến.

2.) Lối hành-văn của cô rất lạ,
rất đẹp. Những người thông hiểu
Pháp-văn, Anh-văn, hoặc văn
chương Âu-châu, đều phải công
nhận rằng quyển « Bonjour Tris-
tesse » có một lối hành-văn hấp-
dẫn vô cùng, ý-tưởng rất dồi-dào
vừa rất cô đọng. Với một cốt
chuyện tầm thường, giản-dị, cô

đã xây dựng được một tác-phẩm
quả thật là lạ-lùng, có sức quyến
rũ cả hàng mấy triệu độc giả
tri-thức và bình-dân khắp thế-
giới.

«Phổ-Thông» có nhiệm-vụ trình
bày các biến-cổ văn-hóa quốc-tế,
có ảnh-hưởng sâu rộng và mới
mẻ, để cho đồng-bào tri-thức của
xì ta cũng theo rồi được, cho
nên, dĩ-nhiên, tôi phải dịch quyển
sách ấy hơn là các quyển khác.

Tôi xin thú thật rằng dịch
quyển BONJOUR TRISTESSE!
ra quyển « BUỒN OI, CHÀO MI! »
tôi thấy thú vị vô cùng, vì trong
lúc dịch ra từng đoạn văn, tôi
hoàn-toàn cảm-thông với tác-giả,
trong cả các ý-nghĩ thâm-kín
nhất của nàng, được diễn tả với
một nghệ-thuật rất tế-nhị, tinh-vi,
đã đưa quyển truyện ấy lên hàng
vinh-dự của Văn-chương quốc-tế.

DIỆU-HUYỀN

★ CẢI LỘN

Hai con chim con đang cãi lộn trên cành cây. Một con
kêu: « Qui-qui-quit-qui ». Con kia trả lời: « qui-qui ». Ngay
lúc đó, một con quạ bay ngang, cãi lại: « Qua-quạ ».

ĐÁP BẠN

BỐN

PHƯƠNG



★ **Bạn Cao Xuân-Lý — Tuy Hòa**

Chuyện « Chiếc áo cưới màu hồng » đã in thành sách, nên rất tiếc không thể đăng lại vào PHỔ-THÔNG được.

★ **Bạn Đặng ngọc Toàn — đường Ngô đình Khôi — Nha-trang.**

1) Theo thiên ý của chúng tôi thì chữ « Giòng Tên » không phải là dịch, hay phiên âm của chữ Jésuites mà dịch của danh từ Compagnie de Jésus. Có lẽ vì một lý do nào đó mấy vị giáo sĩ muốn gọi là « Giòng Tên » thay vì « giòng Chúa Jésus ».

2) Nước Cộng Hòa Ấn Độ có Tổng Thống và Thủ-Tướng là theo đại-nghị chế (Régime parlementaire). Nước Cộng Hòa Việt Nam chỉ có Tổng Thống và không có Thủ-tướng vì theo Tổng Thống chế (Régime présidentiel).

3) Về điều kiện xin vào học trường Đại học S.P. bạn nên viết thư hỏi thẳng trường ấy.

★ **Bạn Duy Châu — Hội An.**

Bạn có thể gửi cho chúng tôi bài khác với đề tài xây dựng hơn.

★ **Bạn Nguyễn văn Quý — Hòa Hưng.**

1) Hình luật C.C tức là Code Civil. Người ta gọi điều 309 — 311 của hình luật C.C là hình luật của Pháp do Pháp còn đề lại, đề khỏi lộn với hình luật Gia-Long, Hồng-Đức...

2) Ông Thái thúc-Diễn ở số 232, đường Hiền Vương — Sài-gòn.

★ **Bạn N.V.N — K.b.c 6001.**

Theo phép xã giao, người già cả bao giờ cũng được kính trọng hơn.

★ **Em Trần Chấn Thanh — học sinh Vinh Bình**

Ông N.V cảm ơn thư em. Khi nào tập thơ « HOANG.VU » xuất bản chúng tôi sẽ cho em hay.

★ **Bạn Trần văn Thương — đường Tôn thất Đản — Khánh Hội**

Bài xã thuyết « Học nô lệ » của ông N. V. đăng trong PHỔ-THÔNG bộ củ số 7 ra hồi tháng 10 d. 1. năm 1952.

★ **Bạn Đức Kiên — Nha-trang.**

1) Bạn xem lại PHỔ-THÔNG số 3 bài « Minh ơi ! » trang 52 có nói đến bản nhạc « Sombre dimanche ».

2) Hình bìa PHỔ-THÔNG số 12 là ảnh chụp thật chứ không phải vẽ.

★ **Một học sinh ở Qui-Nhơn.**

Rất cảm ơn thịnh tình của em đối với tạp chí PHỔ-THÔNG. Rất tiếc ông N. V. không có hình để tặng em. Thân mến.

★ **Ông N. V. S. — Hải-học viện — Nha-trang.**

Bài « Nước Nặng » của ông có tính chất chuyên môn quá, ông có thể viết cho những bài thuộc về khoa học vừa vui mà vừa hấp dẫn hơn. Thành thật cảm ơn hảo ý của ông đối với tạp-chí P.T.

★ **Ông Lê Miêng — Cần thơ.**

Các số báo mà ông hỏi hiện nay ở tòa soạn đã hết, có lẽ trong một tháng nữa chúng tôi thu góp các nơi về một ít. Sẽ tin ông biết,

★ **Thượng sỹ Phạm ngọc Nhiễm — k. b. c. 4.100**

Bài ấy không đầy đủ tài liệu lắm. Rất tiếc, mong bạn gửi bài khác.

★ **Ông T.L. — Châu đốc**

Cảm ơn ý kiến của ông. Nhưng còn nhiều mục cần thiết hơn

★ **Bạn Phan trung Nghĩa — Long xuyên**

Bài thơ của Lưu Trọng Lư đăng trong « Việt nam văn học sử yếu » đúng hơn. Câu sau sai chữ « chẳng »

★ **Bạn Nguyễn-tấn-Sinh — k.b.c 6086 — Hội-An.**

1) Truyện « Một nghìn lẻ một đêm » là một chuyện Ả-Rập, nhưng gốc tích ở Ba-Tur, trong ấy kể chuyện vua Ba-Tur tên là Chelriyar và cô cung nữ Cheherazade.

2) Phù (cây Phù); Tang (cây dâu) là hai thứ cây mọc dày rậm ở chân trời. Có câu « Nhặt xuất phù tang » tức là mặt trời mọc nơi bãi phù tang. Vì thế nên người ta gọi Nhặt Bốn là xứ Phù Tang, xứ mặt trời mọc.

3) Thần-kinh có nghĩa là kinh-đồ. Trước kia các nhà vua thường đóng đô ở Huế nên coi như là kinh-đô.

★ **Bạn Hoàng-Hải — Saigon.**

Móng (tiếng Bắc gọi là cầu vòng) gồm có 7 màu của ánh mặt trời theo thứ tự sau đây : tím, chàm, xanh dương, xanh lục, vàng, da-cam, đỏ. Muốn cho dễ nhớ người ta gọi VIBVJOR : V (violet) I (indigo) — B (bleu) — V (vert) — J (jaune) — O (orange) — R (rouge).

Cầu vòng sinh ra do tia mặt trời phản chiếu vào một đám mây sắp mưa hoặc vừa mưa xong.

BẠCH-YẾN

TRẢ LỜI NGÀY THÁNG ÂM VÀ DƯƠNG LỊCH

★ **Ông Lâm-bình-Quý — Bình định.**

Ngày 8 tháng 9 năm Đinh-Sửu âm-lịch tức là ngày Thứ hai 11-10-1937.

★ **Ông Đặng-ngọc-Toàn — đường Ngô-dinh-Khôi — Nha-trang.**
Ngày 27-7-1937 là ngày Ất-mão tháng Đinh-Ty. 20 tháng 6 năm Đinh-Sửu Âm-lịch.

★ **Bạn Cao-xuân-Lý — Tuy hòa.**

Ngày 13 tháng 6 năm 1940 dương lịch nhằm ngày 8 tháng 5 năm 1940, ngày Đinh-Hội, tháng nhâm ngọ.

★ **Ông Nguyễn-phi-Hoàn — Huế.**

Ngày 28-5-1928 tức ngày 10-4 năm mậu Thìn, ngày mậu thìn, tháng Đinh-Ty.

★ **Bạn Hồng-Phước — đường Thành-Thái — An-Giang,**

— Ngày 20 tháng 10 âm-lịch năm 1935 là ngày 15-11-1935 dương lịch.

— Ngày 27-5-1936 dương-lịch là ngày 7-4-1936 âm lịch, năm Bính tỵ.

★ **Bạn N.H. nghĩa — đường Nguyễn-Hoàng — Đà-nẵng.**

— Ngày 26-10 âm - lịch năm canh thìn tức ngày 25-11-1940 dương-lịch.

— Ngày 4-5-1940 là ngày 27-3 âm lịch, năm Canh-Thìn.

— Ngày 1-8-41 tức ngày 9-6 âm-lịch, năm Tân-Ty.

★ **Bạn Nguyễn-Phi — đường Yersin — Saigon.**

Ngày mồng 5 tháng 2 âm-lịch năm Ất-Hợi là ngày Thứ bảy 9-3-1935 dương-lịch.

★ **Ông Nguyễn-hữu-Ngôi — Gò-đen.**

Ngày 1-1 năm 1939 âm lịch tức ngày chúa nhật 19-2-1939 dương lịch năm Kỷ Mẹo.

★ **Ông Phú Cường — Qui Nhơn.**

— Ngày 25 tháng chạp năm nhâm thân (1932) là ngày 20 tháng Giêng 1933 Dương lịch.

— Ngày 12 tháng 8 năm Giáp Tuất (1934) là ngày 20-9-1934 dương lịch.

— Ngày 13 tháng 7 năm Mậu Dần 1938 là ngày 5-9-1938 d.l.

— Ngày 12 tháng 2 năm Nhâm Ngọ 1942 là ngày 28-3-1942 dương lịch,

★ **Ông Thái Công Nhiều — Ninh Thuận.**

Ngày 15-5 âm lịch năm nhâm Thân nhằm ngày Thứ bảy 18-6-1932.

★ **Bạn Vũ Bằng — VTX Saigon.**

Ngày 10 Avril 1933 tức là ngày 16-3-1933 âm lịch ngày Bính Ngọ, tháng Bính Thìn năm Quý Dậu.

NGUYỄN-TRIỆU

CÁO LỖI ĐỘC GIẢ

Trong Phở-Thông số 11 và 12, Bài « Ngày Lịch sử » tháng tư những nơi 11 Février 1285, 23 Février 1285, 26 Février 1079 và 28 Février 1857, xin đọc là « MAI » chứ không phải « Février », xin quý vị độc giả vui lòng sửa lại dùm cho Vẹn vẹn.

NGUYỄN - TRIỆU

BẠN ĐỌC VIẾT...

★ **THÔNG CÁM**

CỦA BẠN S. AN — AN-XUYỀN.

... Đã nói lên trong hai tiếng « PHỞ-THÔNG »

Cô đọng lại một thành công chói sáng.

Mấy hôm rồi em mong trời quang đãng.

Và chờ trông số xuất bản này đây.

Bằng tình yêu người con gái miền Tây.
Bằng ý chí nữ sinh đầy hoa mộng.
Đón lấy nó giữa phút giây cảm động.
Kai bên ngoài đang gió lộng mưa rơi.
Trong nụ cười cô hàng sách chào mời
Bàn tay đẹp nâng hoa tươi vãn hóa.
Khỏi hiệu sách lòng em còn rộn rã.
Ồ, vệt vòng quên từ giả cô hàng.
Lòng tràn dâng niềm vui sống hân-hoan.
Vì đã gặp hoa vàng trong cỏ dại !
Mưa ngừng đi, gió đừng làm tê-tái !
Nắng chiều mau trở lại ánh mây hồng.
Điểm tô thêm trời vãn-hóa Tây-Đông,
Hòa kim cò, phở nhạc lòng thông cảm !

★ TIẾNG NÓI CỦA HỌC SINH VỀ NHỮNG KHÓA HỌC TƯ :

Của T.V.— đường Thoại-ngọc-Hầu—Vĩnh-Long.

« . . . Chúng tôi được học ở trường công lập. Nói chung, vị giáo sư của chúng tôi ít làm "áp phe", nhưng không phải là không có một vài vị mở lớp tư với tính cách làm tiền. Chúng tôi thường nhờ những vị giáo sư của chúng tôi, trong những giờ rảnh dạy kèm chúng tôi những môn chánh, và chúng tôi rất cảm mến những vị ấy đã không ngại nhọc mệt dạy dỗ chúng tôi. Nhưng những lớp tư của ông giáo sư H... thì thật là có tính cách vì tiền rõ rệt. Ông là giáo sư cử nhân, dạy toán mà toàn trường có ý kính nể trong số các giáo sư Cao-dẳng sư-phạm và Tú-tài khác. Song song với khóa học trong lớp, giáo sư H... còn mở thêm lớp tư. Lẽ dĩ nhiên là cần phải làm sao cho những học-sinh lớp tư thấy cái lợi gì khác hơn là học trong lớp, như vậy thì số học-sinh học mới càng đông. Nhưng thay vì đem những điều mới lạ, ngoài những điều đã dạy ở trường một cách đầy đủ, giáo sư đã làm trái lại : dạy ở trường một cách "lấy có" để dạy kỹ ở lớp tư. Như thế những học sinh không học thêm lớp tư không hiểu gì cả mà vẫn phải ngồi nghe những lời giảng không được rành rẽ một cách vô ích. Rồi về nhà phải kiểm sách mà học (vì là năm thi) chớ không biết làm sao hơn. Dành rảnh khi học sinh không hiểu bài có thể hỏi lại giáo sư. Nhưng hỏi thì được trả lời một cách mơ hồ và kèm theo những câu : "Đề mà, anh nào học lớp tư với tôi thì biết hết rồi ! " Và học sinh không dám nổi loạn nữa... »

K. D. số 151/HĐKD ngày 4-7-1959

In tại nhà in TÂN-PHAT — 283 Gia-Long Saigon